

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Kết quả nêu trong luận án là trung thực. Các tài liệu tham khảo có nguồn trích dẫn rõ ràng.

Tác giả

Tổng Quốc Trường

MỤC LỤC

	Trang
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng biểu	
Danh mục các hình vẽ và sơ đồ	
Mở đầu	1
Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản và kinh nghiệm hoạt động của công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế trong nền kinh tế thị trường	8
1.1. Cơ sở lý luận về công ty tài chính trong nền kinh tế thị trường	8
1.2. Kinh nghiệm hoạt động của công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế trong nền kinh tế thị trường	46
Chương 2: Thực trạng hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	59
2.1. Bối cảnh ra đời của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	59
2.2. Quá trình hình thành và hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	66
2.3. Bài học kinh nghiệm qua quá trình hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	114
Chương 3: Phương hướng và giải pháp thúc đẩy hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	121
3.1. Khái quát tình hình kinh tế quốc tế và trong nước, thời cơ và thách thức đối với hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	121
3.2. Phương hướng phát triển Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	132
3.3. Giải pháp thúc đẩy hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	136
3.4. Kiến nghị	169
Kết luận	174
Danh mục các công trình của tác giả đã công bố	179
Danh mục tài liệu tham khảo	180
Phụ lục	188

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tiếng Việt	Tiếng Anh
ADB	Ngân hàng phát triển Châu Á	Asian Development Bank
CBCNV	Cán bộ công nhân viên	
CPH	Cổ phần hoá	
CTTC	Công ty tài chính	
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng	Consumer Price Index
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước	
EU	Liên minh Châu Âu	European Union
FED	Cục dự trữ Liên bang Hoa Kỳ	Federal Reserve System
FII	Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài	Foreign In-direct Investment
FDI	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Foreign Direct Investment
GATS	Hiệp định thương mại mậu dịch tự do	General Agreement on Trade in Services
GDP	Tổng sản phẩm trong nước	Gross Domestic Product
IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế	International Monetary fund
NHLD	Ngân hàng liên doanh	
NHNNVN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
NHNNg	Ngân hàng nước ngoài	
NHTM	Ngân hàng thương mại	
OTC	Thị trường chứng khoán phi tập trung	Over The Counter
PVN	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Vietnam Oil and Gas Group

PVFC	Công ty tài chính Dầu khí	PetroVietnam Finance Company
TCTD	Tổ chức tín dụng	
TĐKT	Tập đoàn kinh tế	
TSCĐ	Tài sản cố định	
UBND	Ủy ban nhân dân	
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước	
VND	Đồng Việt Nam	
XDCB	Xây dựng cơ bản	
WB	Ngân hàng thế giới	World Bank
WTO	Tổ chức thương mại thế giới	World Trade Organization

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

	Trang
Biểu số 2.1/ Hạn mức tín dụng của PVFC tại các ngân hàng thương mại quốc doanh và các tổ chức tín dụng (thời điểm 31/12/2007)	81
Biểu số 2.2/ Nguồn vốn huy động tiết kiệm, phát hành giấy tờ có giá và nhận quản lý vốn uỷ thác của PVFC năm 2005, 2006, 2007	82
Biểu số 2.3/ Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân của PVFC năm 2005, 2006, 2007	84
Biểu số 2.4/ Phân loại nợ cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân của PVFC năm 2006, 2007	85
Biểu số 2.5/ Đầu tư tài chính PVFC năm 2006, 2007	91
Biểu số 2.6/ Kết quả hoạt động PVFC giai đoạn 2001-2007	98

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ VÀ SƠ ĐỒ

		Trang
Hình 1.1/	Những dòng vốn đi qua hệ thống tài chính	9
Hình 2.1/	Sơ đồ mô hình tổ chức PVFC	72
Hình 2.2/	Huy động qua hình thức tiền gửi tiết kiệm của PVFC	78
Hình 2.3/	Phát hành trái phiếu của PVFC	79
Hình 2.4/	Nguồn vốn uỷ thác của các cá nhân, tổ chức cho PVFC	82
Hình 2.5/	Tỷ trọng giá trị đầu tư của PVFC đến 31/12/2007	89
Hình 2.6/	Giá trị đầu tư theo lĩnh vực của PVFC đến 31/5/2008	90
Hình 2.7/	Nhu cầu vốn đầu tư của PVN	95
Hình 2.8/	Tỷ trọng cho vay trực tiếp của PVFC thời điểm 31/12/2007	96
Hình 2.9/	Tăng trưởng doanh thu của PVFC giai đoạn 2001-2007	99
Sơ đồ 3.1/	Quy trình hoạt động bao thanh toán	147

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới kinh tế, từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung chuyển sang nền kinh tế thị trường, việc huy động và sử dụng các nguồn lực, trong đó nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển đã có thay đổi cơ bản do tác động của cơ chế thị trường với sự quản lý và điều tiết của Nhà nước. Sự ra đời của các định chế tài chính đã tác động đến sự ra đời và phát triển của thị trường tài chính, các trung gian tài chính như ngân hàng thương mại cổ phần, công ty tài chính, quỹ đầu tư... góp phần tích cực vào việc tạo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Sự di chuyển và phân bổ nguồn vốn trong xã hội cho đầu tư phát triển được tiến hành phù hợp, hiệu quả hơn điều đó đóng vai trò tích cực vào sự tăng trưởng kinh tế đất nước.

Thực tế, sự ra đời của các tổng công ty Nhà nước được phát triển thành các tập đoàn kinh tế đánh dấu một bước phát triển mới của quá trình đổi mới, sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp Nhà nước ở nước ta. Thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về việc đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước, thời gian qua các doanh nghiệp Việt Nam đã tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đẩy mạnh công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế thế giới. Các tổng công ty Nhà nước hoạt động theo tinh thần Nghị định số 90/TTg và 91/TTg ngày 07/03/1994 của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, một số tổng công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh tế (trong đó có các ngành dầu khí, bưu chính viễn thông, than khoáng sản, dệt may, công nghiệp tàu thủy, cao su, điện lực và tài chính bảo hiểm - Bảo Việt) gắn với nhiều hình thức sở hữu,

hoạt động theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực. Tuy nhiên, một trong những khó khăn lớn của các tập đoàn kinh tế Nhà nước là vấn đề huy động vốn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn để triển khai các dự án sản xuất kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh, hội nhập kinh tế thế giới hiện nay. Đó là hệ quả tất yếu dẫn đến sự ra đời của các công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế và/hoặc thuộc các tổng công ty Nhà nước ở Việt Nam.

Thời gian qua, hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và Nghị định số 79/2002/NĐ-CP, một mặt góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, mặt khác cũng đóng góp tích cực vào việc điều tiết, giải quyết những khó khăn về nguồn vốn hoạt động của các thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hiện nay Công ty tài chính Dầu khí đang đứng trước không ít khó khăn và thách thức trong quá trình hoạt động, đặc biệt từ khi Việt Nam gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (viết tắt là WTO). Việc mở cửa thị trường tài chính – ngân hàng của Việt Nam theo cam kết khi gia nhập WTO đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết đối với nhiều ngành, nhiều lĩnh vực kinh tế của nước ta theo lộ trình hội nhập.

Trong bối cảnh tình hình tài chính, tiền tệ của thế giới và trong nước có nhiều biến động, việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nhằm tìm ra những giải pháp tiếp tục thúc đẩy hoạt động, góp phần vào sự phát triển ổn định và vững chắc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở khai thác sức mạnh của ngành, quản lý vốn tập trung thống nhất, đảm bảo điều hành các nguồn vốn linh hoạt, hiệu quả bằng việc tham gia tích cực thị trường tài chính, tiền tệ trong nước và quốc tế. Kết quả nghiên cứu đạt được có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc với các công ty tài chính nói chung, đặc biệt là các công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế ở nước ta hiện nay.

2. Tổng quan những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Trong nước, thời gian qua đã có một số công trình nghiên cứu về hoạt động của công ty tài chính như:

Luận án tiến sỹ kinh tế của Hồ Kỳ Minh (2002) về *Giải pháp phát triển Công ty tài chính Bưu điện*. Tác giả đã đi sâu nghiên cứu hoạt động của Công ty tài chính Bưu điện, từ đó đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy phát triển công ty tài chính trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam; Luận án tiến sỹ kinh tế của Trần Công Diệu (2002) về *Những giải pháp nhằm hoàn thiện và phát triển công ty tài chính ở Việt Nam*. Tác giả đã đề cập và đánh giá hiệu quả hoạt động, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty tài chính, của loại hình công ty tài chính tại thời điểm công ty tài chính mới được thành lập khi nền kinh tế Việt Nam chưa hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới. Trong luận án, tác giả đã đề xuất một số ý kiến nhằm xây dựng hệ thống các giải pháp mang tính vĩ mô để nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty tài chính Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới hiện nay.

Luận văn thạc sỹ kinh tế của Hoàng Đình Chiến (2001) về *Giải pháp hoàn thiện và phát triển các công ty tài chính trong các tổng công ty Nhà nước ở Việt Nam hiện nay* đã đề cập một số vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động của các công ty tài chính trong các tổng công ty Nhà nước, làm rõ những kết quả hoạt động của các công ty tài chính và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động tại các công ty này; Luận văn thạc sỹ kinh tế của Ngô Anh Sơn (2002) về *Giải pháp phát triển các nghiệp vụ của Công ty tài chính Dệt may* đã đi sâu nghiên cứu các nghiệp vụ cụ thể và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động nghiệp vụ của Công ty tài chính Dệt may. Đồng thời, tác giả đã có một số kiến nghị với Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Tổng công ty dệt may Việt Nam (nay là Tập đoàn dệt may Việt Nam).

Tác giả Trịnh Bá Tửu (2003) với công trình: *Công ty tài chính trên thế giới và ở Việt Nam* đã đề cập đến các loại hình và hoạt động của công ty tài chính trên thế giới và Việt Nam... Ngoài những công trình nghiên cứu trên, còn có một số bài viết đi sâu vào các nghiệp vụ cụ thể của các công ty tài chính, tác giả Nguyễn Đăng Nam (2003) có công trình: *Vai trò của các công ty tài chính trong việc phát triển thị trường chứng khoán ở Việt Nam*...

Nhìn chung, nội dung nghiên cứu của các tác giả đã đề cập đến nhiều khía cạnh trong hoạt động của công ty tài chính, đặc biệt là công ty tài chính thuộc tổng công ty Nhà nước với mục đích nhằm làm rõ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động của công ty tài chính ở nước ta. Đồng thời, các tác giả còn đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động của các công ty tài chính. Các công trình này chủ yếu nghiên cứu về công ty tài chính trong thời gian từ 2003 trở về trước, khi các công ty tài chính vừa hình thành, mới bắt đầu đi vào hoạt động trong điều kiện Việt Nam chưa gia nhập WTO.

Ở nước ngoài có một số công trình nghiên cứu về công ty tài chính và thị trường tài chính như: Sundararajan, V. (1990), *“Financial sector Reform and Central banking in Centrally Planned Economies”*, IMF Working Paper WP/90/120; Singh, Ajit and Javed, Hamid (1992), *“Corporate Financial Structures in Developing Countries”*, Technical paper No 1, International Finance Corporation, Washington D.C; Bradley, R.A and S.C. Mayers (1996), *Principles of Corporate Finance* (5th) New York: McGraw-Hill; Claessens, Stijn; Djankov, Semeon; and Klingebiel Daniela (2000), *“Stock Market in transition economies”*, Financial Sector Discussion Paper No 5, The World Bank, September; Carmicheal, Jeffrey and Micheal Pomerleano (2002), *The Development and Regulation of non-Bank Financial Institutions*, The World Bank, Washington D.C; Choudhry, Moorad, Didier Joannas, Richard Pereira and Rod Pienaar (2002), *Capital Market Instrument: Analysis and Valuation*, Financial Times – Prentice Hall, London-Amsterdam... Nhìn

chung, các công trình này đã đi sâu phân tích về thị trường tài chính và hoạt động của công ty tài chính trong nền kinh tế thị trường. Đặc biệt, một số công trình đã đi sâu nghiên cứu về đặc điểm thị trường tài chính và vai trò của công ty tài chính trong các nền kinh tế chuyên đổi.

Tuy nhiên, hiện chưa công trình nào nghiên cứu sâu về hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Đó là lý do nghiên cứu sinh chọn đề tài nghiên cứu: **“Hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: kinh nghiệm và giải pháp”**.

3. Mục tiêu nghiên cứu của luận án

- Từ nghiên cứu hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để rút ra một số bài học kinh nghiệm là cơ sở cho việc đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm tiếp tục thúc đẩy sự phát triển của Công ty tài chính Dầu khí trong giai đoạn tới.

- Từ nghiên cứu hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt các công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế ở nước ta trong điều kiện nền kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập kinh tế thế giới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của luận án: nghiên cứu về hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu về hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, luận án tập trung chủ yếu vào các vấn đề huy động vốn và sử dụng vốn; hoạt động đầu tư; hoạt động dịch vụ tài chính; hoạt động điều phối vốn giữa Công ty tài chính Dầu khí với các đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

+ Thời gian nghiên cứu chủ yếu từ năm 2000 đến năm 2007 (thời gian Công ty tài chính Dầu khí 100% vốn Nhà nước).

5. Phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở phương pháp luận được sử dụng trong nghiên cứu của luận án là phương pháp duy vật biện chứng cùng với sự kết hợp chặt chẽ giữa phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic.

- Các phương pháp cụ thể được áp dụng trong nghiên cứu bao gồm: phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, các phương pháp phân tích kinh tế, phương pháp chuyên gia... để làm rõ hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Đồng thời, luận án đã thu thập, sử dụng và kế thừa có chọn lọc nguồn tài liệu, các số liệu cả trong và ngoài nước phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài.

6. Những đóng góp của luận án

- Làm rõ thêm vai trò của công ty tài chính trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt là sự cần thiết của công ty tài chính đối với hoạt động của các tập đoàn kinh tế. Từ nghiên cứu hoạt động của các công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế lớn của một số nước trên thế giới, luận án đã rút ra một số bài học kinh nghiệm có ý nghĩa thực tiễn đối với Việt Nam hiện nay.

- Đã làm rõ thực trạng hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2007; từ kết quả và hạn chế trong hoạt động kinh doanh, luận án đã rút ra một số bài học kinh nghiệm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn là cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp tiếp tục thúc đẩy sự phát triển của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hiện nay.

- Luận án đã làm rõ phương hướng và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy phát triển Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài lời mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản và kinh nghiệm hoạt động của công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế trong nền kinh tế thị trường.

Chương 2: Thực trạng hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp thúc đẩy hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

CHƯƠNG 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN
VÀ KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH THUỘC TẬP ĐOÀN KINH TẾ
TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TY TÀI CHÍNH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

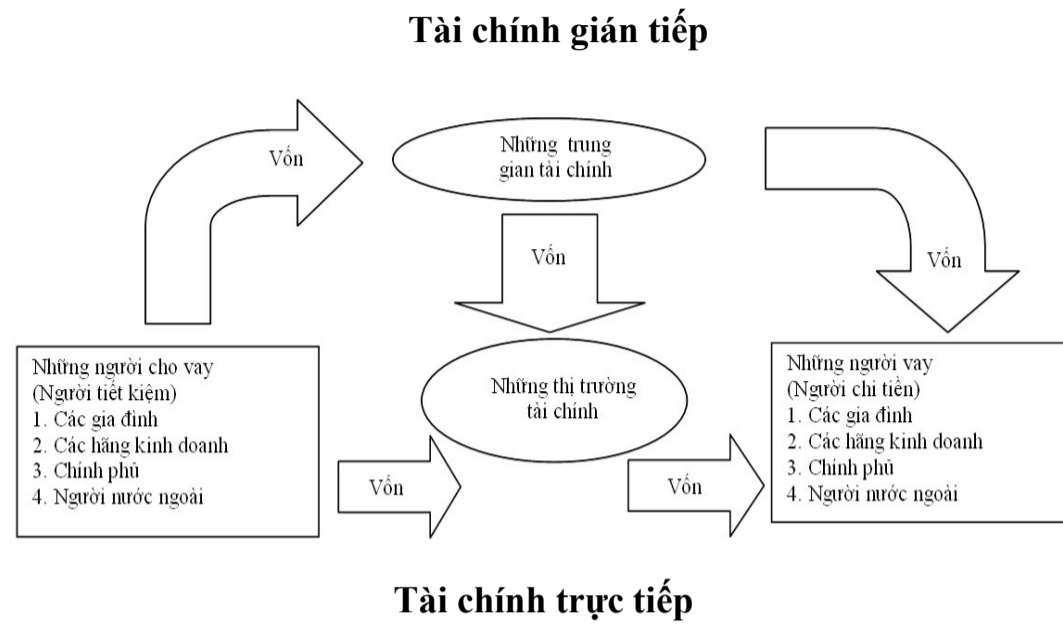
1.1.1. Thị trường tài chính

Trong nền kinh tế thị trường, hệ thống kinh tế của mỗi quốc gia có nhiều loại thị trường hoạt động nhưng về cơ bản có 3 loại: thị trường các yếu tố sản xuất, thị trường sản phẩm hàng hoá và dịch vụ, thị trường tài chính. Trong đó, thị trường tài chính và các trung gian tài chính đóng vai trò quan trọng, có tính chất quyết định đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

Thực tế, thị trường tài chính thực hiện chức năng kinh tế chủ yếu trong việc dẫn vốn từ những người có nhiều vốn vì họ chi tiêu ít hơn thu nhập tới những người thiếu vốn vì họ muốn chi tiêu nhiều hơn thu nhập của họ. Hay nói cách khác trong một nền kinh tế do có những đơn vị dư thừa vốn và có những đơn vị thiếu hụt vốn nên xuất hiện các hướng lưu chuyển tài chính không ngừng giữa các đơn vị dư vốn với các đơn vị thiếu vốn thông qua các trung gian tài chính và các thị trường tài chính.

Thị trường tài chính và các trung gian tài chính đóng vai trò trung gian kết nối giữa các bộ phận dư vốn, ít có cơ hội đầu tư sinh lời với các bộ phận thiếu vốn nhưng có cơ hội đem lại lợi nhuận nếu được đáp ứng về vốn thông

qua sự lưu chuyển của các dòng tài chính. Nói cách khác, thị trường tài chính đã giúp nâng cao năng suất và hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.



Hình 1.1: Những dòng vốn đi qua hệ thống tài chính

1.1.1.1. Các chủ thể tham gia thị trường tài chính

Trong thị trường tài chính, các chủ thể tham gia thị trường là các cá nhân hay tổ chức có nhu cầu gửi tiền hoặc cần đầu tư vào các hoạt động kinh doanh tài chính. Cụ thể:

- Các thể nhân tham gia đầu tư

Thị trường tài chính là nơi để các cá nhân tiết kiệm (gửi tiền vào ngân hàng, quỹ tiết kiệm...), cho vay, cầm cố, thế chấp tài sản, là nơi đầu tư các loại chứng khoán. Thị trường tài chính giúp công chúng có cơ hội đầu tư những khoản tiền nhàn rỗi của mình, tạo điều kiện luân chuyển vốn dễ dàng. Điều đó giúp nền kinh tế tập trung các khoản vốn nhỏ lẻ nhàn rỗi từ số đông bộ phận công chúng đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Đồng thời cho phép công chúng thực hiện đa dạng hoá đầu tư, phân tán rủi ro.

Trên thị trường tài chính, những người tham gia với tư cách người bán là người có nhu cầu chuyển nhượng sử dụng vốn trong thời gian nhất định để thu về khoản giá trị gọi là lãi vay. Những người này đem số tiền nhàn rỗi do mình sở hữu đến ngân hàng, hay tổ chức tài chính để gửi, đầu tư vào một loại chứng khoán nào đó trên thị trường mà theo họ đánh giá là có khả năng mang lại lợi nhuận cao nhất. Khác với hoạt động mua bán thông thường, hoạt động mua bán trên thị trường tài chính chỉ chuyển quyền sử dụng chứ không chuyển quyền sở hữu các khoản vốn vay.

Người tham gia với tư cách người mua là người có nhu cầu sử dụng vốn, thông qua các tổ chức tài chính để vay vốn và chấp nhận trả một khoản giá trị tương ứng với lãi suất cam kết. Những người tham gia với tư cách người mua được quyền sử dụng khoản tiền trên trong thời gian cam kết với người cho vay, sử dụng tiền đi vay theo đúng mục đích cam kết với người cho vay.

- Các pháp nhân tham gia đầu tư

Thị trường tài chính là nơi doanh nghiệp huy động ngân quỹ hay đầu tư vốn, xác lập giá trị của công ty. Những thay đổi đối với giá trị của công ty cung cấp cho ban lãnh đạo công ty những thông tin chính xác về phản ứng của công chúng đối với chính sách và quyết định của công ty. Các pháp nhân tham gia đầu tư vào thị trường tài chính bao gồm nhiều loại với những hình thức đa dạng. Thị trường tài chính tạo điều kiện để các doanh nghiệp tạo vốn và tăng vốn. Các doanh nghiệp có thể tạo vốn bằng cách phát hành cổ phiếu hoặc tăng vốn bằng cách thuê mua các loại bất động sản, động sản trên thị trường tín dụng thuê mua, phát hành trái phiếu, vay tiền từ các định chế tài chính, các nhà tài trợ... Đồng thời liên tục xác định giá trị của các tài sản mà doanh nghiệp hiện đang nắm giữ thông qua sự đánh giá của thị trường. Từ đó thúc đẩy công ty không ngừng hoàn thiện kỹ năng quản trị doanh nghiệp, đổi mới phương thức kinh doanh để đạt hiệu quả cao hơn. Một doanh nghiệp

muốn khẳng định giá trị của mình thì phải có những quyết định kinh doanh đúng đắn và phù hợp, ngược lại giá trị của doanh nghiệp sẽ bị sụt giảm làm cho lòng tin của các nhà đầu tư cũng giảm sút theo.

- Chính phủ

Thị trường tài chính là nơi Chính phủ vay mượn cho ngân sách hoặc tác động để điều chỉnh thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Thị trường tài chính giúp Nhà nước huy động vốn để tài trợ cho các dự án đầu tư trong thời kỳ thiếu vốn. Tạo điều kiện thực hiện chính sách tài khoá tiền tệ thông qua việc phát hành trái phiếu hay các công cụ nợ để điều chỉnh khối lượng tiền mặt trong lưu thông. Đây chính là một trong những cơ chế bơm, hút tiền ra vào lưu thông tiền tệ của Nhà nước.

Bên cạnh các thành viên chính của thị trường tài chính này còn có ngân hàng, công ty tài chính, nhà môi giới, định chế tài chính trung gian...

1.1.1.2. Hàng hoá trên thị trường tài chính

Hàng hoá trên thị trường tài chính là các loại chứng khoán hay công cụ vốn. Chứng khoán là loại chứng từ đem lại cho người cầm giữ nó quyền sở hữu tương ứng đối với một phần tài sản của công ty, do đó đem lại cho người sở hữu niềm hy vọng nhận được những khoản tiền hoàn vốn và lợi nhuận trong tương lai. Có rất nhiều loại công cụ tài chính được trao đổi trên thị trường, các công cụ tài chính khác nhau về thời gian đáo hạn, mức độ rủi ro và hình thức thanh toán. Dưới đây chỉ đề cập một số chứng khoán quan trọng.

- Cổ phiếu công ty

Đây là loại công cụ tài chính quan trọng. Vốn hoặc tài sản của công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Giá trị của các công ty khác nhau thay đổi trên phạm vi rộng lớn bởi cổ phiếu công ty thể hiện quyền sở hữu của các công ty khác nhau và khả năng thu được những khoản tiền trong tương lai khác nhau. Có 2 loại cổ phiếu:

* Cổ phiếu ưu tiên: thường được dành cho những người có công sáng lập ra công ty và/hoặc những người có những đóng góp đặc biệt với công ty. Sự phân biệt cổ phiếu ưu tiên với các loại cổ phiếu khác thể hiện rõ nhất khi công ty phân chia lợi nhuận, người và/hoặc tổ chức sở hữu cổ phiếu ưu tiên luôn luôn được hưởng sự đãi ngộ tốt hơn. Khi công ty bị phá sản, họ cũng được ưu tiên trong việc xử lý quyền và nghĩa vụ. Ở một số công ty, loại cổ phiếu ưu tiên còn có thêm đặc điểm là dù công ty kinh doanh thua lỗ, trong lúc các cổ đông chủ nhân khác phải chịu lỗ theo công ty, những chủ nhân sở hữu cổ phiếu ưu tiên vẫn có thể được chia lãi theo tỷ lệ quy định của công ty.

* Cổ phiếu thông thường: là loại cổ phiếu thuộc sở hữu của cá nhân và/hoặc tổ chức mới đóng góp hoặc mua lại cổ phiếu để trở thành cổ đông sau này. Cổ đông sở hữu cổ phiếu thông thường phải chịu lỗ và được chia lãi phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Do rủi ro cao nên khi công ty bị phá sản, họ là những người chịu thiệt hại nặng nhất. Các cổ đông sở hữu cổ phiếu thông thường có rất nhiều quyền hạn trong việc bỏ phiếu để quyết định chiến lược, chính sách, kế hoạch hoạt động, công tác quản trị của công ty.

Cổ phiếu ưu tiên và cổ phiếu thông thường đều là chứng khoán và là hàng hoá của thị trường tài chính. Khi cần thanh khoản người sở hữu cổ phiếu có thể đem bán trên thị trường chứng khoán, với cổ phiếu ưu tiên người sở hữu cổ phiếu muốn bán phải thông báo kế hoạch chuyển nhượng cổ phiếu cho nội bộ cổ đông ưu tiên, nếu cổ đông ưu tiên không muốn quyền ưu tiên ra ngoài hệ thống, họ sẽ bỏ tiền để mua lại. Trong trường hợp các cổ đông ưu tiên không có nhu cầu mua, người sở hữu cổ phiếu ưu tiên sẽ đem ra bán tại thị trường chứng khoán.

Trong chu kỳ phát triển của công ty, cổ phiếu có thể thay đổi chủ nhân nhiều lần chỉ cần thủ tục sang nhượng giữa người bán và người mua, có sự xác nhận của công ty môi giới chứng khoán là việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được thực hiện hoàn tất. Mọi việc sẽ đơn giản và tốn ít thời gian hơn, nếu

người bán đem cổ phiếu bán trực tiếp cho các công ty kinh doanh hay môi giới sau khi đã đăng ký trước và thông báo về giá cả, số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch.

Chính sự hoàn thiện của thị trường tài chính, uy tín của các công ty phát hành cổ phiếu, đã làm cho cổ phiếu được công chúng tin tưởng. Công chúng đặt niềm tin vào cổ phiếu không khác gì tiền, thói quen này đã làm cho công chúng không có tính nghi ngại nào tồn tại khi cần chuyển dịch cổ phiếu trở thành tiền mặt và ngược lại. Vì vậy, cổ phiếu chính là tiền, là tài sản. Một loại tài sản tốt hơn tiền mặt vì nó mang lại lợi nhuận hàng ngày. Khi dư thừa vốn, họ đi mua cổ phiếu như một hàng hoá sinh lãi, khi thiếu tiền họ đem cổ phiếu ra bán. Tính chất của việc mua và bán này không khác gì mua hay bán hàng hoá hữu hình như gạo, vải, máy móc thiết bị... chỉ khác một điều là các loại hàng hoá này là vật chất để tiêu dùng. Còn cổ phiếu là tài sản sở hữu, là vốn của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trái phiếu công ty

Trái phiếu công ty cũng là loại công cụ tài chính quan trọng, một công cụ nợ chủ yếu của doanh nghiệp. Các công ty phát hành trái phiếu để vay tiền của công chúng, đổi lại công ty phải cam kết nghĩa vụ theo giao ước với các trái chủ là thanh toán tiền lãi theo một tỷ lệ nhất định vào những thời điểm cụ thể và hoàn trả nợ gốc khi đến hạn. Tuy nhiên, trái chủ không có quyền sở hữu đối với doanh nghiệp. Trái phiếu công ty có những đặc điểm khác nhau, những đặc điểm này chi phối giá trị của các trái phiếu thể hiện trên các yếu tố như tỷ lệ lãi suất, thời hạn và sức mạnh của công ty phát hành. Trái phiếu công ty bao gồm 2 loại:

* Trái phiếu thông thường: loại phiếu nợ có thời gian đáo hạn từ trung bình đến dài hạn. Trái phiếu thông thường có thể được phát hành bởi công ty vay nợ hoặc thông qua các công ty môi giới. Tính chất của trái phiếu công ty giống thương phiếu về đại lượng. Thương phiếu được dùng để vay nợ ngắn

hạn, phục vụ cho mục tiêu kinh doanh mang tính giai đoạn, trái phiếu thì ngược lại, được sử dụng với mục đích bổ sung vốn cho trung, dài hạn thay vì đi vay từ ngân hàng thương mại. Trong vòng đời của trái phiếu trước khi đáo hạn và được công ty phát hành mua lại, trái phiếu có thể luân chuyển mua bán giống sự trao đổi tiền mặt trong lưu thông.

* Trái phiếu chuyển đổi: là hình thức đặc biệt của trái phiếu. Điểm đặc biệt là trái phiếu chuyển đổi có thể được nhanh chóng chuyển thành cổ phiếu nếu người chủ sở hữu chấp nhận giá cả được chỉ định bởi công ty phát hành, cũng như chấp nhận các điều kiện của một cổ đông. Trái phiếu chuyển đổi (COB) khá phổ biến ở các nước phát triển vì tính thuận lợi. Nếu người mua muốn hưởng lợi tức cố định, họ chỉ việc giữ trái phiếu. Người mua cũng có thể trở thành cổ đông khi công ty phát hành ra trái phiếu chuyển đổi hoạt động hiệu quả, quản trị tốt rủi ro và đạt lợi nhuận cao. Khi đó tiền lãi được chia hàng năm lớn hơn tiền lãi thu được từ trái phiếu. Như vậy trái phiếu chuyển đổi thoả mãn nhiều đối tượng hơn trái phiếu thường, vì khả năng chuyển đổi của nó.

- Chứng khoán chiết khấu

Là nghĩa vụ trả tiền theo giao ước, được bán với giá chiết khấu, người mua kỳ vọng được trả một số tiền nào đó ở thời điểm đáo hạn. Khoản tiền chiết khấu là phần bù đắp cho người sở hữu. Có rất nhiều loại chứng khoán chiết khấu, trong đó đáng chú ý nhất là thương phiếu của các doanh nghiệp. Thương phiếu là những giấy hẹn trả nợ mà người sở hữu đem đi chiết khấu để có nguồn tài chính sử dụng vào các thương vụ khác. Để giải quyết những lúc thiếu tiền đột xuất trong thương mại vì hàng hoá chưa kịp bán, hoặc vì nhu cầu nhận hàng mới, các công ty thương mại và các doanh nghiệp có thể ký quỹ và xin phép ngân hàng bảo trợ để phát hành thương phiếu vay tiền từ ngân hàng. Thay vì thế chấp hàng hoá để vay trực tiếp từ ngân hàng như các thương nhân thời trung cổ đã làm, các doanh nghiệp ngày nay có thể thế chấp

tài sản hoặc dựa vào uy tín của doanh nghiệp với ngân hàng (tín chấp) để ngân hàng bảo trợ và phát hành thương phiếu. Nếu thực hiện theo phương pháp kinh doanh của các thương nhân trước đây thì hàng hoá vừa mua hoặc đang cần bán của doanh nghiệp sẽ bị ngân hàng phong toả cho đến khi trả xong nợ vay mới được nhận về để sản xuất kinh doanh. Dễ dàng nhận thấy đối với những doanh nghiệp nhỏ, kể cả doanh nghiệp lớn, lô hàng mới nhập là toàn bộ vốn liếng và tài sản của họ. Ngân hàng cho vay nhưng phong toả tài sản, hàng hoá thì doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh để thu hồi tiền trả cho ngân hàng.

Thương phiếu không đòi hỏi cách làm như vậy. Ngân hàng chỉ cần giám định tài sản để bảo lãnh cho công ty phát hành, mà không đòi hỏi tài sản thế chấp. Tuy nhiên, khối lượng thương phiếu được phát hành phụ thuộc vào tài sản ròng của từng doanh nghiệp do đó khối lượng phát hành sẽ không được nhiều. Trong trường hợp đáo hạn công ty không trả được nợ vay, ngân hàng căn cứ theo hợp đồng, trả tiền cho người mua thương phiếu đồng thời phát mãi tài sản của công ty để thu hồi nợ.

Thương phiếu cho phép các công ty giải quyết tình trạng thiếu vốn tạm thời. Việc phát hành thương phiếu được thực hiện bởi công ty môi giới, ngân hàng hoặc chính công ty trực tiếp phát hành. Dù ai thực hiện, điều cơ bản vẫn là doanh nghiệp chủ thể vay và tất cả mọi người sở hữu thương phiếu là chủ thể cho vay. Điểm đặc trưng là thương phiếu có thời gian đáo hạn ngắn, thông thường không vượt quá 9 tháng. Do vậy, những người đầu tư sở hữu thương phiếu hy vọng vào khoản lợi nhuận trong tương lai do thương phiếu đem lại. Tuy đầu tư vào thương phiếu thường đem lại lợi nhuận cao nhưng độ rủi ro cũng khá lớn.

Giống như các loại hàng hoá khác, thương phiếu được mua bán rất nhiều và thuận tiện trên thị trường chứng khoán trong thời gian trước khi đến hạn. Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, do các khung pháp lý chưa hoàn

chính nên thị trường thương phiếu hầu như chưa được hoạt động mạnh. Đây chính là trở ngại lớn, hạn chế sự phát triển của thương phiếu tại Việt Nam.

- Trái phiếu Chính phủ

Là chứng từ có giá do Chính phủ phát hành để huy động vốn cho nhu cầu chi tiêu, đầu tư của Chính phủ. Trái phiếu Chính phủ là hàng hoá có độ an toàn lớn nhất nên lãi suất thường không cao. Tuy nhiên, trái phiếu Chính phủ là hàng hoá quan trọng vì chiếm tỷ trọng lớn và có ảnh hưởng đến các khoản huy động của thị trường.

- Các loại hàng hoá khác

Trên thị trường tài chính còn nhiều loại hàng hoá như: công trái quốc gia, trái phiếu đô thị do chính quyền địa phương phát hành. Các hàng hoá này được sử dụng làm công cụ trao đổi trên thị trường tài chính. Tính chất của các hàng hoá này tương tự như chứng khoán, vì chúng đều là các dạng khác nhau của phiếu nợ. Giống như trái phiếu, chúng dùng để dự trữ, mua bán, thanh toán, thế chấp hay thanh khoản thành tiền mặt.

1.1.1.3. Vai trò quan trọng của thị trường tài chính

Thực tế cho thấy, nền sản xuất lớn đòi hỏi phải tập trung mọi nguồn lực từ kỹ năng quản trị, tay nghề người lao động, nhân lực, vật liệu và đặt ra sự cần thiết về nhu cầu sử dụng nguồn tài nguyên một cách tiết kiệm, hiệu quả nhất. Lãng phí ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và năng suất lao động ở mọi phạm vi từ kinh tế vĩ mô đến kinh tế vi mô. Công ty cổ phần và thị trường tài chính là sản phẩm tất yếu của quá trình tập trung tài nguyên cho sản xuất lớn và chống lãng phí dưới mọi hình thức. Công ty cổ phần giúp những hoạt động kinh doanh có tính chất riêng rẽ trở thành những tổ chức, trong đó các nguồn lực được quy tụ lại, kết hợp với nhau cùng hướng về mục đích chung nhằm tạo ra lợi nhuận, phát triển kinh tế - xã hội. Tính liên đới giữa các cá nhân, tổ chức trong công ty cổ phần và giữa các công ty trong tập đoàn, đã giúp con người có ý thức về sự cần thiết phụ thuộc lẫn nhau.

Thị trường tài chính đòi hỏi tất cả các cá nhân, tổ chức trong nền kinh tế cùng nhau tham gia thị trường. Quá trình mua bán, đầu tư và sinh lời của các loại chứng khoán, giúp cho mọi người thấy rằng sự cất giữ những tài sản không sinh lãi như tiền mặt, đất đai, vàng bạc trở nên rất vô lý. Ý thức ấy đưa đến việc làm cho tài sản của mình (tiền lương, thu nhập kinh doanh, đất đai, nhà cửa...) trở nên có lợi hơn thông qua việc dùng nó để trao đổi lấy các loại tài sản khác có giá trị sinh lãi cao. Như vậy các nguồn lực khan hiếm bị lãng phí của từng cá nhân, tổ chức được đưa vào thị trường tài chính để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Xuất phát từ nhu cầu huy động các nguồn lực trong xã hội để sản xuất ra nhiều của cải nhằm phục vụ đời sống con người, thị trường tài chính – tiền tệ kéo toàn bộ các cá nhân, tổ chức trở thành những nhà đầu tư, sử dụng hiệu quả mọi tài sản để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ và tài sản với hiệu quả cao hơn.

Chính vì vậy, thị trường tài chính tạo sự đa dạng phương thức thu hút vốn đầu tư cho nền kinh tế. Thông qua thị trường tài chính, nền kinh tế huy động các nguồn vốn nhàn rỗi để đầu tư sản xuất. Mặt khác, thị trường tài chính là một trong những kênh huy động vốn quan trọng đối với nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho nền kinh tế. Thông qua hoạt động huy động vốn trên thị trường tài chính giúp nền kinh tế phát triển, cùng với việc đổi mới công nghệ. Hội nhập kinh tế thế giới cùng với việc đổi mới công nghệ, kỹ năng quản trị doanh nghiệp hiện đại giúp các nền kinh tế kém phát triển có nhiều cơ hội phát triển vì bên cạnh các yếu tố về vốn, tài nguyên, các vấn đề về công nghệ quản lý cũng là những yếu tố quan trọng thúc đẩy tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mặt khác, thị trường tài chính góp phần điều hoà lãi suất cho nền kinh tế thông qua cơ chế cạnh tranh giữa các phương thức huy động vốn. Điều này làm xuất hiện nhiều cơ chế huy động, hấp dẫn các nhà đầu tư, khuyến khích các nhà đầu tư tham gia vào thị trường tài chính. Thị trường tài chính góp

phân cân bằng cung cầu tín dụng cho nền kinh tế, giúp cho các dòng vốn trong nền kinh tế có thể dịch chuyển dễ dàng tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh trong việc thu hút vốn làm cho lãi suất của nền kinh tế luôn được duy trì ở mức hợp lý với xu thế vận động của việc cung cầu tín dụng.

Ngoài ra, thị trường tài chính còn giữ vai trò là cơ sở hạ tầng về mặt tài chính – tiền tệ của nền kinh tế. Thị trường tài chính có tác dụng hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội thông qua cơ chế thu hút vốn, định hướng, điều hoà vốn từ nơi thừa sang nơi thiếu, từ nơi có hiệu quả thấp sang nơi có hiệu quả cao. Với lãi suất hợp lý, những chủ thể có vốn nhàn rỗi sẽ thực hiện điều tiết vốn sang những chủ thể khác có nhu cầu sử dụng vốn. Mặt khác, thông qua thị trường tài chính, các nhà đầu tư sẽ rút vốn dưới hình thức bán lại cổ phần của các doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả để đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả cao hơn nhằm tối đa hoá lợi nhuận. Điều này góp phần làm tăng hiệu suất sử dụng vốn của nền kinh tế và giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

1.1.2. Công ty tài chính

1.1.2.1. Khái niệm công ty tài chính

Ngân hàng là một loại hình trung gian tài chính quan trọng nhưng bên cạnh đó còn nhiều loại trung gian tài chính khác. Trong nền kinh tế thị trường, các tổ chức tài chính phi ngân hàng đóng một vai trò quan trọng trong việc khơi thông các nguồn vốn từ những người cho vay - những người tiết kiệm tới người vay - những người có nhu cầu sử dụng vốn. Quá trình này làm cho các tổ chức tài chính phi ngân hàng trở nên quan trọng hơn. Các tổ chức tài chính phi ngân hàng ngày nay cạnh tranh trực tiếp với các ngân hàng qua các dịch vụ tương tự như hoạt động của ngân hàng.

“Công ty tài chính là loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng, với chức năng là sử dụng vốn tự có, vốn huy động và các nguồn vốn khác để cho vay, đầu tư, cung ứng các dịch vụ tư vấn về tài chính,

tiền tệ và thực hiện một số dịch vụ khác theo quy định của pháp luật, nhưng không được làm dịch vụ thanh toán, không được nhận tiền gửi dưới một năm” [42, Tr1].

Như vậy, công ty tài chính là một loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hoạt động trong lĩnh vực tài chính tiền tệ. Công ty tài chính được thực hiện chức năng huy động vốn từ tiền gửi hoặc từ các nguồn vốn khác của các tầng lớp dân cư hoặc của các tổ chức kinh tế, các định chế tài chính khác trong xã hội để thực hiện nghiệp vụ kinh doanh của mình. Đối tượng cho vay của các công ty tài chính là các tổ chức kinh tế và cá nhân trong xã hội có nhu cầu về vốn. Tuy nhiên, khác với các định chế tài chính trung gian khác của nền kinh tế, đối tượng hoạt động chủ yếu của các công ty tài chính là hàng hóa hoặc máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Các công ty tài chính cũng có thể cho vay vốn dưới hình thức tiền tệ nhưng nghiệp vụ này chỉ hạn chế trong một phạm vi hẹp và không được xem là những nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu của các công ty tài chính.

Hoạt động chủ yếu của công ty tài chính là:

- Thu hút vốn bằng cách nhận tiền gửi có kỳ hạn của dân chúng và các tổ chức kinh tế, chủ yếu huy động vốn trung và dài hạn; phát hành các chứng khoán nợ hay vay của các tổ chức tín dụng.
- Cho vay ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, đặc biệt thích hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp và người tiêu dùng.
- Thực hiện các hoạt động cho thuê tài sản.
- Thực hiện hoạt động bao thanh toán.
- Cung cấp các dịch vụ tài chính khác như kinh doanh vàng bạc, đá quý, mua bán chuyển nhượng chứng khoán, cầm cố các loại hàng hoá, vật tư, ngoại tệ, dịch vụ bảo lãnh, các dịch vụ tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính tiền tệ khác.

1.1.2.2. Sự khác nhau giữa công ty tài chính, ngân hàng thương mại và các loại hình trung gian tài chính khác

Trong lịch sử, các công ty tài chính ra đời muộn hơn so với các ngân hàng thương mại. Những ngân hàng thương mại đầu tiên trên thế giới được thành lập từ thế kỷ XV. Trong quá trình phát triển của ngành ngân hàng, xuất hiện những tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ tài chính nhưng không phải là ngân hàng, sau này phát triển trở thành các công ty tài chính. Công ty tài chính đầu tiên trên thế giới xuất hiện từ những năm 50 của thế kỷ XX. Có nhiều lý do về sự xuất hiện của các công ty tài chính, song chủ yếu là do sự hạn chế của luật ngân hàng, nhiều dịch vụ tài chính của các ngân hàng thương mại không được phép mở rộng sang các lĩnh vực hoạt động khác. Bên cạnh đó, do hệ thống ngân hàng lúc đó không thể đáp ứng được nhu cầu to lớn và đa dạng về vốn đầu tư đòi hỏi phải có những định chế tài chính phù hợp. Ở nhiều nước, các công ty tài chính phát triển đa dạng ở những giai đoạn khác nhau xuất phát từ nhu cầu về tài chính, tín dụng.

Nhìn chung, các công ty tài chính được thành lập và hoạt động nhằm bù đắp các khoản thiếu hụt tài chính do thiếu khả năng cung ứng của các ngân hàng thương mại. Đặc điểm quan trọng để phân biệt công ty tài chính với các ngân hàng thương mại là công ty tài chính không thực hiện các dịch vụ thanh toán và tiền mặt, không huy động tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn của dân chúng. Thực tế cho thấy, công ty tài chính thực hiện một số nghiệp vụ giống như ngân hàng thương mại nhưng không phải là ngân hàng thương mại nên hầu hết các nước xếp công ty tài chính vào loại hình các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, cùng với các tổ chức tài chính tín dụng phi ngân hàng khác như công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tài sản, quỹ trợ cấp, quỹ tương hỗ, quỹ đầu tư...

Như vậy, đặc trưng của các công ty tài chính khác cơ bản với ngân hàng thương mại ở chỗ: các ngân hàng thương mại nhận tiền gửi thường

xuyên trong khi các công ty tài chính thì chủ yếu sử dụng vốn chủ sở hữu, không huy động tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn của dân chúng, không nhận tiền gửi của cá nhân, tổ chức với thời hạn ngắn. Công ty tài chính không được mở tài khoản, không thực hiện các dịch vụ thanh toán và tiền mặt, không sử dụng vốn để làm phương tiện thanh toán cho khách hàng. Nói cách khác, ngân hàng thương mại là một định chế tài chính nhận tiền gửi theo mọi yêu cầu của khách hàng và sử dụng số tiền đó cho vay thương mại, ngân hàng thương mại được mở tài khoản thanh toán và thực hiện chức năng thanh toán cho khách hàng. Khác với ngân hàng thương mại, công ty tài chính không bị quản lý giám sát chặt chẽ như ngân hàng thương mại. Một trong những điểm khác biệt nổi bật giữa công ty tài chính và ngân hàng thương mại là ngân hàng thương mại thường thu gom những món tiền gửi nhỏ để cho vay với món tiền lớn còn công ty tài chính thường đi vay những món tiền lớn để cho vay cả những món tiền nhỏ. Vì lẽ đó, hoạt động cho vay của công ty tài chính rất thích hợp với những nhu cầu của các doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Công ty tài chính cũng khác với công ty bảo hiểm, quỹ tương trợ... Các trung gian tài chính này huy động vốn một cách định kỳ trên cơ sở hợp đồng. Các loại hình trung gian tài chính này có thể dự tính khá chính xác về khả năng thanh toán trong khoảng thời gian khá dài, không trong tình trạng phải lo lắng nhiều như các tổ chức nhận tiền gửi về sự thiếu hụt vốn và do vậy các trung gian tài chính này thường có xu hướng đầu tư vào các chứng khoán dài hạn như trái phiếu, cổ phiếu công ty, các khoản cho vay thế chấp...

Công ty tài chính là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính tiền tệ với chức năng cơ bản như các trung gian tài chính khác. Tuy nhiên, vai trò và mối quan hệ với các khách hàng của các công ty tài chính có đặc thù riêng mà các trung gian tài chính khác không có. Đối với công ty tài chính, việc huy động nguồn vốn phải được thực hiện theo những phương pháp đặc thù theo quy định của pháp luật. Các công ty tài chính có thể áp dụng phương

pháp huy động vốn thông thường như các trung gian tài chính khác hoặc thực hiện nhận tiền gửi từ các tổ chức kinh tế và các tầng lớp dân cư trong xã hội. Một đặc thù của công ty tài chính là đầu ra cho sản phẩm dịch vụ của mình, so với các trung gian tài chính khác chủ yếu là thực hiện các nghiệp vụ cho vay dưới hình thức tiền tệ, các loại hình dịch vụ của công ty tài chính đa dạng và phong phú hơn. Các công ty tài chính có thể tài trợ dưới hình thức cho vay sau khi huy động vốn từ nhiều nguồn khác, thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa bằng việc cung cấp vốn cho các khách hàng có bán hàng trả chậm. Tuy nhiên, hình thức tín dụng thuê mua vẫn là phương thức đặc thù chủ yếu của công ty tài chính mà các tổ chức tín dụng khác không có.

Như vậy, giữa công ty tài chính và ngân hàng thương mại có nhiều điểm khác nhau, nguyên nhân sự khác nhau trên một số mặt cơ bản bao gồm:

- Về mô hình hoạt động: công ty tài chính và ngân hàng thương mại đều là các tổ chức tín dụng, là các mắt xích quan trọng trong hệ thống các định chế tài chính tham gia trực tiếp thị trường tài chính tiền tệ của mỗi quốc gia. Xét về mục đích hoạt động, giữa công ty tài chính và ngân hàng thương mại tuy là các tổ chức tín dụng nhưng mỗi định chế có mục đích hoạt động đặc thù khác nhau. Các ngân hàng thương mại có phạm vi, chức năng hoạt động lớn hơn công ty tài chính. Hoạt động của ngân hàng thương mại tập trung vào các đối tượng khách hàng từ cá nhân đến các doanh nghiệp với các hoạt động huy động vốn không kỳ hạn và mọi kỳ hạn, được mở tài khoản thanh toán và thực hiện chức năng thanh toán cho khách hàng, được thực hiện hoạt động tín dụng và cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng. Như vậy, ngân hàng thương mại hoạt động chủ yếu với chức năng bán lẻ. Để thực hiện chức năng bán lẻ, ngân hàng thương mại thiết lập hệ thống các chi nhánh, phòng giao dịch rộng khắp tại các địa bàn ngân hàng hoạt động. Còn đối với công ty tài chính, do bị hạn chế về việc huy động nguồn vốn ngắn hạn (với kỳ hạn dưới 1 năm và không kỳ hạn), hạn chế về việc không được mở tài khoản thanh toán nên đối

tượng khách hàng của công ty tài chính không lớn như ngân hàng thương mại. Do đặc thù hoạt động nên công ty tài chính không mở rộng đối tượng khách hàng, không đẩy mạnh hoạt động bán lẻ do đó mạng lưới hoạt động của công ty tài chính gọn nhẹ, công ty tài chính mở các chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch tại các địa bàn tập trung khách hàng của công ty. Do vậy, mạng lưới, mô hình hoạt động, bộ máy tổ chức của ngân hàng thương mại lớn hơn so với công ty tài chính do chính đặc thù hoạt động của mỗi tổ chức.

- Về cơ chế hoạt động: từ mục đích, chức năng nhiệm vụ có nhiều nội dung khác nhau nên cơ chế hoạt động giữa ngân hàng thương mại và công ty tài chính cũng khác nhau. Cơ chế hoạt động của ngân hàng thương mại và công ty tài chính được thiết kế theo các sản phẩm dịch vụ của mỗi tổ chức tín dụng. Ngân hàng thương mại xây dựng hệ thống phòng và/hoặc sở giao dịch là trung tâm tiếp xúc với khách hàng. Công ty tài chính tổ chức quản lý và vận hành hệ thống tập trung tại hội sở chính. Công ty tài chính hoạt động theo từng lĩnh vực chuyên ngành, từ công ty tài chính tiêu dùng đến công ty tài chính thuộc các tập đoàn kinh tế, nhìn chung các công ty tài chính được thành lập để thúc đẩy các giao dịch tài chính đặc thù của từng ngành nên chi phí giao dịch thấp và quản trị được rủi ro. Công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế ngoài việc nâng cao hiệu quả kinh tế mà còn có tác dụng tăng cường mối quan hệ liên kết giữa các đơn vị thành viên của tập đoàn, hình thành hệ thống tài chính liên kết chặt chẽ trong toàn tập đoàn. Công ty tài chính thực hiện vai trò trung gian tài chính để thực hiện cơ chế điều tiết các nguồn lực tài chính của tập đoàn với hiệu quả cao nhất.

- Về công cụ hoạt động: các ngân hàng thương mại sử dụng nhiều loại hình huy động vốn để đáp ứng mọi nhu cầu gửi tiền của khách hàng. Ngân hàng thương mại cung cấp nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng như mở tài khoản thanh toán, quản lý ngân quỹ và các sản phẩm dịch vụ khác mà công ty tài chính không được phép thực hiện.

Tóm lại, các công ty tài chính được thành lập và hoạt động nhằm đạt mục đích bù đắp vào các khoản thiếu hụt tài chính do thiếu khả năng cung ứng của các ngân hàng thương mại, hoạt động của công ty tài chính thông qua nguồn vốn của mình hoặc vay của khách hàng bằng cách phát hành tín phiếu hay cổ phiếu. Tuy nhiên trong thực tế, đặc biệt là ở các nước phát triển, do yêu cầu mở rộng phạm vi hoạt động nên các công ty tài chính đều muốn mở rộng phạm vi hoạt động và đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ để phục vụ nhu cầu đa dạng của khách hàng tốt hơn và thu được nhiều lợi nhuận hơn nên sự phân biệt giữa công ty tài chính, ngân hàng thương mại và các loại hình trung gian tài chính khác trở nên mờ nhạt dần. Do vậy, tùy thuộc vào môi trường nền kinh tế - xã hội, bối cảnh và điều kiện của mỗi nước, Chính phủ nước đó thường xác định khung pháp lý cho việc thiết lập, can thiệp và điều tiết hoạt động của các công ty tài chính thông qua giới hạn nội dung và phạm vi hoạt động của các công ty tài chính nhằm phát huy tốt nhất những mặt tích cực của công ty tài chính trong hệ thống trung gian tài chính ở mỗi nước. Chính vì vậy, các công ty tài chính ở mỗi nước khác nhau có những đặc điểm khác nhau nhằm thực hiện những chức năng và mục đích hoạt động khác nhau.

1.1.2.3. Vai trò của các công ty tài chính trong nền kinh tế thị trường

Ở các nước phát triển theo nền kinh tế thị trường thì các công ty tài chính tồn tại, phát triển và là một định chế tài chính quan trọng không thể thiếu của mỗi quốc gia. Hoạt động của các công ty tài chính có lợi thế là không gặp phải nhiều hạn chế từ Chính phủ về việc mở chi nhánh, về những tài sản và cách thức huy động vốn.

Việc không có nhiều hạn chế giúp cho các công ty tài chính có thể cung cấp các khoản vay đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng thuận tiện hơn so với các ngân hàng thương mại. Thông qua các công ty tài chính, mọi nguồn vốn trong xã hội được tập trung để phục vụ cho nhu cầu về vốn của nền kinh tế cũng như các hoạt động đầu tư dài hạn khác. Hoạt động của công ty tài

chính góp phần tạo nên sự sôi động của thị trường chứng khoán. Các công ty tài chính có nguồn vốn chủ động về thời hạn lại không bị ràng buộc với nhu cầu gắt gao về tính thanh khoản cũng như các quy định chặt chẽ của ngân hàng nhà nước như các ngân hàng thương mại, do vậy các công ty tài chính là khách hàng lớn trên thị trường chứng khoán. Hoạt động của các công ty tài chính trên thị trường chứng khoán bảo đảm cho sự ổn định bền vững của thị trường, đảm bảo cho sự an toàn và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các công ty tài chính.

Lịch sử phát triển kinh tế của nhiều nước cho thấy, trong nền kinh tế thị trường, các công ty tài chính luôn tồn tại và ngày càng có xu hướng phát triển. Công ty tài chính cũng được coi là một định chế tài chính không thể thiếu của một quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển. Các nguồn vốn phân tán trong các tầng lớp dân cư, tổ chức kinh tế có thể được tập trung lại và phục vụ cho nhu cầu về vốn dài hạn của một ngành, một lĩnh vực nào đó cũng như của cả nền kinh tế.

Các công ty tài chính còn đóng vai trò là một kênh dẫn vốn quan trọng đối với các dòng vốn đầu tư nước ngoài. Với chức năng của mình, các công ty tài chính có thể tư vấn cho các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài về phương thức và hình thức đầu tư, quản lý hữu hiệu vốn đầu tư của khách hàng uỷ thác.

Tóm lại, công ty tài chính là một trung gian tài chính trong nền kinh tế thị trường; mặc dù hoạt động của công ty tài chính bị bó hẹp hơn so với các ngân hàng thương mại, nhưng đối với nền kinh tế thị trường, công ty tài chính có vai trò quan trọng sau:

Thứ nhất: Có thể tạo nguồn vốn để đầu tư phát triển nền kinh tế dựa vào ưu thế về mạng lưới chi nhánh hoạt động rộng khắp, cung cấp nhiều sản phẩm dịch vụ đa dạng. Tạo thuận lợi cho người có nhu cầu vốn và những người có thu nhập nhàn rỗi thông qua hoạt động tín dụng và huy động vốn.

Thứ hai: Thông qua hình thức tín dụng đầu tư tạo điều kiện duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế.

Thứ ba: Củng cố, phát triển thị trường tài chính chứng khoán, thông qua việc phát hành các công cụ chủ yếu của thị trường tài chính như kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu.

1.1.2.4. Phân loại công ty tài chính

- Căn cứ theo cơ quan thành lập

+ Các công ty tài chính chuyên ngành do Nhà nước thành lập hoặc cho phép thành lập; bao gồm các tổ chức công, bán công, hoặc cổ phần hoạt động trong những lĩnh vực chuyên ngành, tài trợ trung hạn và dài hạn với nguồn vốn từ ngân sách, quỹ kinh doanh của Nhà nước hoặc từ phát hành công cụ nợ, cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ...

+ Các công ty tài chính do các ngân hàng hoặc tập đoàn tài chính ngân hàng thành lập để thực hiện một số nghiệp vụ như: cấp bảo lãnh, đầu tư bất động sản, thuê - mua thiết bị, sản xuất kinh doanh, cung cấp các dịch vụ tài chính tiền tệ.

+ Các công ty tài chính do các tập đoàn kinh tế, công ty sản xuất, công ty thương mại lập ra để tài trợ cho người mua hàng hoá của công ty mẹ (công ty tài chính bán hàng).

- Căn cứ vào mối quan hệ sở hữu

+ **Công ty tài chính độc lập:** thực hiện nhiều hoạt động kinh doanh như hoạt động tín dụng gồm cho vay và bảo lãnh cho các khách hàng trong lĩnh vực thương mại, sản xuất công nghiệp; các hoạt động cho thuê tài sản; bao thanh toán; kinh doanh tiền tệ; cung cấp tín dụng cho khách hàng; tư vấn tài chính...

+ **Công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế:** tham gia chủ yếu các hoạt động như tạo lập các nguồn vốn đầu tư để cung ứng cho tập đoàn và các đơn vị thành viên trong tập đoàn; quản lý đầu tư các khoản vốn nhàn rỗi trong

tập đoàn; điều hoà vốn giữa các đơn vị thành viên trong tập đoàn kinh tế; làm đầu mối và tư vấn cho tập đoàn, các đơn vị thành viên của tập đoàn trong quan hệ với ngân hàng, các tổ chức tín dụng, đối tác đầu tư; quản lý và áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro tài chính trong tập đoàn; cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho các đơn vị thành viên của tập đoàn và khách hàng ngoài tập đoàn như cho vay để mua hàng hoá do tập đoàn sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thực hiện hợp đồng với tập đoàn...

- Căn cứ vào các hoạt động kinh doanh

+ **Công ty tài chính tiêu dùng:** hoạt động chính là cung ứng phần lớn nguồn vốn của mình cho các gia đình và cá nhân vay với mục đích mua sắm hàng hoá tiêu dùng như mua đồ đạc, phương tiện giao thông, các dụng cụ gia đình hoặc cho mục đích thanh toán các khoản chi thường xuyên bao gồm khám bệnh, sửa nhà, học tập, các nhu cầu sinh hoạt khác... Thông thường các khoản cho vay này được trả góp định kỳ trong thời gian dài. Một hình thức cho vay khác là công ty tài chính tiêu dùng cấp thẻ tín dụng cho khách hàng để khách hàng mua sắm tại hệ thống cửa hàng bán lẻ tổng hợp hoặc hệ thống phân phối hàng hoá thuộc tập đoàn hoặc được công ty tài chính tiêu dùng chỉ định. Công ty tài chính tiêu dùng có thể là công ty hoạt động độc lập hoặc là công ty do ngân hàng sở hữu.

Đối tượng cho vay của công ty tài chính tiêu dùng là người tiêu dùng chưa có tín dụng hoặc có nhu cầu bổ sung các nguồn tín dụng khác. Trở ngại lớn đối với công ty tài chính tiêu dùng là việc cho vay để mua sắm các loại hàng hoá có thời gian sử dụng dài với độ rủi ro cao, do nguy cơ khách hàng mất khả năng chi trả hoặc không thanh toán đúng theo hợp đồng đã ký.

+ **Công ty tài chính bán hàng:** hoạt động chủ yếu của công ty tài chính bán hàng là cung cấp tín dụng gián tiếp cho người tiêu dùng để mua sắm các sản phẩm dịch vụ do tập đoàn kinh tế hoặc nhà sản xuất được công ty tài chính bán hàng chỉ định bán. Người tiêu dùng thoả thuận với hệ thống bán

hàng thông qua hợp đồng mua hàng trả góp, trong đó khách hàng phải trả tiền mua hàng và lãi suất cho khoản tiền trả chậm. Công ty tài chính bán hàng mua lại các hợp đồng trả góp đó và thống nhất với hệ thống bán hàng về nội dung hợp đồng, thời hạn trả góp... Khi công ty tài chính mua các hợp đồng bán hàng trả góp tức là đã mua lại khoản nợ của người mua hàng, do vậy người ta gọi là tài trợ gián tiếp. Quan hệ giữa công ty tài chính bán hàng và người bán hàng rất chặt chẽ; người bán hàng bán lại toàn bộ các hợp đồng trả góp cho công ty tài chính, đổi lại người bán hàng phải chịu sự kiểm tra thường xuyên và chịu sự kiểm soát tài chính của công ty tài chính. Khi các hợp đồng trả góp đến hạn, người tiêu dùng trả tiền cho người bán hàng và người bán hàng hoàn đủ lại số tiền đó cho công ty tài chính. Trong trường hợp không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì công ty tài chính có quyền xiết nợ, thậm chí thu hồi xử lý hàng hoá để thu hồi vốn.

Đối thủ cạnh tranh chính của công ty tài chính là các ngân hàng thương mại hoạt động cho vay tiêu dùng, người tiêu dùng lựa chọn và sử dụng công ty tài chính vì các món cho vay được thực hiện với điều kiện cho vay thuận lợi hơn ngân hàng thương mại.

+ **Công ty tài chính thương mại:** cung cấp các dạng tín dụng đặc biệt cho các doanh nghiệp bằng cách mua những khoản tiền phải thu (các hoá đơn nợ của doanh nghiệp) có chiết khấu. Việc cung cấp tín dụng này gọi là bao thanh toán. Ví dụ: một hãng sản xuất xăng dầu có những hoá đơn bán hàng cho hệ thống cửa hàng bán lẻ với số nợ chưa thanh toán trị giá là 200.000 Đô la Mỹ. Nếu cần tiền mặt để mua máy móc thiết bị, hãng có thể bán khoản tiền sẽ thu đó cho công ty tài chính thương mại. Giả sử khoản nợ đó được bán cho công ty tài chính với giá 150.000 Đô la Mỹ, như vậy công ty tài chính thương mại được quyền đòi 200.000 Đô la Mỹ tiền nợ ở các cửa hàng bán lẻ nói trên. Ngoài hoạt động bao thanh toán, công ty tài chính tổ chức hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực chuyên ngành như cho thuê thiết bị, các toa xe, máy

bay, tàu chở dầu, giàn khoan khai thác dầu khí... là những hàng hoá công ty tài chính mua, sau đó cho các công ty sản xuất kinh doanh thuê lại.

Trong những năm gần đây, sự phân biệt giữa 3 loại hình công ty tài chính tiêu dùng - bán hàng - thương mại đã trở lên tương đối lỏng lẻo; hoạt động chủ yếu của công ty tài chính tập trung vào thị trường tín dụng thương mại và thị trường tín dụng tiêu dùng.

Ngoài ra còn có một số hình thức khác như:

+ Công ty cho thuê tài chính (Leasing Company): Là những Công ty chuyên cho các doanh nghiệp thuê máy móc, dụng cụ, trang thiết bị phương tiện vận tải... chi phí mà doanh nghiệp phải trả cho các công ty cho thuê tài chính có hiệu quả cao hơn so với chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để mua các phương tiện, dụng cụ trên.

+ Công ty chứng khoán (Securities Company): Là tổ chức tài chính trung gian thực hiện kinh doanh chứng khoán thông qua các nghiệp vụ như môi giới chứng khoán cho khách hàng để hưởng hoa hồng, mua bán chứng khoán để hưởng chênh lệch giá, tư vấn đầu tư chứng khoán, trung gian phát hành và bảo lãnh chứng khoán cho các đơn vị phát hành, tư vấn đầu tư và quản lý quỹ đầu tư...

1.1.3. Sự cần thiết thành lập và phát triển công ty tài chính trong các tập đoàn kinh tế

Hầu hết các tập đoàn kinh tế ngày nay đều là những tập đoàn kinh doanh đa quốc gia. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các tập đoàn này mang tính toàn cầu với một mạng lưới các chi nhánh sản xuất và tiêu thụ rộng khắp trên thế giới. Ngày nay, một tập đoàn kinh tế mạnh thường có cơ cấu sản xuất kinh doanh trong tất cả các ngành nghề. Mô hình tập đoàn đang được ưa chuộng và trở thành xu hướng chính hiện nay, cơ cấu của tập đoàn kinh tế gồm ngân hàng, công ty thương mại và các công ty sản xuất. Hoạt động tài

chính – ngân hàng là một bộ phận quan trọng và không thể tách rời trong cơ cấu kinh doanh của các tập đoàn kinh tế. Do vậy:

- Việc thành lập và phát triển công ty tài chính nhằm tìm kiếm các nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển của tập đoàn trên cơ sở triển khai đồng bộ các hình thức huy động vốn trong nội bộ tập đoàn, trên các thị trường tài chính trong nước và quốc tế gồm vay thương mại, vay tài trợ dự án, vay tài trợ xuất khẩu, thuê mua, vay công ty, phát hành cổ phiếu, trái phiếu...

- Việc thành lập và phát triển công ty tài chính nhằm nâng cao hiệu quả các nguồn vốn huy động, hoàn trả vốn và lãi vay đúng hạn, bảo đảm sự cân đối vững chắc về hoạt động tài chính thông qua việc điều hành vốn linh hoạt, gắn liền với hoạt động kinh doanh tiền tệ, tham gia thị trường tiền tệ, thị trường vốn trong nước.

- Việc thành lập và phát triển công ty tài chính nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, công trình, dự án được đầu tư vốn thông qua việc đầu tư vốn đúng định hướng phát triển, đúng công trình và dự án.

- Khi thị trường chứng khoán ra đời và phát triển, công ty tài chính trong tập đoàn là một trung gian tài chính đáng tin cậy cho các công ty thành viên của tập đoàn tham gia thị trường chứng khoán.

Công ty tài chính trong các tập đoàn kinh tế một mặt là những doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoàn chỉnh, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ. Mặt khác, công ty tài chính trong các tập đoàn kinh tế được thành lập trước hết là nhằm mục tiêu huy động vốn phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển của tập đoàn, tài trợ các hoạt động bán hàng, hoạt động sản xuất kinh doanh nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng sức cạnh tranh và phục vụ chiến lược phát triển của tập đoàn. Nói cách khác, công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế có nhiệm vụ tìm kiếm các nguồn vốn đầu tư để cung ứng cho tập đoàn và các công ty thành viên trong tập đoàn; quản lý đầu tư các khoản vốn chưa sử dụng trong tập đoàn; quản lý các khoản tiền tạm thời nhàn rỗi, điều

hoà vốn giữa các đơn vị thành viên của tập đoàn; làm đầu mối và tư vấn cho tập đoàn, các công ty thành viên trong quan hệ với ngân hàng, các tổ chức tín dụng, đối tác đầu tư; quản lý và áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro tài chính trong tập đoàn; cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính khác cho các công ty thành viên của tập đoàn và khách hàng bên ngoài tập đoàn như cho vay để mua hàng hoá do tập đoàn sản xuất kinh doanh...

Do những đặc thù như vậy mà trong hoạt động các công ty tài chính phải thực hiện nhiều chức năng và nhiệm vụ liên quan đến tình trạng tài chính của các tập đoàn kinh tế. Nhiệm vụ chính của các công ty tài chính ngoài việc đầu tư kinh doanh sinh lợi còn giúp tập đoàn duy trì nguồn lực tài chính tốt nhất để tăng cường khả năng cạnh tranh của tập đoàn. Công ty tài chính còn giúp tập đoàn kinh tế khai thác một cách tốt nhất các cơ hội kinh doanh có hiệu quả trên thị trường.

Như vậy, công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế, bên cạnh hoạt động với tư cách là một doanh nghiệp độc lập, còn có hai nhiệm vụ chủ yếu là:

+ Huy động nguồn tài chính cho tập đoàn kinh tế với những điều kiện thuận lợi. Một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của các công ty tài chính là phải tìm kiếm và huy động các nguồn vốn cho tập đoàn kinh tế thông qua nhiều hình thức khác nhau được pháp luật cho phép. Các công ty tài chính có thể trình các đề án vay vốn từ các ngân hàng thương mại hoặc trình Chính phủ cho phát hành các loại trái phiếu công trình, các loại cổ phiếu dự án đầu tư để huy động vốn nhằm mở rộng và phát triển giống như hoạt động của các ngân hàng thương mại. Các nguồn vốn mà công ty tài chính hướng đến phải đa dạng về thời hạn, lãi suất hợp lý và có quy mô lớn nhằm thỏa mãn nhu cầu đầu tư và sử dụng vốn của tập đoàn kinh tế.

+ Đầu tư và quản trị vốn của tập đoàn kinh tế một cách hiệu quả nhất. Khi các nguồn vốn được huy động, nhiệm vụ quan trọng tiếp theo của các công ty tài chính là sử dụng phù hợp các nguồn vốn huy động vào các hoạt

động sản xuất kinh doanh đem lại lợi nhuận, đầu tư vào các tài sản có tỷ lệ hoàn vốn cao. Đồng thời các công ty tài chính cũng phải đảm bảo cho nguồn vốn của tập đoàn kinh tế khi nguồn vốn đầu tư vào những tài sản làm mất khả năng chi trả. Đây không phải là một nhiệm vụ dễ dàng, bởi ngoài việc các công ty tài chính không chỉ rõ kết cấu hợp lý nhất cho các loại tài sản ngắn hạn và dài hạn của tập đoàn kinh tế nên thực hiện, mà còn phải tìm ra được những cơ hội đầu tư tốt nhất. Hơn nữa, các công ty tài chính còn phải quyết định thời hạn sử dụng những tài sản hiện có và nhu cầu bổ sung những tài sản mới trong tương lai cho các công ty thành viên khác trong tập đoàn kinh tế để xác định kế hoạch và dự báo tài chính trong tương lai.

Tóm lại, công ty tài chính có một vị trí đặc biệt quan trọng trong mô hình tổ chức và chiến lược phát triển của tập đoàn kinh tế. Hoạt động kinh doanh tài chính của tập đoàn có vai trò to lớn và rất cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của tập đoàn bởi xu hướng cơ bản của tập đoàn chủ yếu là kiểm soát, chi phối về mặt tài chính, đầu tư của các đơn vị thành viên của tập đoàn.

Công ty tài chính trong tập đoàn được thành lập trước hết là nhằm huy động vốn phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển của tập đoàn, tài trợ các hoạt động bán hàng, hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng sức cạnh tranh và phục vụ chiến lược phát triển của tập đoàn kinh tế. Như vậy trong tập đoàn kinh tế, công ty tài chính có hai nhiệm vụ chủ yếu là huy động vốn phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của tập đoàn và kinh doanh tiền tệ.

1.1.4. Các hoạt động chủ yếu của công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế

1.1.4.1. Hoạt động huy động vốn

- Phát hành cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ nợ

+ Phát hành cổ phiếu: Điều kiện hàng đầu để một công ty tài chính khởi nghiệp là phải có đủ vốn pháp định theo luật định. Vốn điều lệ ban đầu của công ty tài chính khi thành lập do tập đoàn và/hoặc các công ty thành viên

của tập đoàn kinh tế góp vốn, ngoài ra các công ty tài chính có thể huy động thêm nguồn vốn trong xã hội thông qua việc phát hành cổ phiếu hoặc tín phiếu của công ty tài chính. Vốn điều lệ ít nhất phải bằng mức vốn pháp định và quy mô vốn phụ thuộc vào tính chất, phạm vi hoạt động của từng công ty tài chính. Vốn điều lệ được bổ sung và tăng dần thông qua việc huy động vốn đóng góp từ tập đoàn hoặc phát hành thêm cổ phiếu...

+ **Phát hành trái phiếu trung và dài hạn:** Trái phiếu là một chứng chỉ nợ, đại diện cho một sự vay vốn dài hạn của công ty tài chính và được hoàn trả sau một thời gian nhất định. Chủ sở hữu trái phiếu có quyền được hưởng một khoản thu nhập cố định và phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty tài chính. Có hai loại trái phiếu: trái phiếu có lãi suất kèm theo phiếu tính lãi và trái phiếu chiết khấu không ghi lãi suất nhưng giá phát hành thấp hơn mệnh giá, sai biệt giữa mệnh giá trái phiếu giá phát hành trái phiếu là lãi chiết khấu. Các công ty tài chính thường huy động vốn theo hình thức phát hành trái phiếu.

+ **Phát hành chứng chỉ nợ:** Là một giấy nhận nợ mà công ty tài chính phát hành để vay vốn trên thị trường tiền tệ dùng để đáp ứng những nhu cầu về tiền mặt, vốn ngắn hạn cấp thiết. Có hai loại chứng chỉ nợ:

- **Chứng chỉ tiền gửi loại lớn:** Là giấy xác nhận khoản vay của công ty tài chính có ghi rõ thời hạn hoàn trả và lãi suất người cho vay được hưởng. Chứng chỉ này là một loại đầu tư ngắn hạn có lợi cho nhà kinh doanh, hộ gia đình vì nó được sử dụng và chấp nhận như séc hoặc tiền mặt.

- **Hợp đồng thoả thuận mua lại:** Là hình thức vay ngắn hạn của công ty tài chính trên thị trường tiền tệ thông qua hợp đồng bán chứng khoán cho các đối tượng kinh doanh chứng khoán tương đối thừa tiền mặt và thoả thuận mua lại chứng khoán đó trong thời gian ngắn từ vài ngày đến vài tuần.

- **Vay từ các tổ chức tín dụng:** Công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế có thể vay vốn từ các tổ chức tín dụng, thực hiện việc cho vay và đi vay

theo hợp đồng tín dụng, vốn vay phải được bảo đảm bằng tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh hoặc tín chấp.

- **Vay từ tập đoàn kinh tế:** Bên cạnh việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ nợ hoặc đi vay từ các tổ chức tín dụng khác, công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế còn có thể vay từ tập đoàn mẹ. Các tập đoàn kinh tế, dựa vào uy tín và lợi thế kinh doanh của mình, đứng ra phát hành trái phiếu để huy động vốn, sau đó chuyển số vốn này cho công ty tài chính vay. Mặt khác, khi tập đoàn đứng ra phát hành trái phiếu, do là tổ chức kinh tế nên nguồn vốn huy động qua hình thức phát hành trái phiếu của tập đoàn kinh tế không bị ràng buộc về dự trữ, lãi suất, khối lượng phát hành do ngân hàng Nhà nước quy định.

1.1.4.2. Hoạt động sử dụng vốn

- Hoạt động tín dụng

+ Cho vay

Là hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế để tạo ra lợi nhuận. Các công ty tài chính thu lãi suất cho vay để bù đắp các chi phí huy động vốn, chi phí dự phòng, chi phí kinh doanh, chi phí quản lý, chi phí thuế các loại và chi phí rủi ro đầu tư. Hoạt động cho vay đa dạng, phong phú, bao gồm nhiều loại hình:

Nếu căn cứ vào thể thức cho vay, hoạt động cho vay gồm:

- **Tín dụng ứng trước:** Là thể thức cho vay được thực hiện trên cơ sở hợp đồng tín dụng, trong đó khách hàng được sử dụng một hạn mức cho vay trong một thời hạn nhất định. Tín dụng ứng trước có hai loại là ứng trước có bảo đảm và ứng trước không cần bảo đảm. Ứng trước có bảo đảm là loại tín dụng được cấp phát trên cơ sở có tài sản thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh của một hay nhiều tổ chức và/hoặc cá nhân khác; ứng trước không cần bảo đảm là loại tín dụng được cấp không cần có tài sản thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh mà chỉ dựa trên uy tín của khách hàng.

- **Thấu chi:** Với tên gọi khác là tín dụng hạn mức, là hình thức cấp tín dụng ứng trước đặc biệt được thực hiện trên cơ sở hợp đồng tín dụng, trong đó khách hàng được phép sử dụng dư nợ trong giới hạn và thời hạn nhất định. Khác với tín dụng ứng trước, thấu chi mức tín dụng được thoả thuận chưa phải là khoản tiền công ty tài chính cho vay, chỉ khi nào khách hàng sử dụng mới được coi là tín dụng được cấp và tính tiền lãi. Thấu chi được áp dụng đối với khách hàng có uy tín, có lịch sử tài chính tốt, có khả năng tài chính lành mạnh.

- **Chiết khấu thương phiếu:** Là loại hoạt động tín dụng ngắn hạn, trong đó người cung cấp sản phẩm hàng hoá dịch vụ lập ra các thương phiếu thể hiện số lượng hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp và chuyển nhượng lại quyền sở hữu thương phiếu cho công ty tài chính để được thanh toán trước hạn số tiền bằng mệnh giá của thương phiếu trừ đi lãi chiết khấu và phí hoa hồng, công ty tài chính chịu trách nhiệm thu tiền ở người mua hàng hoá, dịch vụ khi đến hạn.

Nếu căn cứ vào đối tượng cho vay, hoạt động cho vay gồm:

- Cho vay theo ngành nghề kinh doanh: còn gọi là cho vay để kinh doanh như cho vay theo các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp, bất động sản...
- Cho người tiêu dùng vay để mua vật dụng như xe hơi, các sản phẩm hàng hoá có giá trị lớn và thời gian sử dụng dài như mua nhà, mua thẻ tín dụng, trang trải các chi phí cá nhân...
- Cho các tổ chức tín dụng khác vay.
- Cho tập đoàn kinh tế và các công ty thành viên của tập đoàn kinh tế vay.

Nếu căn cứ vào thời gian cho vay, hoạt động cho vay gồm:

- Cho vay ngắn hạn với thời gian cho vay dưới 1 năm.
- Cho vay trung hạn với thời gian cho vay từ 1 đến 5 năm.

- Cho vay dài hạn với thời gian cho vay trên 5 năm.

+ **Hoạt động cho thuê tài sản:** Là hình thức cho thuê tài sản để khách hàng sử dụng vào một mục đích nhất định theo hợp đồng đã ký. Nếu trong hợp đồng có kèm theo cam kết của người cho thuê sẽ bán lại tài sản này chậm nhất là khi kết thúc hợp đồng cho người đi thuê theo giá thoả thuận trước thì gọi là thuê tài chính, nếu trong hợp đồng không kèm theo điều kiện mua lại thì gọi là thuê hoạt động. Trong nghiệp vụ cho thuê thường liên quan đến ba bên, bên thứ nhất là khách hàng còn gọi là người thuê, bên thứ hai là nhà cung cấp tài sản thuê và bên thứ ba là công ty tài chính còn gọi là người cho thuê.

+ **Thuê tài chính:** Theo uỷ ban tiêu chuẩn kế toán quốc tế thì thuê tài chính có bốn tiêu chuẩn là quyền sở hữu tài sản được chuyển giao khi hết hạn hợp đồng, hợp đồng có quy định quyền chọn mua, thời hạn hợp đồng bằng phần lớn thời hạn hoạt động của tài sản và hiện giá tiền thuê lớn hơn hoặc gần bằng giá trị tài sản. Có hai loại thuê tài chính là:

- **Thuê tiêu dùng:** Cũng giống như khoản tín dụng trả góp đối với cá nhân, khách hàng chỉ làm chủ sở hữu tài sản sau khi việc trả góp tài sản đã hoàn thành.

- **Thuê doanh nghiệp:** Là khoản tín dụng trả góp đối với doanh nghiệp. Tiền trả góp mỗi kỳ gồm tiền khấu hao tài sản cố định và tiền lãi vay. Hoạt động tín dụng này được thực hiện trong việc mua tài sản và công cụ lao động bao gồm mua tàu chở dầu, giàn khoan khai thác dầu khí, thiết bị công nghiệp, nhà máy... Quyền sở hữu tài sản chỉ được chuyển giao cho người thuê khi khoản trả góp cuối cùng được thực hiện.

+ **Thuê hoạt động:** Là một dàn xếp hợp đồng, trong đó một bên chấp nhận trả một khoản tiền thuê theo thoả thuận và được sử dụng tài sản thuộc sở hữu bên kia. Sau thời gian thuê, khách hàng không phải mua tài sản này và nếu cần thì có thể ký hợp đồng thuê tiếp theo. Ưu điểm của thuê hoạt động là

sử dụng vốn hiệu quả, tiền thuê được hạch toán vào chi phí để giảm thuế, hạn chế việc sử dụng máy móc lạc hậu và giảm thiểu các chi phí quản lý.

Thuê hoạt động khác với thuê tài chính ở các điểm thời gian cho thuê ngắn, mức vốn được thu hồi nhỏ hơn nhiều so với giá trị tài sản, người đi thuê có thể được phép huỷ ngang hợp đồng và không có thoả thuận chuyển quyền sở hữu hoặc bán lại tài sản trong hợp đồng thuê.

+ **Bao thanh toán:** Là hoạt động mua các yêu cầu chi trả của một doanh nghiệp nào đó, nhận các khoản chi trả của các yêu cầu này, thông thường các yêu cầu chi trả là ngắn hạn. Hoạt động này có ba bên tham gia là người mua nợ (công ty tài chính), chủ nợ (doanh nghiệp cung cấp hàng hoá, dịch vụ) và người mắc nợ (người mua hàng hoá, dịch vụ). Người mua nợ thanh toán giá mua nhỏ hơn giá trị khoản nợ cho chủ nợ (thông thường từ 80 đến 90% giá trị khoản nợ). Số tiền còn lại được trả lại cho chủ nợ sau khi người mắc nợ hoàn tất việc trả nợ, sau khi đã trừ đi tiền lãi vay và phí hoa hồng. Người mắc nợ coi hợp đồng mua bán đã hoàn tất; còn người mua nợ chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi, thu hồi và chịu rủi ro về các khoản chi trả của các yêu cầu chi trả đó. Bao thanh toán vừa là phương thức thu nợ, vừa là kỹ thuật phòng tránh rủi ro và là một phương tiện để tài trợ cho các hoạt động của khách hàng. Bao thanh toán đặc biệt phù hợp với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, công nghiệp có mạng lưới khách hàng rộng khắp và cung cấp các sản phẩm hàng hoá dịch vụ thông dụng. Hoạt động bao thanh toán gần giống như hoạt động chiết khấu thương phiếu, nhưng có các điểm khác như các khoản nợ được mua là các khoản nợ có hoá đơn, hợp đồng mua uỷ nhiệm thu (các khoản nợ) là hợp đồng không được truy đòi, công ty tài chính thường giữ lại từ 10% đến 20% số tiền nợ của chủ nợ để dự phòng hàng hoá bị trả lại và lãi suất mà người mua được hưởng trong hoạt động này cao hơn hoạt động tín dụng khác vì hoạt động bao thanh toán có mức độ rủi ro cao.

1.1.4.3. Hoạt động đầu tư

+ **Đầu tư chứng khoán:** Công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế còn là nhà đầu tư tổ chức trên thị trường tài chính tiền tệ. Đầu tư chứng khoán là nguồn mang lại lợi nhuận quan trọng thứ hai sau cho vay, giúp công ty tài chính nâng cao khả năng thanh khoản, bảo tồn ngân quỹ, góp phần đa dạng hoá các hoạt động kinh doanh nhằm phân tán rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty tài chính. Nhìn chung công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế đều có chiến lược đầu tư chứng khoán một cách rõ rệt. Danh mục chứng khoán đầu tư được thực hiện theo tỷ trọng từng danh mục để phân tán rủi ro. Danh mục chứng khoán đầu tư bao gồm các chứng khoán là trái phiếu, cổ phiếu và các công cụ phái sinh khác.

+ **Đầu tư các chứng từ có giá ngoài thị trường chứng khoán**

Ngoài vai trò là nhà đầu tư trực tiếp trên thị trường chứng khoán, công ty tài chính còn thực hiện đầu tư các chứng từ có giá trên thị trường phi tập trung (viết tắt là OTC) nhằm tạo ra thêm một kênh giao dịch chứng khoán để tăng tính thanh khoản thực tế và phân chia các rủi ro.

+ **Đầu tư tài chính khác:** công ty tài chính thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính khác như tham gia liên doanh, góp vốn, tham gia cổ phần... tại các dự án, các công ty.

1.1.4.4. Các hoạt động dịch vụ tài chính tiền tệ

- **Hoạt động tư vấn:** Bao gồm tư vấn phát hành cổ phiếu, phát hành trái phiếu, tư vấn đầu tư dự án, tư vấn cấu trúc hoạt động doanh nghiệp, tư vấn lập và thẩm định phương án tài chính, phương án kinh doanh, tư vấn đầu tư chứng khoán và các loại hình dịch vụ tư vấn khác.

- **Hoạt động đại lý, môi giới:** Bao gồm đại lý phát hành cổ phiếu, phát hành trái phiếu, các hoạt động môi giới đầu tư tài chính.

- **Hoạt động khác:**

+ **Các hoạt động dịch vụ về phát hành chứng khoán** gồm tư vấn phát hành; bảo lãnh phát hành; đại lý phát hành; lưu giữ, bảo quản chứng khoán; nhận lãi chứng khoán hộ khách hàng...

+ **Các hoạt động dịch vụ kinh doanh ngoại hối** như mua bán ngoại tệ trực tiếp với khách hàng; huy động vốn ngoại tệ thông qua phát hành chứng khoán ra thị trường quốc tế; đầu tư tài chính trên thị trường tài chính quốc tế...

+ **Các hoạt động dịch vụ tài chính** như cầm cố các loại hàng hoá, vật tư, ngoại tệ, các giấy tờ có giá; kinh doanh vàng bạc, đá quý, chuyển nhượng chứng khoán; các dịch vụ tư vấn đầu tư; các dịch vụ tư vấn tài chính...

1.1.5. Các nhân tố tác động đến hoạt động của các công ty tài chính

1.1.5.1. Chính sách và những quy định của nhà nước

- Duy trì trật tự, ổn định xã hội và phát triển kinh tế

Việc tạo lập, duy trì một môi trường chính trị xã hội ổn định là điều kiện quan trọng hàng đầu cho phép Nhà nước tập trung các nguồn lực và thực thi các chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội dài hạn. Nhà nước thực hiện chức năng điều tiết vĩ mô nền kinh tế thông qua việc ban hành và thực thi hệ thống các chính sách kinh tế - tài chính thống nhất trong mỗi quốc gia. Bằng hệ thống các văn bản pháp quy, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển các ngành kinh tế, Nhà nước định hướng xu thế phát triển của các tập đoàn kinh tế và công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế.

Ban hành các chính sách hỗ trợ các tập đoàn kinh tế đầu tư vào các ngành, lĩnh vực cần được ưu tiên khuyến khích để phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời có các chính sách bảo vệ sản xuất trong nước, hỗ trợ và nâng cao khả năng cạnh tranh của tập đoàn kinh tế. Thực hiện các chính sách kinh tế đối ngoại mềm dẻo, linh hoạt, vừa tranh thủ phát huy được lợi thế của hợp tác quốc tế, vừa tránh được sự cạnh tranh mất cân đối với các tập đoàn kinh tế, các tổ chức tài chính quá lớn có ưu thế về vốn, công nghệ tiên tiến, lao động có trình độ cao và kinh nghiệm quản lý.

Tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa Chính phủ, các bộ, ngành với các tập đoàn kinh tế, các công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế vì lợi ích chung của quốc gia và lợi ích của các tổ chức kinh tế này.

- Xây dựng môi trường pháp luật đảm bảo cạnh tranh bình đẳng, khuyến khích các định chế tài chính phát triển

Hoạt động của công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế được tiến hành trong một khuôn khổ pháp lý chặt chẽ, được xây dựng chủ yếu để bảo đảm tính an toàn của hệ thống tài chính ngân hàng và bảo vệ lợi ích của toàn nền kinh tế - xã hội. Nhà nước xây dựng hệ thống khuôn khổ pháp luật nhằm quy định điều kiện thành lập, nội dung và phạm vi hoạt động; các vấn đề về sáp nhập, hợp nhất, mở rộng lĩnh vực hoạt động; phá sản, giải thể; an toàn và an ninh tài chính... để kiểm soát, điều chỉnh hoạt động của các tổ chức tín dụng, trong đó có công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế. Yêu cầu cơ bản đối với hệ thống khung pháp luật là phải thống nhất, ổn định, minh bạch và vận dụng các tiêu chuẩn chung đã được thừa nhận trên thế giới. Vai trò của Nhà nước còn được thể hiện qua việc thiết lập hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước bao gồm Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Trung ương... để xây dựng các văn bản luật, văn bản dưới luật; thực hiện giám sát, điều chỉnh, kiểm tra hoạt động của các tổ chức tín dụng.

1.1.5.2. Chiến lược phát triển và cơ chế hoạt động của tập đoàn kinh tế

- Chiến lược kinh doanh:

Việc thành lập các tập đoàn kinh tế xuất phát từ lợi ích kinh tế của các công ty thành viên thuộc tập đoàn và lợi ích chung của chính bản thân tập đoàn kinh tế. Để nâng cao sức cạnh tranh, phát huy mọi nguồn lực và tối đa hoá lợi nhuận, các tập đoàn kinh tế xây dựng định hướng chiến lược phát triển chung và thực hiện thống nhất trong toàn tập đoàn. Chiến lược phát triển của tập đoàn tập trung vào lĩnh vực đầu tư phát triển kinh doanh, nghiên cứu triển khai công nghệ mới, sản phẩm mới, huy động sức mạnh tài chính và các

nguồn lực của tập đoàn để tập trung vào các lĩnh vực then chốt có ý nghĩa quyết định đến khả năng phát triển, mở rộng thị phần, củng cố và nâng cao uy tín, danh tiếng của tập đoàn. Trên cơ sở định hướng phát triển của tập đoàn, công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế chủ động xác định, lựa chọn chiến lược kinh doanh của công ty phù hợp với môi trường ngành và điều kiện cụ thể trong từng lĩnh vực, từng khu vực thị trường, vừa nâng cao lợi nhuận, vừa phát huy sức mạnh tổng hợp của tập đoàn kinh tế.

- Cơ chế hoạt động:

Tập đoàn kinh tế là một hình thức liên kết kinh tế, tập đoàn chỉ tồn tại và phát triển vững mạnh khi xây dựng được cơ chế hoạt động dựa trên sự thống nhất lợi ích kinh tế của từng thành viên với lợi ích kinh tế chung của cả tập đoàn. Trong tập đoàn kinh tế, giữa công ty mẹ, các công ty thành viên với công ty tài chính có mối quan hệ ràng buộc, phụ thuộc, hỗ trợ lẫn nhau nhằm phục vụ mục tiêu chung của tập đoàn. Mối quan hệ liên kết kinh tế này được điều hành bằng các hợp đồng hoặc thoả thuận kinh tế nhằm phối hợp hành động, phát huy sức mạnh chung của toàn tập đoàn. Để hạn chế cạnh tranh nội bộ giữa các công ty thành viên của tập đoàn, các hoạt động trong tập đoàn được chuyên môn hoá theo từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh hoặc có sự thoả thuận về phân chia thị trường, đối tượng khách hàng. Hầu hết các tập đoàn kinh tế theo đuổi một chính sách quản lý phi tập trung. Ban lãnh đạo tập đoàn kinh tế thường nằm ở công ty mẹ, được hình thành trên nguyên tắc số vốn cổ đông đóng góp của các công ty thành viên của tập đoàn, chỉ kiểm soát về mặt tài chính, chiến lược đầu tư thông qua sử dụng các đòn bẩy kinh tế. Các công ty thành viên của tập đoàn kinh tế bao gồm cả công ty tài chính, có hội đồng quản trị và ban tổng giám đốc điều hành riêng để lãnh đạo, quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị một cách độc lập, tự chủ. Công ty tài chính được chủ động hoàn toàn trong việc sử dụng nguồn vốn tự có vào hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn công ty tài chính vay từ tập

đoàn phải được tập đoàn thông qua về mục tiêu vay vốn, phương án kinh doanh và phải trả lãi suất theo quy định của tập đoàn. Những dự án đầu tư của các công ty thành viên của tập đoàn kinh tế phù hợp với chiến lược phát triển của tập đoàn sẽ được công ty tài chính ưu tiên tài trợ hàng đầu. Công ty tài chính được hưởng lãi suất cho vay nội bộ của tập đoàn kinh tế từ các khoản tài trợ. Bên cạnh đó, công ty tài chính được tập đoàn sử dụng với vai trò là công cụ quản trị tài chính, thực hiện nhiệm vụ điều hoà vốn tạm thời nhàn rỗi của toàn tập đoàn kinh tế và thực hiện đầu tư tài chính vào những lĩnh vực sinh lợi cao nhất, quản trị được rủi ro.

1.1.5.3. Các rủi ro trong hoạt động của công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế

Rủi ro của các trung gian tài chính nói chung và các công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế nói riêng là nỗi ám ảnh của hệ thống các tổ chức tín dụng trên thế giới. Những bất ngờ luôn xảy ra ngay cả đối với những tổ chức tín dụng kinh doanh hiệu quả, có nhiều kinh nghiệm. Có nhiều cách hiểu rủi ro nhưng nhìn chung thì rủi ro thường có hai đặc tính: biên độ rủi ro phản ánh thiệt hại do rủi ro gây ra ở mức nào và tần suất xuất hiện rủi ro nhiều hay ít. Công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế thường phải đối mặt với các loại rủi ro sau:

- Rủi ro lãi suất

Đó là sự chênh lệch giữa lãi suất huy động đầu vào và lãi suất sử dụng đầu ra, do biến động của thị trường và chênh lệch giữa các kỳ hạn huy động vốn và kỳ hạn sử dụng vốn bao gồm cả hoạt động đầu tư và hoạt động tín dụng. Do đặc thù của công ty tài chính là tập trung cấp tín dụng trung và dài hạn, đầu tư và tập trung vào các lĩnh vực ngành nghề yêu cầu các khoản tín dụng, đầu tư có thời hạn dài nên gặp nhiều khó khăn trong việc dự báo biến động của lãi suất, khi lãi suất trên thị trường biến động mạnh sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty tài chính.

Để loại trừ và giảm thiểu tối đa rủi ro lãi suất, các công ty tài chính cần thực hiện: Phân tích đánh giá vĩ mô các chỉ tiêu kinh tế để đưa ra nhận định về lãi suất tương lai từ đó cơ cấu lại tài sản nợ và tài sản có của công ty tài chính một cách hợp lý; Phân loại các tài sản nợ và có của mình theo từng giai đoạn 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng và 1 năm từ đó dựa vào phân tích biến động lãi suất trong tương lai (1, 3, 6 tháng hay 1 năm); Sử dụng biểu đồ lịch kỳ hạn tái định giá để đưa ra những con số cụ thể về lỗ hay lãi nhằm cơ cấu lại tài sản nợ và tài sản có cho hợp lý; Thực hiện cho vay lãi suất thả nổi để điều chỉnh tương ứng với tình hình biến động lãi suất lên hay xuống của thị trường; Nghiên cứu để tiến hành các nghiệp vụ phái sinh như Swap, Future Contract, Forward Rate Agreement để giảm thiểu rủi ro, nghiên cứu xây dựng hệ thống phần mềm cảnh báo khi có biến động về lãi suất.

- Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng xuất phát từ các hoạt động tín dụng khi khách hàng vay vi phạm các điều kiện của hợp đồng tín dụng dẫn đến khách hàng không trả được nợ cho công ty tài chính theo nội dung hợp đồng đã ký. Do tầm quan trọng của rủi ro tín dụng, công ty tài chính cần áp dụng những biện pháp và chính sách như xây dựng tỉ trọng, ngành nghề cấp tín dụng, phân bổ hạn mức cấp tín dụng, áp dụng, ban hành qui chế, qui trình tín dụng, thực hiện xếp hạng tín dụng nội bộ để đánh giá và cho vay với từng loại khách hàng, thẩm định và định giá các tài sản thế chấp cũng như phân tích hiệu quả dự án và khả năng tài chính của từng khách hàng để đưa ra mức cho vay hợp lý, thực hiện qui chế giám sát, kiểm soát, tái thẩm định từ giai đoạn ban đầu nộp hồ sơ cho đến hết đời dự án của một hồ sơ cho vay cấp vốn, các qui định về hoạt động thẩm định và quyết định phê duyệt, dựa trên nguyên tắc độc lập và theo mức thẩm quyền.

- Rủi ro về hoạt động đầu tư

Rủi ro hoạt động đầu tư là việc mất cơ hội đầu tư và cơ hội cơ cấu danh mục đầu tư dẫn đến làm giảm tài sản, có khả năng mất vốn hay mất nguồn thu từ việc đầu tư tài chính vào các dự án, các công ty, kinh doanh chứng khoán... do thị trường biến động xấu hoặc dự án không hiệu quả. Đối với hoạt động đầu tư tài chính, đó là sự mất cơ hội, giảm giá trị do thị trường biến động xấu hoặc mất quyền kiểm soát do đánh giá không đúng về thị trường, không theo sát biến động thị trường. Đối với hoạt động đầu tư dự án, đầu tư vào doanh nghiệp, đó là sự thất thoát vốn do không kiểm soát được nguồn vốn đầu tư của công ty tài chính hoặc do doanh nghiệp, dự án đó hoạt động kém hiệu quả, do sự đánh giá trước khi quyết định đầu tư không chính xác hoặc không quản lý được dự án đầu tư. Việc đa dạng hóa sản phẩm, danh mục đầu tư có tác động tích cực để ngăn ngừa và hạn chế rủi ro khi thị trường có biến động xấu. Các sản phẩm đầu tư tài chính được chọn lựa theo hình thức gắn kết với một số ngành nghề kinh tế theo những tiêu chí nhất định. Nếu có biến động xấu liên quan đến một trong số những ngành này thì giá cổ phiếu của ngành khác sẽ có tác động hỗ trợ trong danh mục đầu tư. Việc đầu tư tài chính vào nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau giúp cho công ty tài chính hạn chế được rủi ro trong hoạt động đầu tư.

- Rủi ro về hoạt động ngoại hối

Hoạt động ngoại hối của công ty tài chính chủ yếu nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu thanh toán của các khách hàng doanh nghiệp. Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự chênh lệch về kỳ hạn, về tỷ giá ngoại hối của các khoản ngoại hối nắm giữ khi tỷ giá biến động hoặc thay đổi chính sách quản lý ngoại hối của Nhà nước. Để giảm thiểu được rủi ro hoạt động ngoại hối, công ty tài chính cần phân tích để có dự đoán về nhu cầu sử dụng ngoại tệ trong tương lai của khách hàng nhằm có chính sách nắm giữ ngoại tệ một cách hợp lý. Hơn nữa, công ty tài chính cần áp dụng biện pháp phân tích diễn biến xu hướng của tỷ giá trong tương lai để đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

- Rủi ro về thanh khoản

Tính thanh khoản cũng là một vấn đề gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của công ty tài chính. Các ngân hàng thương mại thông thường huy động vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn nhưng nguồn vốn huy động của công ty tài chính chủ yếu là nguồn vốn trung dài hạn nên ít gặp rủi ro này. Tuy nhiên, rủi ro thanh khoản còn có thể phát sinh do sự chênh lệch giữa kỳ hạn tài sản nợ với tài sản có. Nên ngoài việc đáp ứng các tỷ lệ về khả năng chi trả và tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn, công ty tài chính có thể chiết khấu và thanh lý những tài sản có giá như trái phiếu và cổ phiếu. Bởi vậy, rủi ro này có thể được hạn chế đáng kể nếu các công ty tài chính sử dụng hợp lý nguồn vốn của mình.

- Rủi ro về hoạt động

Một rủi ro khác mà cũng được quan tâm đó là rủi ro hoạt động. Rủi ro hoạt động bao gồm từ việc quản trị không tốt các quy trình hoạt động, các cán bộ quản lý có thẩm quyền lợi dụng chức vụ của mình thực hiện hoạt động kinh doanh không đúng với chức năng nhiệm vụ được giao hoặc thu lợi cá nhân... Trên thế giới, hoạt động của nhiều tổ chức tín dụng có bề dày lịch sử đã chứng minh nhiều tổ chức tín dụng lớn gặp phải thiệt hại nghiêm trọng thậm trí phá sản khi rủi ro hoạt động xảy ra. Vì thế những biện pháp giám sát, quản lý chặt chẽ tối đa được áp dụng trong toàn hệ thống của các công ty tài chính là biện pháp để hạn chế các rủi ro hoạt động.

- Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp liên quan những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho công ty tài chính, khách hàng và đối tác dẫn đến việc bị khởi kiện. Do tính chất quan trọng trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh tài chính - tiền tệ nên cũng như các tổ chức tín dụng khác, công ty tài chính bị quản lý chặt chẽ bằng các văn bản pháp luật và dưới luật của ngân

hàng trung ương. Những thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đều có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của công ty tài chính.

- Rủi ro khác

Rủi ro về ngành nghề, đối tượng cấp tín dụng, đầu tư do khủng hoảng kinh tế hay thay đổi chính sách. Rủi ro khác liên quan đến các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, lụt lội, cháy nổ...

1.2. KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH THUỘC TẬP ĐOÀN KINH TẾ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.2.1. Hoạt động của các công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế ở một số nước

- Ở Mỹ: Những năm 50 của thế kỷ XX, các công ty tài chính phát triển mạnh ở Mỹ và đạt mức kỷ lục với hơn 6.000 công ty tài chính vào những năm 1960, sau đó số lượng các công ty tài chính đã giảm rất nhanh chỉ còn gần 3.000 công ty tài chính vào năm 1970, đến nay có gần 2.500 công ty tài chính đang hoạt động. Công ty tài chính tại Mỹ được xếp vào loại hình các tổ chức tài chính phi ngân hàng cùng với các quỹ tương hỗ, quỹ tương trợ thị trường tiền tệ. Công ty tài chính tại Mỹ huy động vốn chủ yếu bằng cách phát hành các cổ phiếu và trái phiếu, sử dụng nguồn vốn huy động được để cho vay người tiêu dùng, tài trợ thương mại, cho thuê kinh doanh... Tại Mỹ có 3 loại hình công ty tài chính là công ty tài chính tiêu dùng, công ty tài chính kinh doanh và công ty tài chính bán hàng. [60]

Hầu hết các tập đoàn kinh tế của Mỹ đều có công ty tài chính. Công ty IBM Credit trong tập đoàn kinh tế IBM là công ty tài chính thuộc tập đoàn IBM được thành lập năm 1911 tại New York (Mỹ) với tên ban đầu là Computing Tabulating Recording Company (CTR), đến năm 1924 chính thức mang tên IBM (International Business Machines Corporation). Ngày nay IBM trở thành tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Tính đến cuối năm 2007, tổng doanh thu của Tập đoàn IBM là

98,8 tỷ đôla Mỹ, lợi nhuận 2007 đạt 10,4 tỷ đôla Mỹ; với 101 đơn vị sản xuất, 1.002 đại diện bán hàng, 8 đơn vị nghiên cứu và 386.558 nhân viên hoạt động trên 170 quốc gia và vùng lãnh thổ. Về hoạt động của IBM Credit: Tính đến cuối năm 2007, tổng doanh thu của IBM Credit là 4 tỷ đôla Mỹ, tổng giá trị tài sản đạt hơn 28 tỷ đôla Mỹ. Các dịch vụ tài chính IBM Credit cung cấp gồm tài trợ cho các giải pháp tổng thể về phần cứng, phần mềm, dịch vụ tư vấn, thương mại, cho thuê hệ thống máy tính, tài trợ cho các hoạt động kinh doanh máy tính, đại lý phát hành chứng khoán... Đối tượng cung cấp dịch vụ của IBM Credit là công ty mẹ IBM và các công ty thành viên trong tập đoàn IBM, các nhà sản xuất, phân phối, bán lẻ, cung cấp công nghệ thông tin khác và người tiêu dùng. Các khoản doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho Tập đoàn IBM chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh thu của IBM Credit. Nguồn vốn huy động của công ty chủ yếu từ vay nợ thông qua việc vay nợ từ công ty mẹ IBM và các công ty thành viên trong tập đoàn, huy động vốn thông qua phát hành phiếu nợ ngắn hạn, trái phiếu trung và dài hạn trên thị trường tài chính.

- **Ở Pháp:** Các công ty tài chính phát triển rất mạnh vào thập niên 70 của thế kỷ XX. Hiện nay tại Pháp có trên 1.000 công ty tài chính với quy mô hoạt động khác nhau, nhưng phần lớn có quy mô nhỏ. Các công ty tài chính tại Pháp có 2 đặc điểm chung là hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực ngân hàng và không được nhận tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn dưới 1 năm. Công ty tài chính tại Pháp hoạt động theo quy chế đặc biệt, được tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động, được ưu đãi về thuế, về tài chính, được hỗ trợ, bảo lãnh trực tiếp hoặc gián tiếp của Nhà nước. Hoạt động đa dạng nhưng chủ yếu là tín dụng bất động sản, tài trợ bán trả góp, cho vay uỷ nhiệm thu, thuê mua động sản, bất động sản và các dịch vụ tài chính khác. [60...]

- **Ở Đức:** Công ty tài chính Siemens thuộc tập đoàn Siemens được thành lập năm 1847 tại Berlin (Đức). Tính đến cuối năm 2007, Siemens là

một tập đoàn đa quốc gia với hơn 100 công ty con (sở hữu trên 50% cổ phần) và 4 công ty liên doanh (sở hữu dưới 50% cổ phần) với 448.000 nhân viên hoạt động ở 190 nước trên thế giới; tổng doanh thu đạt 78,4 tỷ EUROS; tổng giá trị tài sản đạt 79,2 tỷ EUROS. Lĩnh vực hoạt động chính là truyền thông và thông tin, tự động và điều khiển, điện công nghiệp, vận tải, y tế, thiết bị ánh sáng, bán dẫn, tài chính và địa ốc.

Siemens có 6 công ty tài chính (SFS) do Tập đoàn Siemens sở hữu 100% vốn cổ phần. Tính đến cuối năm 2007, SFS có tổng doanh thu đạt 1.041 triệu Euro; Lợi nhuận trước thuế đạt 329 triệu Euros; tổng giá trị tài sản đạt 8,9 tỷ Euro; có 1.783 nhân viên, hoạt động trên 30 nước, cung cấp các giải pháp tài chính từ tài trợ bán hàng, đầu tư đến các dịch vụ quản lý ngân quỹ, bảo hiểm. SFS là 1 trong 3 nhà cung cấp hàng đầu của châu Âu về các giải pháp tài trợ mua thiết bị. Ngoài các thành viên trong tập đoàn, khách hàng của SFS là các công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên toàn cầu và các cơ quan Nhà nước. Các dịch vụ chính của SFS là trợ giúp trên diện rộng các khách hàng, chú trọng vào các lĩnh vực truyền thông, thông tin, chăm sóc sức khỏe, vận tải, năng lượng và các dự án công nghiệp, cho thuê thiết bị, quản lý và mua các khoản nợ, tài trợ xuất khẩu và các dự án, quản lý vốn cổ phần, đầu tư và dịch vụ quản lý vốn, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm... [60]

- **Ở Hàn Quốc:** Hệ thống các tổ chức tài chính phi ngân hàng với chức năng: thực hiện nghiệp vụ trung gian tiền tệ hay nghiệp vụ tín dụng (cho vay), nghiệp vụ thanh toán và chi trả (chỉ đối với công ty thẻ tín dụng), bao gồm:

- Các công ty tài chính tổng hợp: 2 tổ chức;
- Các ngân hàng tiết kiệm tương hỗ (mutual savings banks): khoảng 110 tổ chức;
- Các tổ chức tín dụng hợp tác (credit unions & credit cooperatives): các hiệp hội tín dụng (credit unions): khoảng 1.066 tổ chức; các tổ chức hợp tác nông nghiệp (agricultural cooperatives), các tổ chức hợp tác ngư nghiệp

(fishery cooperatives), các tổ chức hợp tác lâm nghiệp (forestry cooperatives): khoảng 1.500 tổ chức; các tổ chức tín dụng cộng đồng (community credit cooperatives): khoảng 1.600 tổ chức;

- Các công ty tài chính cho vay chuyên biệt (credit specialized financial companies), bao gồm các loại hình: các công ty phát hành thẻ tín dụng (credit card companies), các công ty cho thuê (leasing companies), các công ty tài trợ trả góp (installment financing business), và các công ty đầu tư vào các ngành kỹ thuật mới mang tính mạo hiểm (venture capital companies): 50 tổ chức;

Trừ các ngân hàng tiết kiệm tương hỗ được nhận tiền tiết kiệm của các thành viên, các công ty thẻ tín dụng có chức năng thanh toán, các tổ chức tài chính phi ngân hàng không được nhận tiền gửi của dân cư, không được thực hiện dịch vụ thanh toán.

Các công ty huy động vốn từ các nguồn: đi vay tổ chức tài chính khác, phát hành trái phiếu hoặc hồi phiếu của công ty, bán hoặc chuyển nhượng cổ phần, trái phiếu đang nắm giữ, trong đó các công ty tài chính chuyên cho vay chuyên biệt được phép phát hành trái phiếu công ty gấp 10 lần so với vốn của mình mỗi năm một lần và mỗi lần phát hành phải có giấy phép của FSC, các tổ chức còn lại chỉ được phát hành gấp 4 lần so với vốn của mình.

Với sự ra đời của Luật công ty tài chính cho vay chuyên biệt (Credit Specialized Financial Business Act) vào tháng 1 năm 1998 từ sự hợp nhất 3 Luật riêng biệt quy định cho từng lĩnh vực kinh doanh: Luật công ty thẻ tín dụng (Credit Card Business Act) ban hành năm 1987 quy định đối với hoạt động thẻ tín dụng và tài trợ trả góp; Luật công ty cho thuê nhà và thiết bị (Facilities Leasing Business Act) ban hành năm 1973 quy định đối với hoạt động cho thuê; Luật hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp kỹ thuật mới (Act on Financial Support for Venture Capital) ban hành năm 1986 quy định hoạt động tài trợ cho ngành kỹ thuật mới mạo hiểm, các hạn chế đối với việc tham gia vào các hoạt động kinh doanh của từng loại hình công ty đã được dỡ bỏ,

cho phép các công ty có thể hoạt động kinh doanh, chẳng hạn như một công ty thuê mua (leasing) có thể thực hiện nghiệp vụ cho vay và hoạt động bao thanh toán với điều kiện có vốn xấp xỉ 20 triệu USD, có nhân sự đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ; hoặc nếu một công ty tài chính cho vay chuyên biệt hoạt động dưới 2 loại hình kinh doanh thì yêu cầu về vốn là trên 20 tỷ won (khoảng 20 triệu USD), nếu trên 3 loại hình kinh doanh trở lên thì yêu cầu về vốn là trên 40 tỷ won (khoảng 40 triệu USD).

Công ty tài chính trong tập đoàn Samsung được thành lập vào năm 1938 tại Hàn quốc, ngày nay tập đoàn Samsung là một Conglomerate hàng đầu ở Hàn quốc với 29 công ty con hoạt động chủ yếu trên 5 lĩnh vực là công nghiệp điện tử, công nghiệp nặng và cơ khí, công nghiệp hoá chất, dịch vụ tài chính khác như thương mại, du lịch- khách sạn, kinh doanh tổ hợp thể thao, xuất bản... Tập đoàn Samsung được thành lập vào năm 1938 tại Hàn quốc, ngày nay Tập đoàn Samsung là một Conglomerate hàng đầu ở Hàn quốc với 29 Công ty con hoạt động chủ yếu trên 5 lĩnh vực là công nghiệp điện tử, công nghiệp nặng và cơ khí, công nghiệp hoá chất, dịch vụ tài chính khác như thương mại, du lịch- khách sạn, kinh doanh tổ hợp thể thao, xuất bản... Samsung là một Tập đoàn xuyên quốc gia với 320 chi nhánh hoạt động tại 70 quốc gia trên thế giới. Tính đến 31/12/2007, tổng doanh thu của Tập đoàn Samsung là 103,6 tỷ đôla Mỹ, tổng giá trị tài sản đạt 98 tỷ đôla Mỹ và có hơn 200.000 nhân viên. [60]

Các Công ty cung cấp dịch vụ tài chính trong Tập đoàn Samsung gồm Công ty Bảo hiểm nhân thọ (Samsung Life Insurance), Công ty Bảo hiểm Hoả hoạn và Hàng hải (Samsung Fire & Marine Insurance), Công ty vốn (Samsung Capital), Công ty quản lý đầu tư tín thác (Samsung Investment Trust Management) và Công ty đầu tư mạo hiểm (Samsung Venture Investment). Hàng năm các định chế tài chính này đóng góp trên 20% tổng doanh thu cho tập đoàn, hiện nay Samsung đang có kế hoạch hợp nhất các

trung gian tài chính thành Công ty tài chính Samsung. Các dịch vụ chủ yếu của các định chế tài chính này bao gồm: các dịch vụ bảo hiểm, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm hoả hoạn, bảo hiểm tai nạn cá nhân, bảo hiểm người đi nước ngoài, quản lý và phát hành thẻ tín dụng, cho thuê thiết bị, cho vay tín dụng, cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng, chiết khấu hối phiếu, tài trợ kinh doanh công nghệ mới, môi giới trái phiếu và cổ phiếu, mua bán nợ, mua bán các giấy nhận nợ, thương phiếu, quản lý tài sản, dịch vụ tư vấn đầu tư, quản lý và kinh doanh bất động sản, đầu tư mạo hiểm vào các lĩnh vực kinh doanh mới.

- **Ở Ma-lai-xia:** Công ty tài chính đầu tiên ra đời vào năm 1960, đến năm 1969 có luật về công ty tài chính. Sau khi có luật, nhiều công ty tài chính được ra đời bởi 1 ngân hàng mẹ hoặc 1 công ty thương mại lập ra. Nhà nước khuyến khích các công ty tài chính có quy mô nhỏ ra đời. Đến năm 1987, Ma-lai-xia có 47 công ty tài chính hoạt động với trên 400 chi nhánh; năm 1993 có 41 công ty với hơn 50% thuộc sở hữu của ngân hàng. Đến nay, sau quá trình cải cách hệ thống ngân hàng chỉ còn 17 công ty tài chính. [60]

Hoạt động của các công ty tài chính nhìn chung khác ngân hàng thương mại là công ty tài chính không được mở tài khoản vãng lai, không được thực hiện nghiệp vụ thanh toán giữa các khách hàng, không được hoạt động ngoại hối, được ghi tên trên thị trường chứng khoán nhưng không được phép giao dịch, được vay ngân hàng thương mại, được phép tái chiết khấu tại Hiệp hội cầm cố. Công ty tài chính là pháp nhân có chức năng sau:

- Kinh doanh nhận tiền gửi trên tài khoản tiền gửi, tài khoản tiết kiệm hoặc tài khoản tương tự khác.

- Cho vay; kinh doanh cho thuê hoặc cho thuê lại động sản vì mục đích sử dụng tài sản của người đi thuê hoặc một người nào khác trong bất kỳ hoạt động kinh doanh, thương mại, chuyên môn hay nghề nghiệp hoặc trong bất kỳ doanh nghiệp thương mại, công nghiệp, nông nghiệp và trường hợp người cho

thuê là người chủ tài sản, bất kể là việc cho thuê có hay không có sự lựa chọn mua tài sản, nhưng không bao hàm cả việc kinh doanh thuê mua theo Luật thuê mua năm 1967.

- Hoặc kinh doanh thuê – mua kể cả kinh doanh theo Luật thuê - mua năm 1967 hoặc hoạt động kinh doanh khác mà Ngân hàng trung ương Ma-lai-xia có thể quy định.

- **Ở Thái Lan:** Các công ty tài chính ở Thái Lan là những công ty trách nhiệm hữu hạn, được Bộ tài chính cấp phép. Các công ty tài chính thực hiện các hoạt động tương tự như công ty đầu tư, phát hành giấy nhận nợ hoặc vay từ các tổ chức tín dụng. Các công ty tài chính có thể xin phép Bộ Tài chính để thành lập thêm chi nhánh hoặc xin phép để thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nhưng không nắm giữ cổ phiếu của công ty tài chính khác, các công ty tài chính được nhận tiền gửi, được thực hiện các giao dịch ngoại hối. Chương trình cải cách tài chính đầu thập kỷ 90 đã mang lại những lợi ích to lớn đối với các công ty tài chính. Việc nới lỏng quản lý lãi suất, xoá bỏ lãi suất trần và tự do hoá đã cho phép các công ty tài chính thực hiện hoạt động cho thuê tài chính (năm 1991), hoạt động như một đại lý bán trái phiếu của Chính phủ (năm 1992) và cung cấp thông tin cũng như dịch vụ tư vấn cho các công ty muốn phát hành cổ phiếu ra công chúng. Trước năm 1997, Thái Lan có 91 công ty tài chính, đến nay có 33 công ty tài chính. [60]

- **Ở Xing-ga-po:** Hoạt động của các công ty tài chính chịu sự điều chỉnh của Luật công ty tài chính, vốn pháp định là 500.000 đôla Xing-ga-po; Đến cuối năm 2007, có 32 công ty tài chính hoạt động. Nguồn vốn chủ yếu của các công ty tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, được các công ty tài chính dùng để cấp tín dụng tiêu dùng dưới dạng trả dần hoặc cho vay để mua bất động sản. Để đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh, công ty tài chính không được nhận tiền gửi không kỳ hạn; không được kinh doanh vàng bạc, ngoại tệ; không được cho một khách hàng vay quá 30% vốn tự có; trường hợp

được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không được cho vay vượt quá 100% vốn tự có; không được thực hiện các khoản vay lớn hơn 50% tổng dư nợ; không được áp dụng các khoản ứng trước không có bảo đảm; không được cho vay không bảo đảm với dư nợ quá 10% vốn cổ phần thực góp và các quỹ dự trữ của công ty tài chính hoặc vượt quá 5.000 đôla Xing-ga-po đối với các thành viên hội đồng quản trị của công ty tài chính... Đầu tư cũng là một hoạt động quan trọng của công ty tài chính nhưng các công ty tài chính cũng bị nhiều quy định hạn chế như không được mua hoặc nắm giữ phần vốn cổ phần của bất kỳ một doanh nghiệp nào vượt quá 24% vốn cổ phần thực góp và các quỹ dự trữ của công ty tài chính, trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép cũng không được vượt quá tỷ lệ 50%; không được mua bất động sản quá 25% vốn cổ phần thực góp và các quỹ dự trữ của công ty tài chính. [60]

- **Ở Trung Quốc:** Trong những năm 80 của thế kỷ XX, nhiều công ty tín thác đầu tư quốc tế đã được thành lập, cung cấp các dịch vụ về tư vấn và đầu tư ngân hàng. Tính đến tháng 3 năm 1993, Trung Quốc đã có 377 công ty tín thác đầu tư và 2 công ty tài chính. Các công ty tín thác đầu tư nhận và cho vay lại các khoản tiền gửi dài hạn của các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp; chỉ có một tỷ lệ nhỏ thu nhập là thu từ lĩnh vực kinh doanh trọng điểm đã được chỉ định cho các công ty này, còn phần lớn thu nhập của các công ty tín thác đầu tư là từ hoạt động đầu cơ. Sau khi ban hành luật Ngân hàng thương mại với khái niệm “ng nghiệp vụ ngân hàng hẹp” nhằm hạn chế hoạt động của các ngân hàng quốc doanh trong phạm vi cho vay vào năm 1995 thì phạm vi hoạt động của các công ty tín thác đầu tư được tách riêng, nó không còn giữ vai trò là những cổ đông bảo trợ, những người nắm giữ chứng khoán ghi danh, những đại lý của nhà nước. Năm 1998, khi Ngân hàng Trung ương thực thi việc giám sát chặt chẽ các hoạt động của các tổ chức tín dụng thì nhiều công ty tín thác đầu tư đã phải đóng cửa nhưng phần lớn các công ty tín

thác đầu tư ở các tỉnh, khu tự trị vẫn tồn tại. Hiện nay, các công ty tín thác đầu tư đang tìm kiếm những cổ đông mới, tuy nhiên những nỗ lực của nó đã bị cản trở do sự mập mờ trong hoạt động kinh doanh mà các tổ chức này được phép thực hiện và những rắc rối do những khoản nợ đọng của các ngân hàng quốc doanh. [60]

1.2.2. Kinh nghiệm hoạt động của các công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở một số nước

- Hoạt động của công ty tài chính làm đa dạng các hoạt động của tổ chức tín dụng

Công ty tài chính ra đời là một tất yếu khách quan trong hệ thống các tổ chức tín dụng. Công ty tài chính là loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng, thực hiện một số hoạt động ngân hàng nhưng không nhận tiền gửi không kỳ hạn, không nhận tiền gửi ngắn hạn và không cung cấp dịch vụ thanh toán. Tuy mới hình thành trong mấy thập kỷ qua nhưng các công ty tài chính trên thế giới đã phát triển khá nhanh, đa dạng về loại hình và đa dạng về các hoạt động dịch vụ tài chính. Sự hình thành, phát triển của các công ty tài chính gắn bó mật thiết và có quan hệ chặt chẽ với hệ thống các tổ chức tín dụng. Nó xuất phát từ nhu cầu của các tổ chức kinh tế, các tầng lớp dân cư và các tổ chức tín dụng trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, hoạt động của công ty tài chính cũng làm đa dạng các hoạt động của tổ chức tín dụng, giúp cho khách hàng có nhiều cơ hội để lựa chọn các sản phẩm dịch vụ mới.

- Chính phủ nhiều nước thường can thiệp vào việc thiết lập các trung gian tài chính, trong đó có công ty tài chính

Sự tồn tại và phát triển của các loại hình công ty tài chính đòi hỏi Nhà nước có chính sách để quản lý, giám sát và định hướng hoạt động phù hợp với đặc thù của nền kinh tế. Ở các nước khác nhau, có môi trường kinh tế - xã hội khác nhau nên có những hình thức tổ chức hoạt động của các tổ chức tín dụng không giống nhau, thậm chí rất khác nhau. Thực tế, cũng như các ngân hàng

thương mại, các công ty tài chính tại các nước đều có những đặc trưng giống nhau. Chính phủ nhiều nước thường can thiệp vào việc thiết lập các trung gian tài chính, trong đó có công ty tài chính, nhằm quy định giới hạn, nội dung và phạm vi hoạt động của mỗi loại hình trung gian tài chính để phát huy có hiệu quả thế mạnh của mỗi loại hình trong hệ thống tài chính quốc gia.

- Đối với một tập đoàn kinh tế, cần thiết phải có công ty tài chính

Coi trọng vai trò của công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế sẽ phát huy được vai trò chủ đạo của các tập đoàn kinh tế đối với nền kinh tế. Công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế là sản phẩm tất yếu của nền kinh tế thị trường và đánh dấu bước phát triển cao hơn của tập đoàn kinh tế, góp phần làm đa dạng hoá các dịch vụ tài chính và các loại hình tổ chức tín dụng. Sự ra đời của các công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế làm tăng thêm các nguồn vốn huy động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong tập đoàn và phát huy triệt để sức mạnh của tập đoàn trên thị trường tài chính trong và ngoài nước. Thực tế cho thấy hầu hết các công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế ở nhiều nước hoạt động có hiệu quả, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của tập đoàn kinh tế.

- Sở hữu vốn của công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế là sở hữu hỗn hợp nhiều chủ nhưng do tập đoàn góp vốn giữ vai trò, chi phối về tài chính

Các công ty tài chính chiếm một vị trí quan trọng thiết yếu trong tập đoàn kinh tế, cung cấp nhiều loại hình dịch vụ tài chính và hoạt động xuyên quốc gia theo thị trường hoạt động của tập đoàn. Công ty tài chính là mắt xích thiết yếu trong dây chuyền vốn - tín dụng nhằm huy động vốn phục vụ đầu tư phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của tập đoàn. Nguồn vốn kinh doanh chủ yếu của công ty tài chính là nguồn vốn được cấp hoặc đi vay từ tập đoàn và các công ty thành viên của tập đoàn.

- Các công ty tài chính là các trung gian tài chính - cầu nối giữa tập đoàn với thị trường tài chính, đặc biệt là trong việc huy động vốn thông

qua việc phát hành trái phiếu, phát hành cổ phiếu trên thị trường tài chính

Thực tế, công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế có nhiều lợi thế nhờ hiểu rõ các đặc điểm hoạt động của tập đoàn, các mối quan hệ trong nội bộ tập đoàn nên có khả năng tiếp cận nhiều nguồn thông tin để nắm bắt đầy đủ hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên của tập đoàn kinh tế, từ đó rút ngắn thời gian và giảm chi phí thẩm định so với các tổ chức tín dụng khác ngoài tập đoàn kinh tế. Các công ty tài chính là các trung gian tài chính như cầu nối giữa tập đoàn với thị trường tài chính, đặc biệt là trong việc huy động nguồn vốn thông qua việc phát hành trái phiếu, phát hành cổ phiếu trên thị trường tài chính. Đồng thời với tư cách là một chủ thể tham gia thị trường tài chính và là người tạo ra các công cụ chủ yếu của thị trường tài chính (kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu...), công ty tài chính có vai trò quan trọng trong việc ổn định, phát triển thị trường tài chính. Thực tiễn hoạt động của các công ty tài chính trong các tập đoàn kinh tế cho thấy, các công ty tài chính đã phát huy được vai trò quan trọng của mình trong việc tạo thêm một kênh tài trợ mới hữu hiệu cho các tổ chức và cá nhân, góp phần làm đa dạng thêm các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng trong nền kinh tế thị trường.

- Các tập đoàn kinh tế có công ty tài chính hoạt động thuận lợi và hiệu quả hơn các tập đoàn kinh tế không có công ty tài chính.

Công ty tài chính đóng vai trò quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của Tập đoàn kinh tế trong môi trường cạnh tranh quốc tế gay gắt như hiện nay. Công ty tài chính có quan hệ mật thiết với quá trình cơ cấu hệ thống tổ chức quản lý, thúc đẩy các giao dịch tài chính nội bộ của tập đoàn với chi phí giao dịch thấp và an toàn cao. Các giao dịch như vậy không chỉ có ý nghĩa về mặt hiệu quả mà còn có tác dụng tăng cường mối quan hệ liên kết giữa các đơn vị thành viên của tập đoàn kinh tế, hình thành một hệ thống mạng lưới liên kết chặt chẽ, hoạt động nhịp nhàng. Công ty tài chính trong tập đoàn kinh

tế thực hiện nhiệm vụ trung gian tài chính để thực hiện cơ chế điều tiết các nguồn lực tài chính nội bộ, tạo điều kiện khai thác các nguồn lực tài chính của tập đoàn với hiệu quả cao nhất. Công ty tài chính trong các tập đoàn kinh tế có lợi thế cạnh tranh so với các ngân hàng thương mại trong hoạt động tín dụng ở ngành, lĩnh vực thuộc tập đoàn do nắm bắt được thông tin, cũng như am hiểu về chuyên môn. Bên cạnh đó, công ty tài chính trong tập đoàn đóng vai trò trụ cột để huy động vốn, cung cấp vốn đầu tư cho các đơn vị thành viên theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của tập đoàn. Như vậy, các tập đoàn kinh tế có công ty tài chính tạo được hệ thống liên kết tài chính của toàn tập đoàn, chính cơ chế quản lý tài chính này tạo cơ sở vững chắc cho sự liên kết chặt chẽ, tăng cường sức mạnh trong cạnh tranh, thúc đẩy hỗ trợ các đơn vị thành viên, tạo sức mạnh cho cả tập đoàn nhằm đạt mục tiêu hiệu quả kinh tế cao.

Tập đoàn kinh tế không có công ty tài chính gặp nhiều khó khăn trong việc quản lý thống nhất các nguồn lực tài chính của tập đoàn. Tại tập đoàn không có định chế tài chính thực hiện vai trò đầu mối của tập đoàn để thực hiện chức năng quản trị tài chính, huy động nguồn vốn... dẫn đến các đơn vị thành viên của tập đoàn phải tự thực hiện công tác tài chính. Tập đoàn không công cụ quản trị tài chính nên hoạt động không chuyên môn hoá, bên cạnh đó tập đoàn thực hiện công tác huy động vốn qua hệ thống các ngân hàng thương mại với chi phí vốn cao làm cho hiệu quả hoạt động của tập đoàn không lớn.

Kết luận chương 1

Nội dung chương 1, luận án đã làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản và kinh nghiệm hoạt động của công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế trong nền kinh tế thị trường. Trên cơ sở xem xét những vấn đề về thị trường tài chính, về tầm quan trọng của thị trường tài chính và sự khác biệt giữa các công ty tài chính với ngân hàng thương mại và các loại hình trung gian tài chính khác, luận án đã làm rõ vai trò của các công ty tài chính trong nền kinh tế thị trường và cơ sở phân loại các công ty tài chính trong thực tiễn hoạt động. Từ đó, luận án cũng chỉ ra sự cần thiết của các công ty tài chính trong các tập đoàn kinh tế ở các nước trên thế giới và nội dung hoạt động của công ty tài chính: hoạt động huy động vốn; hoạt động sử dụng vốn; hoạt động đầu tư; hoạt động tài chính tiền tệ và một số hoạt động khác như: các hoạt động dịch vụ chứng khoán, kinh doanh ngoại hối... Đồng thời, luận án cũng chỉ ra những nhân tố tác động đến hoạt động của các công ty tài chính như: các chính sách, quy định của Nhà nước, chiến lược phát triển và cơ chế hoạt động của tập đoàn kinh tế, các rủi ro trong hoạt động của công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế để làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động của công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế trong nền kinh tế thị trường, luận án đã nghiên cứu tình hình hoạt động của các công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế ở Mỹ, Pháp, CHLB Đức, Hàn Quốc, Ma-lai-xia... và rút ra sáu bài học kinh nghiệm có ý nghĩa thực tiễn đối với sự phát triển của các công ty tài chính thuộc các tập đoàn kinh tế và các công ty tài chính nói chung ở nước ta hiện nay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

2.1. BỐI CẢNH RA ĐỜI CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Đất nước bước vào công cuộc đổi mới, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cùng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo ra những biến đổi sâu sắc đối với kinh tế - xã hội. Nhiều vấn đề mới đã nảy sinh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thị trường tài chính đang trong quá trình hình thành và bước đầu có sự phát triển nhất định

Hệ thống tài chính và thị trường tài chính cũng từng bước được cải cách theo nguyên tắc thị trường, đảm bảo phân bổ hiệu quả và an toàn các nguồn lực tài chính. Khởi đầu của công cuộc cải cách hệ thống tài chính Việt Nam được đánh dấu bằng sự ra đời của Pháp lệnh Ngân hàng vào tháng 5/1990, theo đó hệ thống ngân hàng một cấp được chuyển thành mô hình hệ thống ngân hàng hai cấp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (viết tắt là NHNNVN) thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tiền tệ và thực thi chính sách tiền tệ, hệ thống ngân hàng thương mại (viết tắt là NHTM) thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ. Từ đó đến nay, hệ thống tài chính Việt Nam, đặc biệt là NHNNVN và các NHTM tiếp tục được cải cách, từng bước hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Thị trường tiền tệ, theo Luật Ngân hàng Nhà nước là thị trường vốn ngắn hạn, là nơi mua và bán các giấy tờ có giá ngắn hạn (dưới một năm). Thị trường tiền tệ bao gồm thị trường nội tệ liên ngân hàng (được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1993), thị trường ngoại tệ liên ngân hàng (chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 1994), thị trường đấu thầu tín phiếu kho bạc (bắt đầu vận hành từ năm 1995) và nghiệp vụ thị trường mở (chính thức vận hành từ tháng 10 năm 2000). Chức năng của thị trường tiền tệ là hỗ trợ vốn ngắn hạn cho doanh nghiệp, tài trợ ngắn hạn cho ngân sách Nhà nước, đảm bảo vốn khả dụng cho các tổ chức tín dụng và là nơi để NHNNVN thực thi các công cụ chính sách tiền tệ. Thị trường trái phiếu là thị trường công cụ nợ dài hạn, bắt đầu hoạt động năm 1995 và là nơi giao dịch các loại trái phiếu (trái phiếu chính phủ, trái phiếu công trình và trái phiếu công ty). Thị trường chứng khoán chính thức đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2000. Ủy ban chứng khoán Nhà nước (viết tắt là UBCKNN) thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động chứng khoán. Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội là tổ chức trực thuộc UBCKNN, là nơi niêm yết và thực hiện các giao dịch tập trung của thị trường chứng khoán.

Bên cạnh thị trường chính thức, ở Việt Nam còn tồn tại thị trường chứng khoán phi chính thức, là nơi diễn ra giao dịch các chứng khoán chưa niêm yết như cổ phiếu của các công ty vừa và nhỏ, cổ phiếu của các công ty chuẩn bị niêm yết... Thị trường này ra đời và hoạt động trước khi thị trường chứng khoán chính thức hoạt động.

Thị trường tín dụng trung dài hạn được hình thành sớm nhất trong các thị trường cấu thành của thị trường tài chính. Hiện nay, các doanh nghiệp Việt Nam có thể nhận tín dụng chính thức từ các nguồn sau:

(i) Các khoản tín dụng từ các tổ chức tín dụng ngân hàng, gồm các NHTM Nhà nước, NHTM cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh các ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và các quỹ tín dụng nhân dân;

(ii) Các khoản vay thương mại từ các công ty cho thuê tài chính và một phần hoạt động cho vay trực tiếp từ quỹ đầu tư của các công ty bảo hiểm;

(iii) Các khoản vay ưu đãi từ Quỹ hỗ trợ quốc gia... Ngoài ra, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện huy động vốn từ nước ngoài thông qua các ngân hàng nước ngoài hoặc từ công ty mẹ ở nước ngoài. Bên cạnh đó, thị trường tín dụng phi chính thức tồn tại đã nhiều năm bên cạnh thị trường tín dụng chính thức, có địa bàn hoạt động cả ở khu vực thành thị và khu vực nông thôn. Tuy quy mô không lớn nhưng phạm vi hoạt động và ảnh hưởng của thị trường này tương đối rộng.

Thực tế cho thấy, thị trường tài chính đến năm 2007 phát triển khá đa dạng, hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam bao gồm 7 tổ chức tín dụng Nhà nước, 31 ngân hàng thương mại cổ phần đô thị, 4 ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn, 37 chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 6 ngân hàng liên doanh, 12 công ty cho thuê tài chính, 46 văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài, 30 công ty bảo hiểm, 8 công ty môi giới bảo hiểm, 55 quỹ đầu tư và các công ty tài chính [60].

Hiện nay, tại Việt Nam có 12 công ty tài chính được thành lập và được NHNNVN cấp giấy phép hoạt động. Về hình thức sở hữu, có 2 công ty tài chính cổ phần có cổ phần chi phối của các doanh nghiệp Nhà nước, 7 công ty tài chính nằm trong các tập đoàn kinh tế được cấp vốn ngân sách thuộc sở hữu Nhà nước, 3 công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên 100% vốn nước ngoài. Có 8 công ty tài chính có trụ sở chính tại Hà Nội, 4 công ty tài chính có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh. Các công ty tài chính đều có

hội đồng quản trị (hoặc hội đồng thành viên) và ban kiểm soát, các công ty tài chính thuộc các tập đoàn kinh tế chịu sự quản trị và kiểm soát chung của hội đồng quản trị và ban kiểm soát của tập đoàn. Khởi đầu hoạt động của các công ty tài chính gặp rất nhiều khó khăn, trong đó khó khăn lớn nhất là chưa có đủ văn bản pháp lý quy định chi tiết, đầy đủ về mô hình tổ chức và hoạt động của loại hình công ty tài chính, đặc biệt công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế. Sau khi nghị định 79/2002/NĐ-CP do Thủ tướng Chính phủ ký ngày 04/10/2002 về mô hình tổ chức và hoạt động của công ty tài chính ra đời, các công ty tài chính từng bước triển khai hầu hết các nghiệp vụ theo chức năng được phép hoạt động. Tuy nhiên, hoạt động của các công ty tài chính mới chỉ được thực hiện một phần trong tập đoàn hoặc đơn vị chủ quản, quy mô và phạm vi hoạt động còn nhiều hạn chế, vai trò và chức năng nhiệm vụ của các công ty tài chính chưa được thực hiện đầy đủ.

Ở Việt Nam còn có nhiều định chế tài chính khác có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến thị trường tài chính như Quỹ hỗ trợ phát triển quốc gia, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam, công ty bảo hiểm...

- Xu hướng mở rộng hoạt động của các tổng công ty Nhà nước theo hướng tập đoàn kinh tế

Thực hiện quyết định số 91/Ttg ngày 07/03/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập các tổng công ty Nhà nước hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh tế, đã có 17 tổng công ty Nhà nước được thành lập nhằm tăng cường tích tụ và tập trung vốn, nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả. Hiện nay Việt Nam đã thành lập 8 tập đoàn kinh tế thuộc các lĩnh vực kinh tế quan trọng của quốc gia, bao gồm Tập đoàn Bưu chính Viễn thông, Tập đoàn Điện lực, Tập đoàn Dệt May, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy, Tập đoàn Cao su và Tập đoàn Bảo việt. Các tập đoàn kinh tế được thành lập

dựa trên cơ sở tổ chức lại các tổng công ty Nhà nước, các tập đoàn kinh tế hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, hoạt động đa ngành.

Tập đoàn kinh tế là một tổ hợp các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động trong một hay nhiều ngành khác nhau, có quan hệ về vốn, tài chính, công nghệ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu và các liên kết khác xuất phát từ lợi ích của các bên tham gia. Trong mô hình này, "công ty mẹ" nắm quyền lãnh đạo, chi phối hoạt động của "công ty con" về tài chính và chiến lược phát triển. Mô hình tập đoàn kinh tế là một hình thái tổ chức giữa các doanh nghiệp. Còn nhiều quan niệm khác nhau về tập đoàn kinh tế, song một điểm chung nhất của các tập đoàn kinh tế là tổ chức kinh tế có kết cấu tổ chức nhiều cấp, liên kết bằng quan hệ tài sản và quan hệ hợp tác nhằm đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa, các doanh nghiệp trong tập đoàn đều có pháp nhân độc lập.

Việt Nam đang đứng trước những vận hội và thách thức vô cùng to lớn của quá trình hội nhập kinh tế thế giới, áp lực cạnh tranh kinh tế là rất lớn, trong khi các doanh nghiệp Việt Nam nhỏ bé, năng lực tài chính và quản trị doanh nghiệp còn yếu, các doanh nghiệp còn thiếu kinh nghiệm và kiến thức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, nên Nhà nước phải chủ động tác động để hình thành các tập đoàn kinh tế là cần thiết. Xét về tính chất ngành nghề, hiệu quả kinh tế, quy mô, chức năng nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động, các mối liên kết và tổ chức nội tại, các quan hệ sở hữu thì bản thân các Tổng công ty Than và khoáng sản, Tổng công ty Bưu chính Viễn thông, Tổng công ty Điện lực, Tổng công ty Dầu khí, Tổng công ty Dệt may, Tổng công ty Cao su, Tổng công ty Bảo việt đã đủ điều kiện cần để trở thành tập đoàn kinh tế mạnh của đất nước. Điều cốt lõi là bản thân các doanh nghiệp này phải tự cơ cấu lại cả về tổ chức, mạng lưới, cơ chế quản lý kinh doanh, tài chính... trên cơ sở đó để chuyển đổi hoạt động phù hợp theo mô hình tập đoàn kinh tế.

Theo đề án Thủ tướng đã phê duyệt, tính đến cuối năm 2006, Việt Nam còn hơn 90 tổng công ty, trong đó từ 7 đến 10 tổng công ty cổ phần, số còn lại chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Về liên kết và tổ chức tập đoàn kinh tế chủ yếu thông qua mối liên kết công ty mẹ - công ty con. Nếu như tổng công ty chuyển sang mô hình công ty mẹ - công ty con hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, mở rộng quy mô hoạt động, thành lập thêm các công ty con, công ty cháu, công ty liên kết nhằm tự nâng tầm do yêu cầu phát triển nội tại, hoặc do một quá trình tổ chức lại tiếp theo bằng hành chính hoặc kinh tế hoặc cả hai hình thức đó, thì loại tổng công ty này đương nhiên sẽ trở thành tập đoàn kinh tế. Những tổng công ty khác do tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả, dẫn đến phân rã hoặc phá sản, hoặc bị các tổng công ty khác "thôn tính". Điều quan trọng nhất để thúc đẩy quá trình hình thành tập đoàn kinh tế là Chính phủ đang tập trung chỉ đạo củng cố, cơ cấu lại các tổng công ty đủ mạnh để trên cơ sở đó tạo môi trường pháp lý giúp các tổng công ty trở thành các tập đoàn kinh tế. Xây dựng chiến lược về cơ cấu ngành và lĩnh vực sản phẩm, theo đó để xác định lại những lĩnh vực kinh tế Nhà nước cần kiểm soát là điều kiện tiên quyết để đưa ra chính sách. Chính phủ tác động trực tiếp để hình thành các tập đoàn kinh tế Nhà nước đa sở hữu ở các lĩnh vực kinh tế Nhà nước cần kiểm soát. Mặt khác, khuyến khích các tổng công ty mở rộng quy mô, lĩnh vực kinh doanh trên nguyên tắc hiệu quả và sức cạnh tranh, tự lớn mạnh thành các tập đoàn kinh tế, chứ không hạn chế ở các tổng công ty do Chính phủ lựa chọn.

Để đáp ứng yêu cầu nêu trên, Chính phủ xem xét lựa chọn các tổng công ty Nhà nước là hạt nhân, vừa để cơ cấu, tổ chức lại tổng công ty, vừa tạo điều kiện để tổng công ty đó thu hút thêm các tổng công ty, công ty thành viên khác trên cơ sở gắn kết công nghệ, kinh tế, tạo nền tảng cho sự phát triển. Trong trường hợp này, cần chống xu hướng sáp nhập tràn lan sẽ gây hậu

quá khó lường. Thực tế ở nước ta, Chính phủ đã có chủ trương cho các DNNN lớn mua cổ phần tại các DNNN khác và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, nhằm tạo điều kiện để các doanh nghiệp phát triển bền vững.

Mặt khác, để tập đoàn kinh tế hoạt động hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh, cần phải có cơ chế vận hành phù hợp, vừa tạo mối liên kết, phân công, vừa tạo cơ chế độc lập tự chủ cho các công ty con, phù hợp với nền kinh tế thị trường trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới. Cách đây gần 10 năm, Chính phủ cho ra đời các tổng công ty Nhà nước chủ yếu bằng cách gom các doanh nghiệp hoạt động độc lập lại với hy vọng tạo sức mạnh trong kinh tế, chủ động trong cạnh tranh. Bên cạnh những mặt được, cũng bộc lộ rõ những yếu kém của các tổng công ty. Tám tập đoàn kinh tế cùng với 96 tổng công ty, công ty lớn của Nhà nước sở hữu gần 400.000 tỷ VNĐ, chiếm hầu hết vốn của Nhà nước có tại các doanh nghiệp Nhà nước. Các tập đoàn và tổng công ty đang nắm giữ 75% tài sản cố định của quốc gia, khoảng 60% tổng tín dụng của các ngân hàng thương mại trong nước và tổng vốn vay nước ngoài nhưng chỉ tạo ra khoảng 40% tổng sản phẩm trong nước, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của các đơn vị này thấp hơn các doanh nghiệp ngoài Nhà nước. Tính đến cuối năm 2007, tổng số vốn chủ sở hữu của các tập đoàn và tổng công ty đã tăng 18%, tổng tài sản tăng 26%. Thực tế cho thấy, quá trình hình thành tập đoàn kinh tế phải dựa trên cơ sở củng cố, cơ cấu lại tổ chức, chức năng nhiệm vụ, tài chính, quản trị kinh doanh và quản trị nhân sự của tổng công ty, sau đó chọn “hạt nhân” để hình thành tập đoàn kinh tế, kiên quyết chống “hội chứng” tập đoàn kinh tế.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và những vấn đề đặt ra trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vào giữa những năm 1990 nhờ thành tựu tăng trưởng kinh tế (GDP bình quân giai đoạn 1991-1995 là 8,2%), đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế kéo dài và tạo tiền đề cho đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là thời điểm đất nước từng bước hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế. Quan hệ kinh tế quốc tế đã được khai thông, đặc biệt từ năm 2000 đến năm 2007 đầu tư trực tiếp và gián tiếp của nước ngoài vào Việt Nam có xu hướng tăng lên. Tháng 11 năm 2006 Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (viết tắt là WTO), nhiều cơ hội và thách thức mới đặt ra trước làn sóng tự do hóa thương mại, tự do hóa đầu tư. Việt Nam phải cam kết thực hiện các nội dung mở rộng của nền kinh tế theo lộ trình hội nhập.

2.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

2.2.1. Khái quát sự hình thành của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

2.2.1.1. Về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (viết tắt là PVN) được thành lập theo quyết định số 330/TTg ngày 29/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ, điều lệ tổ chức và hoạt động được phê chuẩn tại Nghị định số 38/CP ngày 30/5/1995. PVN hoạt động theo nội dung Nghị định 91/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng và phát triển tập đoàn kinh tế mạnh ở Việt Nam. Từ tháng 8 năm 2006, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh tế hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con với tên gọi mới là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Chiến lược phát triển ngành dầu khí Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025 xác định công nghiệp dầu khí Việt Nam cần được tổ chức thành tập đoàn kinh tế mạnh hoàn chỉnh, đồng bộ từ khâu đầu đến khâu cuối và thực sự trở thành một tổ

hợp lớn bao gồm thăm dò, khai thác, vận chuyển, tàng trữ, phân phối, xuất nhập khẩu, chế biến, tiêu thụ sản phẩm [40, Tr 17-19].

PVN có tên giao dịch quốc tế là Vietnam Oil and Gas Group (tên giao dịch quốc tế viết tắt là PetroVietnam), trụ sở chính tại 18 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Mô hình tổ chức của PVN gồm 22 ban chức năng, 25 công ty thành viên và 22 công ty liên doanh. PVN có hơn 25.000 CBCNV, trong đó có 67,1% là cán bộ khoa học công nghệ và công nhân kỹ thuật, với 1,9% có trình độ trên đại học; 33,1% đại học; 29,9% là trung cấp và công nhân kỹ thuật [39, Tr 1-3].

Tiền thân là Tổng cục Dầu khí Việt Nam được thành lập ngày 03 tháng 9 năm 1975, ngày nay PVN có các chức năng nghiên cứu, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ, vận chuyển và cung cấp dịch vụ về dầu khí; kinh doanh, phân phối các sản phẩm dầu khí và các sản phẩm hoá dầu; xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị dầu khí, các sản phẩm dầu khí và các sản phẩm hoá dầu; tư vấn đầu tư, khảo sát, thiết kế, kinh doanh xây dựng và sửa chữa các công trình, phương tiện nổi phục vụ dầu, khí, dân dụng; bảo hiểm và tái bảo hiểm dầu khí; kinh doanh khách sạn, du lịch, đào tạo và cung ứng nhân lực cho ngành công nghiệp dầu khí; tiến hành các hoạt động kinh doanh đa dạng cũng như thực hiện các nhiệm vụ khác do Nhà nước giao phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Từ khi thành lập đến nay, PVN đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, được Đảng, Chính phủ ghi nhận và đánh giá cao. Thời kỳ các năm 1986-1990, vốn đầu tư được cấp từ ngân sách, mức tăng bình quân hàng năm đạt 5-6%, thời kỳ các năm 1991-1995 mức tăng bình quân hàng năm đạt 15%, thời kỳ các năm 1996-2000 mức tăng bình quân 25-30%, trong đó một số năm tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư đạt 35-40%, đặc biệt những năm 2001 đến nay tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư đạt trên 40%. Trong giai đoạn các năm 2001-

2005, sản lượng khai thác dầu thô đạt 90,97 triệu tấn dầu, khai thác khí đạt 20,08 tỷ m³; doanh thu toàn ngành đạt 449.113 tỷ VNĐ. Đặc biệt PVN đã đạt mốc khai thác 100 triệu tấn dầu vào ngày 13/02/2001. Năm 2007 khai thác được 22,77 triệu tấn dầu quy đổi, trong đó khai thác dầu thô được 15,91 triệu tấn, khai thác khí 6,86 tỷ m³.

Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2007 của PVN: Doanh thu toàn tập đoàn đạt 213.400 tỷ VNĐ bằng 127% kế hoạch năm (trong đó ngoại tệ là 8,8 tỷ USD, nội tệ là 72.600 tỷ VNĐ) tăng 18,4% so với thực hiện năm 2006, chiếm gần 19% GDP của cả nước, trong đó doanh số dịch vụ đạt 49.900 tỷ VNĐ gấp đôi so với thực hiện năm 2006, nộp ngân sách Nhà nước đạt 85.950 tỷ VNĐ bằng 144% kế hoạch và tăng 7,4% so với năm 2006, chiếm 29,8% tổng thu ngân sách. Các hoạt động khai thác dầu khí, hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí, hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp khí, lĩnh vực chế biến lọc hoá dầu và hoạt động dịch vụ dầu khí đều đạt kế hoạch đề ra.

Kế hoạch năm 2008 dự kiến gia tăng trữ lượng 35 triệu tấn dầu quy đổi, trong đó nước ngoài 5 triệu tấn; khai thác 23,5 triệu tấn dầu quy đổi, trong đó dầu thô 16 triệu tấn và khí 7,5 tỷ m³.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, trong hoạt động đầu tư và cơ cấu đầu tư của PVN vẫn còn một số hạn chế. Mặc dù quy mô vốn đầu tư phát triển tăng nhưng nguồn vốn đầu tư vẫn chưa đảm bảo tính hợp lý tuy đã điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế có tính đặc thù, tăng khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu hội nhập với khu vực và quốc tế. Đối với nguồn vốn thuộc ngân sách (lãi dầu sau thuế được phép để lại), đây là nguồn vốn chiếm từ 25 đến 30% trong tổng quy mô vốn đầu tư, nguồn vốn này lại có những hạn chế làm ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả hoạt động đầu tư của PVN. Việc lập kế hoạch và tổng hợp xây dựng cơ cấu đầu tư vẫn còn mang tính chủ quan. Các kế hoạch đầu tư chưa đảm bảo linh

hoạt, chậm đổi mới, đặc biệt trong quá trình triển khai thực hiện lại có nhiều nguồn lực lãng phí, công tác quản lý chưa chặt chẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác đầu tư. Vì vậy việc đổi mới cơ cấu đầu tư trong giai đoạn tới là một yêu cầu cấp bách của PVN nhằm hiện đại hoá ngành, thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế ngành và các đơn vị thành viên, đáp ứng yêu cầu xây dựng một tập đoàn kinh tế mạnh, thực hiện thành công chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành dầu khí Việt Nam.

2.2.1.2. Về Công ty tài chính Dầu khí

Công ty tài chính Dầu khí (viết tắt là PVFC) là đơn vị thành viên của PVN, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp Nhà nước, chịu điều chỉnh của Nghị định số 79/2002/NĐ-CP. Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVFC ban hành kèm theo quyết định số 4098/QĐ-HĐQT ngày 12/10/2000 của Hội đồng quản trị PVN; điều lệ sửa đổi tổ chức và hoạt động của PVFC ban hành kèm theo quyết định số 2839/QĐ-HĐQT ngày 19/11/2003 của Hội đồng quản trị PVN.

PVFC được thành lập theo quyết định số 04/2000/QĐ-VPCP do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ký ngày 30/3/2000; được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép hoạt động. Nhiệm vụ chính của PVFC là thực hiện thu xếp vốn và huy động vốn để cho vay các dự án, cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn đối với PVN và các đơn vị thành viên của PVN. Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn đối với các khách hàng khác là tổ chức, đơn vị kinh doanh, cá nhân ngoài PVN được tuân thủ theo các quy định của pháp luật. PVFC thực hiện hoạt động đầu tư tài chính, cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính và hoạt động kinh doanh với tư cách là một tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

PVFC có 9 chi nhánh và 15 phòng giao dịch tại các trung tâm kinh tế, trung tâm dầu khí trên toàn quốc. Năm 2007 PVFC đã cho ra đời 4 Công ty

thành viên gồm: PVFC Invest, PVFC Land, PVFC Media, PVFC Capital. Đây không chỉ là cơ sở để chuyển đổi PVFC hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con mà còn góp phần đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh chính của PVFC. Đồng thời PVFC khai trương thêm 5 chi nhánh mới trong toàn quốc tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Nam Định, Cần Thơ để mở rộng quy mô và hoạt động tại các địa bàn trọng điểm, hướng tới việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng, trọn gói, chất lượng cao đến đông đảo đối tượng khách hàng. Tổng số CBNV PVFC đến ngày 31/12/2007 là 1.035 người, trong đó trình độ trên đại học chiếm 5,6%; đại học chiếm 80,68%; cao đẳng, trung cấp chiếm 7,44% và lao động phổ thông chiếm 6,28%.

* PVFC có các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Đáp ứng nhu cầu tín dụng của PVN và các đơn vị thành viên của PVN; Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của PVN, các đơn vị thành viên của PVN, CBCNV PVN và các tổ chức, cá nhân khác theo quy định; Đàm phán ký kết các hợp đồng vay vốn trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư của PVN, các đơn vị thành viên của PVN theo sự uỷ quyền; Phát hành tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, làm đại lý phát hành trái phiếu cho PVN và các đơn vị thành viên của PVN; Nhận ủy thác vốn đầu tư trong và ngoài nước bao gồm cả vốn đầu tư của PVN và các đơn vị thành viên của PVN; Thực hiện các nghiệp vụ khác khi được Hội đồng quản trị PVN cho phép và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.

- PVFC là một pháp nhân có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại, được cấp vốn điều lệ, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh và những cam kết của mình. Vốn điều lệ của PVFC tại thời điểm thành lập là 100 tỷ VNĐ (một trăm tỷ VNĐ), thời hạn hoạt động 50 năm.

- PVFC chịu sự quản lý của PVN về chiến lược phát triển, về tổ chức và nhân sự, chịu sự quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về nội dung và phạm vi hoạt động. Điều hành hoạt động của PVFC là Tổng Giám đốc, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo tiêu chuẩn của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. PVFC chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả hoạt động kinh doanh. PVFC chịu sự quản lý, thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

* Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban của PVFC:

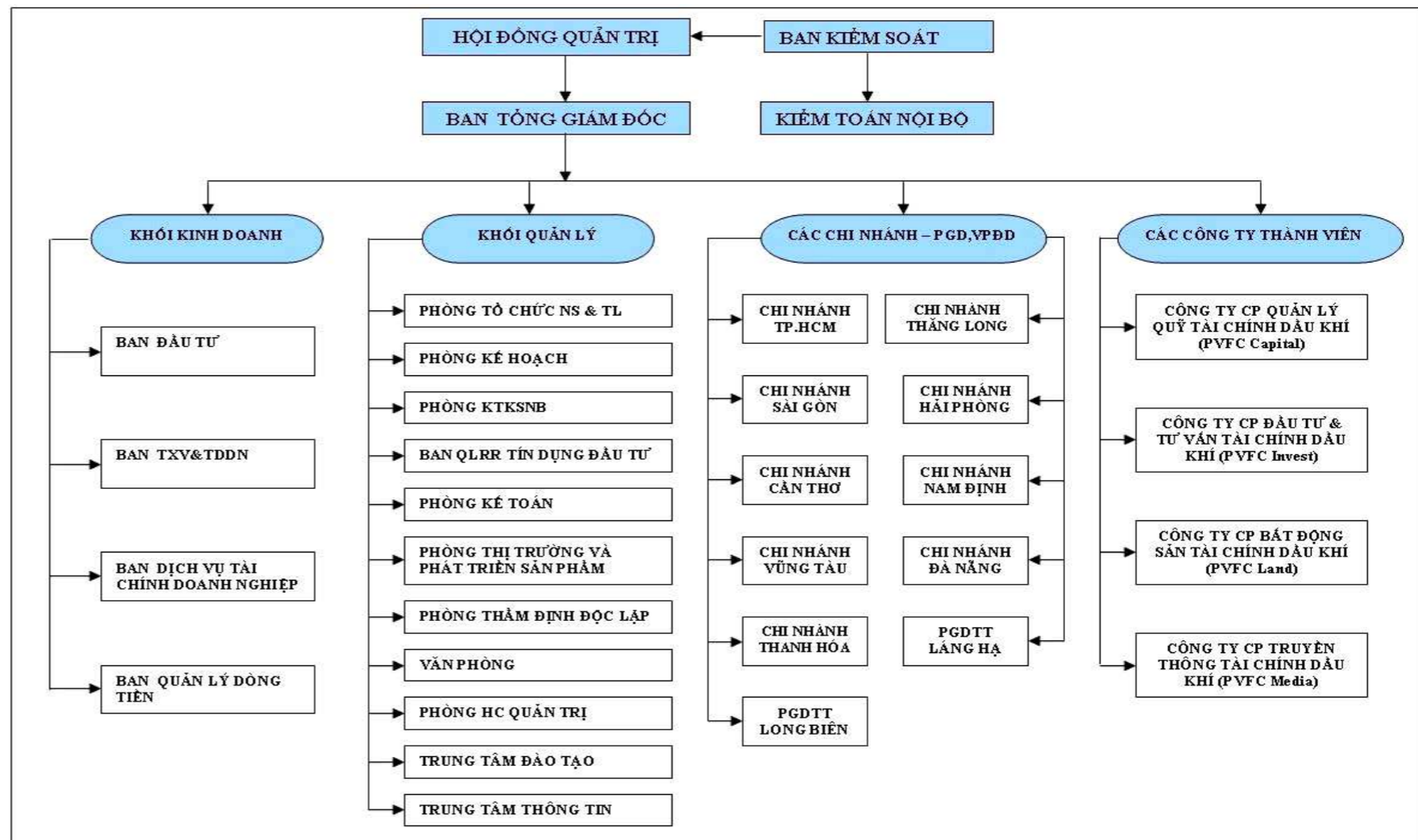
Các phòng ban PVFC chia làm hai khối, khối các đơn vị quản lý và khối các đơn vị kinh doanh. Mô hình tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc 9 chi nhánh PVFC được bố trí thống nhất theo mô hình tại hội sở chính.

- Khối quản lý bao gồm các đơn vị:

+ *Văn phòng* có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc công ty trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động của công ty bao gồm công tác thư ký, trợ lý Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, công tác pháp chế, công tác đối ngoại, công tác văn thư lưu trữ của công ty .

+ *Phòng Hành chính quản trị* có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động của công ty bao gồm công tác quản trị văn phòng, lễ tân, y tế, công tác đầu tư mua sắm trang thiết bị, tài sản, công tác điều xe, an ninh, bảo vệ, căng tin.

+ *Phòng Kế toán* có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác hạch toán kế toán, quản lý tài sản, tiền, vốn, kiểm tra kết quả thực hiện kế hoạch tài chính của công ty.



Hình 2.1: Sơ đồ mô hình tổ chức PVFC

Nguồn PVFC

+ *Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ* có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động quản lý, kinh doanh của công ty đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật, quy định của PVFC.

+ *Phòng Tổ chức nhân sự và lao động tiền lương* có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác tổ chức, phát triển mạng lưới, công tác nhân sự, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực, tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động, công tác an toàn vệ sinh lao động, công tác bảo hiểm lao động của công ty.

+ *Phòng Thị trường* có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị thương hiệu, nghiên cứu, phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng của công ty.

+ *Phòng Kế hoạch* có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác kế hoạch, mua sắm trang thiết bị, tài sản, công tác xây dựng cơ bản của toàn công ty.

+ *Phòng Thẩm định độc lập* có chức năng thẩm định độc lập các hồ sơ, phương án kinh doanh, định giá các loại tài sản liên quan nhằm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc ra các quyết định kiểm soát các rủi ro.

+ *Ban Quản lý rủi ro tín dụng và đầu tư* có chức năng nghiên cứu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý hệ thống về công tác tín dụng, đầu tư, các hoạt động kinh doanh khác của công ty đảm bảo kiểm soát được rủi ro đối với các hoạt động của công ty.

+ *Trung tâm Thông tin và công nghệ tin học* có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty trong công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ yêu cầu quản lý, phát triển hoạt động kinh doanh, đảm

bảo hệ thống công nghệ thông tin hoạt động chính xác, liên tục, thông suốt, an toàn.

+ *Trung tâm Đào tạo* có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban lãnh đạo trong việc xây dựng, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho CBNV của công ty.

- Khối kinh doanh bao gồm các đơn vị có chức năng nhiệm vụ sau:

+ *Ban Đầu tư* có chức năng thực hiện triển khai các hoạt động đầu tư của công ty. Ban Đầu tư thực hiện các nhiệm vụ: Nghiên cứu, tổng hợp, phân tích thông tin thường xuyên để tham mưu cho Ban Lãnh đạo công ty về định hướng đầu tư theo từng lĩnh vực, giai đoạn, thời kỳ trên cơ sở phát triển chung của ngành dầu khí và của nền kinh tế; Tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong và ngoài ngành dầu khí; Thực hiện đầu tư dự án, đầu tư cổ phần, đầu tư trái phiếu và đầu tư các loại chứng từ có giá khác; thực hiện quản lý sau đầu tư đối với các dự án, doanh nghiệp thành lập mới mà PVFC tham gia góp vốn đầu tư; Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước: Trực tiếp nhận uỷ thác đầu tư của tổ chức, cá nhân và triển khai các sản phẩm uỷ thác đầu tư; Thực hiện cơ cấu các sản phẩm đầu tư; Thực hiện nghiệp vụ mua, bán và sáp nhập doanh nghiệp; Thực hiện báo cáo thống kê định kỳ hoặc đột xuất các thông tin, số liệu liên quan đến công tác đầu tư của Ban; Quản lý danh mục đầu tư dự án, doanh nghiệp và đầu tư chứng từ có giá theo tỷ trọng, danh mục được duyệt; Thực hiện công tác quản lý hệ thống về đầu tư.

Ban đầu tư bao gồm 6 phòng: Phòng Khách hàng; Phòng Đầu tư dự án; Phòng Đầu tư chứng từ có giá; Phòng Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp; Phòng Quản lý và kinh doanh các sản phẩm đầu tư; Phòng tổng hợp, phân tích.

+ *Ban Dịch vụ Tài chính Doanh nghiệp* thực hiện triển khai các dịch vụ tư vấn về tài chính cho các tổ chức kinh tế trong nước và quốc tế. Ban Dịch vụ Tài chính doanh nghiệp có các nhiệm vụ: Cung cấp các dịch vụ tư vấn liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp; tổ chức; chuyển đổi; sáp nhập, mua bán doanh nghiệp; tư vấn đầu tư và các dịch vụ khác cung cấp cho các doanh nghiệp; các tổ chức trong và ngoài nước thuộc mọi lĩnh vực; Tổ chức, triển khai cung cấp các dịch vụ tài chính uỷ thác và các dịch vụ liên quan khác bao gồm: nhận uỷ thác quản lý vốn ngắn hạn, vốn đầu tư của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các đơn vị thành viên của PVN, các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác trong và ngoài nước; Tư vấn phát hành trái phiếu, cổ phiếu và giấy tờ có giá khác cho các doanh nghiệp, thực hiện phát hành trái phiếu, cổ phiếu của công ty và các doanh nghiệp trong và ngoài ngành; Chủ trì nghiên cứu thị trường và tiếp cận các nguồn vốn, các quỹ tiềm năng; Giới thiệu tới khách hàng các sản phẩm dịch vụ trọn gói của PVFC; Tư vấn phát triển các dự án giảm phát khí thải và kinh doanh giảm phát khí thải được chứng nhận; Thực hiện nhiệm vụ đại lý bảo hiểm; Thực hiện các dịch vụ tài chính khác; Thực hiện công tác quản lý hệ thống về các hoạt động dịch vụ tài chính.

Ban dịch vụ tài chính doanh nghiệp bao gồm 4 Phòng: Phòng Khách hàng; Phòng Dịch vụ tài chính trong nước; Phòng Dịch vụ tài chính quốc tế; Phòng phát triển dự án CDM (giảm phát khí thải).

+ *Ban Thu xếp vốn và tín dụng doanh nghiệp* thực hiện triển khai các dịch vụ thu xếp vốn, cấp tín dụng, cấp bảo lãnh cho các tổ chức, doanh nghiệp, dự án trong và ngoài ngành. Ban Thu xếp vốn và Tín dụng doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ: Tìm kiếm nhu cầu thu xếp vốn, cấp tín dụng của các dự án, doanh nghiệp trong và ngoài ngành, trong nước và nước ngoài; Thực hiện các phương án thu xếp vốn, cấp tín dụng cho các dự án trong và

ngoài ngành, trong nước và nước ngoài; Thực hiện cho vay doanh nghiệp trong và ngoài ngành; Thực hiện cấp tín dụng dưới các hình thức khác: Bảo lãnh, bao thanh toán... ; Thực hiện báo cáo thống kê định kỳ hoặc đột xuất về các thông tin, số liệu liên quan đến công tác thu xếp vốn và Tín dụng của Ban; Quản lý danh mục thu xếp vốn và tín dụng theo tỷ trọng được phê duyệt; Thực hiện công tác quản lý hệ thống.

Ban Thu xếp vốn và Tín dụng doanh nghiệp có 5 phòng: Phòng khách hàng; Phòng Thu xếp vốn và Tín dụng dự án; Phòng Tín dụng Doanh nghiệp; Phòng Thu xếp vốn và tín dụng dự án của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Phòng Tổng hợp, phân tích.

+ *Ban Quản lý dòng tiền* thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, cân đối dòng tiền trong toàn công ty; sử dụng và kinh doanh nguồn vốn của công ty nhằm đảm bảo và đáp ứng kịp thời nguồn vốn đối với hoạt động của công ty. Ban Quản lý dòng tiền thực hiện các nhiệm vụ: Lập và kiểm soát dòng tiền trong toàn công ty; Thực hiện kinh doanh vốn với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; Thực hiện hoạt động mua bán ngoại tệ, kinh doanh các sản phẩm phái sinh; Thực hiện báo cáo thống kê định kỳ hoặc đột xuất các thông tin, số liệu liên quan đến công tác quản lý dòng tiền; Thực hiện công tác quản lý hệ thống về dòng tiền.

Ban Quản lý dòng tiền có 3 phòng: Phòng điều hành hoạt động dòng tiền; Phòng kinh doanh tiền tệ; Phòng nguồn vốn.

Đến năm 2007, PVFC đã từng bước hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ cho hầu hết các hoạt động kinh doanh và quản lý của công ty, đảm bảo mọi hoạt động được thực hiện chặt chẽ, nề nếp và đúng pháp luật. Hệ thống thông tin với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ và phần mềm chuyên ngành giúp cho các hoạt động kinh doanh của công ty được triển khai đồng bộ trên toàn quốc. Công tác đào tạo được chú trọng nhằm nâng cao trình độ của CBNV trong

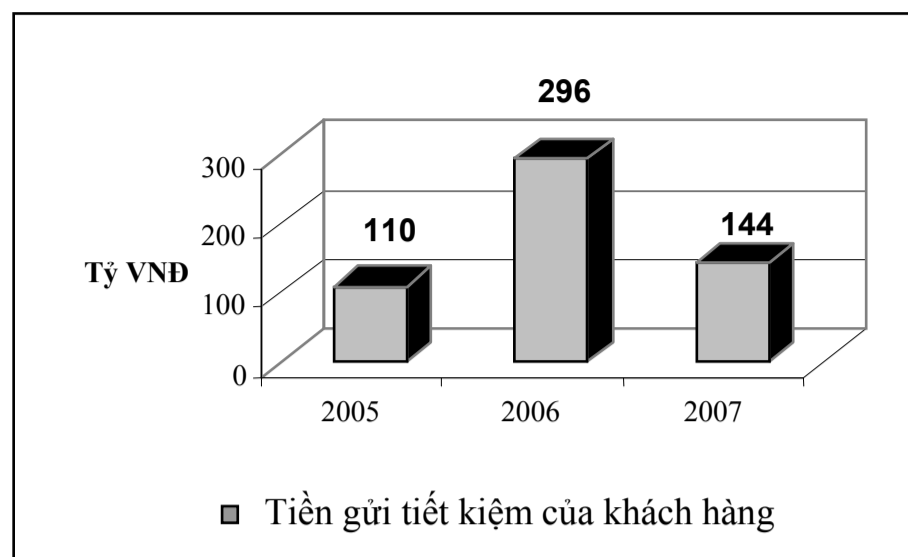
lĩnh vực tài chính tiền tệ. Quá trình hình thành và phát triển của PVFC từ khi thành lập đến năm 2007 với mô hình là công ty tài chính 100% vốn Nhà nước được cộng đồng các tổ chức tín dụng đánh giá cao về hiệu quả hoạt động.

2.2.2. Thực trạng hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

2.2.2.1. Hoạt động huy động vốn

Cũng như các công ty tài chính khác tại Việt Nam, PVFC triển khai huy động vốn theo các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định 79/2002/NĐ-CP của Chính phủ. PVFC thực hiện huy động vốn qua các hình thức huy động tiền gửi tiết kiệm, phát hành trái phiếu, đồng tài trợ, quản lý vốn uỷ thác, nhận uỷ thác đầu tư.

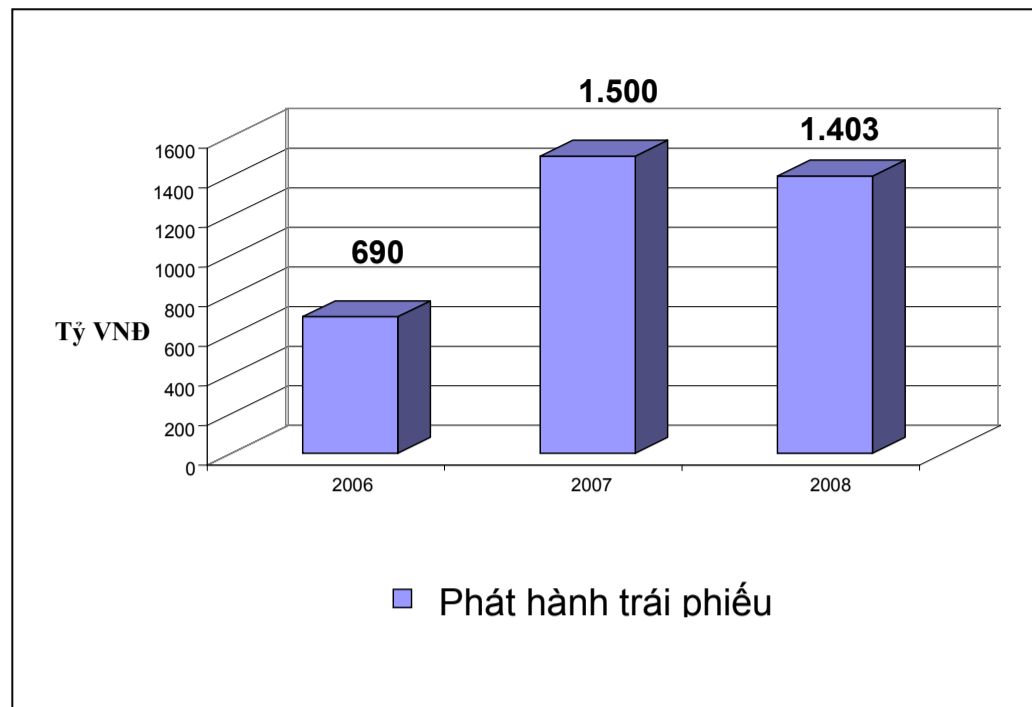
Trong các năm qua, PVFC thực hiện huy động vốn qua các hình thức huy động truyền thống của ngân hàng thương mại bao gồm huy động tiết kiệm bằng VNĐ và ngoại tệ. Hoạt động huy động tiết kiệm của PVFC kỳ hạn trên 12 tháng được tổ chức thực hiện tại các phòng giao dịch trên toàn quốc. Đối tượng khách hàng chính bao gồm các tổ chức kinh tế và cá nhân là người Việt Nam. Các phòng giao dịch huy động tiền gửi với hình thức như tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, 18 tháng, 24 tháng và tiền gửi tích lũy có kỳ hạn. Để khuyến khích và thu hút khách hàng tham gia, PVFC áp dụng lãi suất hợp lý, so với lãi suất của các 4 ngân hàng thương mại quốc doanh thì lãi suất huy động của PVFC cạnh tranh hơn; Ngoài ra để thuận tiện cho khách hàng, PVFC áp dụng hình thức gửi tiền một nơi và rút nhiều nơi trong hệ thống tại các phòng giao dịch PVFC trên toàn quốc... Số dư huy động tiết kiệm của PVFC năm 2005 đạt 110 tỷ VNĐ, năm 2006 đạt 296 tỷ VNĐ, năm 2007 đạt 144 tỷ VNĐ. Huy động tiết kiệm của PVFC chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng nguồn vốn hoạt động của PVFC.



Hình 2.2. Huy động qua hình thức tiền gửi tiết kiệm của PVFC

Nguồn: PVFC

Việc huy động vốn qua hình thức phát hành trái phiếu Tài chính Dầu khí được tổ chức định kỳ vào hàng năm, đặc điểm của trái phiếu Tài chính Dầu khí có kỳ hạn 3 đến 5 năm, lãi suất năm đầu khi phát hành cố định, lãi suất các năm tiếp theo được thả nổi theo lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại Việt Nam cộng với lãi định biên được hưởng. Trái phiếu được phát hành bằng Việt Nam đồng và đô la Mỹ. Đối tượng khách hàng đầu tư trái phiếu Tài chính Dầu khí gồm các tổ chức và cá nhân là người Việt Nam. Trái phiếu Tài chính Dầu khí lần đầu tiên được phát hành vào năm 2006, đến nay PVFC đã phát hành được 3.593 tỷ VNĐ quy đổi. Để tạo tính thanh khoản cao, trái chủ có thể cầm cố trái phiếu Tài chính Dầu khí để vay vốn tại PVFC, tại các tổ chức tín dụng khác của Việt nam hoặc trao đổi mua bán tự do trên thị trường. Năm 2007 PVFC đã chính thức niêm yết trái phiếu Tài chính Dầu khí tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. PVFC đang nghiên cứu xây dựng phương án huy động vốn qua việc phát hành trái phiếu Tài chính Dầu khí quốc tế.



Hình 2.3. Phát hành trái phiếu của PVFC

Nguồn: PVFC

Huy động vốn qua phương thức đồng tài trợ là kênh quan trọng đối với PVFC để thực hiện cấp tín dụng cho khách hàng. PVFC thực hiện vai trò là đơn vị đầu mối thu xếp tài chính, thay mặt cho bên vay tìm kiếm nguồn vốn cho dự án; soạn thảo, đàm phán các điều kiện của hợp đồng tín dụng; hỗ trợ bên vay và các thành viên đồng tài trợ trong việc giải ngân, thu nợ, thu lãi, giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng tín dụng. Hiện nay, PVFC thiết lập được quan hệ với hầu hết các ngân hàng thương mại quốc doanh Việt Nam, các ngân hàng thương mại cổ phần và các công ty tài chính đang hoạt động tại Việt Nam cũng như một số tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Đặc biệt, trong những năm gần đây PVFC triển khai tích cực công tác huy động bao gồm cả việc huy động vốn đồng tài trợ từ các tổ chức tín dụng nước ngoài. Từ khi thành lập đến năm 2007, PVFC đã thu xếp vốn cho gần 70 dự án của PVN và các đơn vị thành viên của PVN với số

vốn thu xếp là 11.800 tỷ VNĐ. Đặc biệt, năm 2006 và 2007, PVFC đã mở rộng và triển khai hợp tác hiệu quả với các tổ chức tín dụng là các ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư nước ngoài để thu xếp vốn cho các dự án trọng điểm của PVN và các đơn vị thành viên của PVN. Đến nay, PVFC đã thu xếp vốn thành công và ký hợp đồng thu xếp vốn hàng trăm triệu USD từ nguồn vốn của các tổ chức tín dụng nước ngoài.

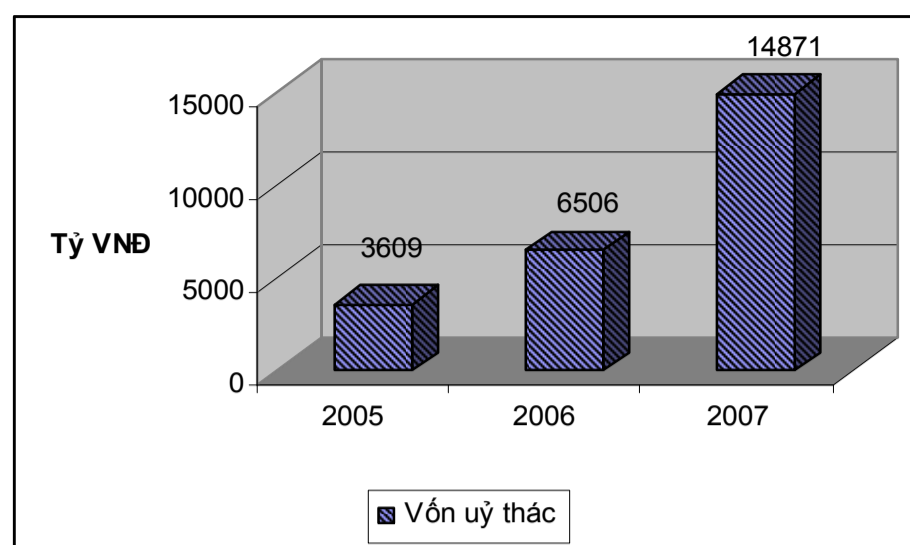
Bên cạnh các hình thức huy động trên, PVFC triển khai huy động vốn thông qua các nguồn vốn khác như nguồn vốn uỷ thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân; quản lý vốn uỷ thác của PVN, các công ty thành viên của PVN, CBCNV ngành dầu khí, các tổ chức và cá nhân khác. Dịch vụ nhận quản lý vốn uỷ thác do PVFC cung cấp là hình thức khách hàng uỷ thác cho PVFC quản lý nguồn vốn nhàn rỗi trong một kỳ hạn nhất định, khách hàng được hưởng mức lãi suất cố định trên số tiền uỷ thác tương ứng với thời gian uỷ thác. Đối tượng khách hàng chủ yếu là PVN và các công ty thành viên của PVN. Khách hàng được hưởng các lợi ích chủ yếu như lãi suất cố định hoặc lãi suất bậc thang cạnh tranh theo kỳ hạn uỷ thác, được rút vốn trước hạn và hưởng lãi suất ưu đãi. Thời hạn uỷ thác linh hoạt, từ 1 tuần đến hàng tháng và hàng năm. Đặc biệt, khách hàng có thể sử dụng hợp đồng quản lý vốn uỷ thác để thực hiện bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng, cấp bảo lãnh tại PVFC. Đến 31/12/2007, PVFC đã nhận vốn uỷ thác của PVN với thời hạn từ 2 đến 3 năm là 6.115.836.401.900 VNĐ; nhận quản lý vốn uỷ thác hàng chục ngàn tỷ VNĐ của các tổ chức và cá nhân khác với kỳ hạn dưới 12 tháng.

Ngoài các hình thức huy động trên, đến nay PVFC chưa triển khai thực hiện việc phát hành các công cụ nợ khác như chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu, kỳ phiếu...

Biểu số 2.1. Hạn mức tín dụng của PVFC tại các ngân hàng thương mại quốc doanh và các tổ chức tín dụng (thời điểm 31/12/2007)

TT	Tên Ngân hàng / Tổ chức tín dụng	Hạn mức tín dụng (tỷ VNĐ)
1	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	300
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.100
3	Ngân hàng Công thương Việt Nam	1.000
4	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	200
5	Bảo Việt	120
6	Ngân hàng TMCP Quân đội	300
7	Ngân hàng TMCP Quốc tế	500
8	Ngân hàng TMCP Phương Nam	750
9	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	490
10	Ngân hàng TMCP GP Bank	400
11	Ngân hàng TMCP PG Bank	500
12	Ngân hàng liên doanh Việt Nga	240
13	Công ty tài chính Bưu điện	700
14	Công ty tài chính Công nghiệp Tàu thủy	300
	Cộng	6.900

Nguồn: PVFC



Hình 2.4. Nguồn vốn uỷ thác của các cá nhân, tổ chức cho PVFC

Nguồn: PVFC

Biểu số 2.2. Nguồn vốn huy động tiết kiệm, phát hành giấy tờ có giá và nhận quản lý vốn uỷ thác của PVFC năm 2005, 2006, 2007

Đơn vị: Tỷ VNĐ

TT	Nội dung	Số dư		
		31/12/2005	31/12/2006	31/12/2007
1	Vốn uỷ thác	3.609	6.506	14.871
1.1	Ủy thác quản lý vốn	3.285	6.044	8.078
1.2	Vốn nhận uỷ thác của PVN		270	6.116
1.3	Nhận uỷ thác đầu tư	324	192	677
2	Tiền gửi của khách hàng	110	296	144
3	Phát hành giấy tờ có giá		690	2.190

Nguồn: PVFC

2.2.2.2. Hoạt động sử dụng vốn

- Hoạt động tín dụng

+ Hoạt động cho vay

Các hình thức cho vay của PVFC phân loại theo thời gian có cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; phân loại theo tính chất khoản vay có cho vay dự án, cho vay doanh nghiệp và cho vay cá nhân. PVFC thực hiện cho vay hai nhóm khách hàng trong và ngoài ngành dầu khí. Nhóm khách hàng trong ngành Dầu khí được xác định là nhóm khách hàng chính của PVFC, bao gồm cơ quan tập đoàn, các đơn vị thành viên của tập đoàn và CBCNV của tập đoàn. Nhóm khách hàng ngoài ngành bao gồm các tổ chức kinh tế, các tổ chức tín dụng và cá nhân. Tổng dư nợ cho vay một khách hàng không vượt quá 15% vốn điều lệ của PVFC (năm 2007 là 450 tỷ VNĐ đối với một khách hàng), trừ trường hợp đối với những khoản cho vay đối với nguồn uỷ thác đầu tư của Chính phủ, của PVN và các công ty thành viên của PVN. Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng vượt quá 15% vốn tự có của PVFC hoặc khách hàng có nhu cầu huy động vốn từ nhiều nguồn thì PVFC phối hợp với các tổ chức tín dụng khác cho vay hợp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của tổ chức tín dụng và PVFC chưa đáp ứng đủ yêu cầu vay vốn của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cho vay đối với từng trường hợp.

Số dư cho vay trực tiếp của PVFC liên tục tăng trưởng, thời điểm 31/12/2001 số dư nợ cho vay đạt 170,9 tỷ VNĐ trong đó cho vay trực tiếp đạt 94,7 tỷ VNĐ. Đến 31/12/2002 số dư cho vay đạt 935 tỷ VNĐ trong đó cho vay trực tiếp là 250 tỷ VNĐ và cho vay từ uỷ thác là 685 tỷ VNĐ. Dư nợ cho vay liên tục được tăng trưởng, đến 31/12/2007 tổng dư nợ cho vay là 7.468,2 tỷ VNĐ, trong đó cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân đạt 7.387,4 tỷ VNĐ,

cho vay chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá 18,5 tỷ VNĐ, cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư 62,3 tỷ VNĐ.

Ngoài ra, để tận dụng cơ hội thị trường và tăng cường hiệu quả vốn, PVFC tham gia kinh doanh trên thị trường vốn liên ngân hàng. Đến 31/12/2007, tiền gửi của PVFC tại các tổ chức tín dụng là 27.780,9 tỷ VNĐ.

Biểu số 2.3. Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân của PVFC năm 2005, 2006, 2007

Đơn vị: tỷ VNĐ

TT	Nội dung	Thời điểm		
		31/12/2005	31/12/2006	31/12/2007
1	Cho vay ngắn hạn	561,57	1.076,35	3.175,19
2	Cho vay trung hạn	444,44	1.001,73	2.082,39
3	Cho vay dài hạn	8,71	459,16	2.210,64
	Tổng cộng	1.014,72	2.537,24	7.468,22

Nguồn: PVFC

PVFC thực hiện nghiêm túc việc phân loại nợ và trích lập dự phòng tín dụng theo quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 và quyết định số 187/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đến 31/12/2007, PVFC đã trích lập dự phòng chung với tỷ lệ 0,75% trên tổng dư nợ cho vay và ứng trước được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 và 0,75% trên số dư các khoản bảo lãnh thư tín dụng, cam kết cho vay không huỷ ngang.

Biểu số 2.4. Phân loại nợ cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân của PVFC năm 2006, 2007

Đơn vị: tỷ VNĐ

TT	Nội dung	Thời điểm	
		31/12/2006	31/12/2007
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	2.463,55	7.055,22
2	Nợ cần chú ý	24,56	112,21
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	0,01	137,99
4	Nợ nghi ngờ	3,74	106,44
5	Nợ có khả năng mất vốn	45,38	56,36
	Tổng cộng	2.537,24	7.468,22

Nguồn: PVFC

Để quản lý thống nhất hoạt động tín dụng, PVFC áp dụng nhất quán chính sách lãi suất cho vay trong toàn hệ thống. Chính sách lãi suất cho vay do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở mức lãi suất cơ bản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. PVFC xây dựng chính sách lãi suất cho vay như sau:

- Phương thức xây dựng lãi suất: trên cơ sở mức lãi suất cơ bản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại từng thời điểm, kết hợp với tham khảo lãi suất cho vay cùng kỳ hạn bình quân của các ngân hàng thương mại quy mô lớn của Việt Nam để quyết định mức lãi suất cho vay đối với các dự án trong từng thời kỳ, theo từng khu vực và từng đối tượng khách hàng.

- Đối với lãi suất cho vay ngắn hạn: để khuyến khích khách hàng vay vốn ngắn hạn, PVFC xây dựng các mức lãi suất cho vay ngắn hạn ưu đãi, hấp

dẫn hơn lãi suất cho vay ngắn hạn cùng kỳ hạn bình quân của các ngân hàng thương mại quốc doanh.

- Đối với lãi suất cho vay trung và dài hạn được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (trả lãi cuối kỳ) bình quân của các ngân hàng thương mại quốc doanh cộng với mức lãi biên đủ bù đắp chi phí và mang lại lợi nhuận cho PVFC.

- Đối với các dự án được tài trợ bằng phương thức đồng tài trợ: PVFC được hưởng mức lãi suất cho vay theo lãi suất các tổ chức tín dụng đồng tài trợ.

- Đối với các dự án được tài trợ bằng phương thức uỷ thác cho vay (tín dụng uỷ thác): PVFC hưởng mức phí uỷ thác thoả thuận giữa PVFC với các tổ chức tín dụng.

+ Bảo lãnh

Tổng mức bảo lãnh và tổng mức dư nợ tín dụng của PVFC đối với một khách hàng không được vượt quá tỷ lệ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Các nghiệp vụ bảo lãnh bao gồm: bảo lãnh vốn vay, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành và các loại bảo lãnh khác. Trong các năm qua, PVFC chủ yếu tập trung cấp bảo lãnh cho khách hàng là các đơn vị thành viên của tập đoàn và khách hàng là các tổ chức kinh tế có quan hệ giao dịch, cung cấp sản phẩm dịch vụ cho tập đoàn. Hoạt động bảo lãnh của PVFC chưa được đẩy mạnh và mở rộng tới các đối tượng khách hàng ngoài ngành dầu khí.

+ Các hoạt động khác

- Bao thanh toán: Nghiệp vụ này thực hiện theo hình thức chiết khấu chứng từ thông qua việc tài trợ tín dụng của công ty tài chính đối với các doanh nghiệp, theo đó công ty tài chính mua lại hoá đơn ghi các khoản nợ

phải thu của doanh nghiệp phát sinh từ việc bán hàng trả chậm, thực hiện việc quản lý sổ sách kế toán cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, đây là nghiệp vụ mới được quy định trong nghị định 79/2002/NĐ-CP của Chính phủ, thực tế PVFC đang trong giai đoạn nghiên cứu, xây dựng các quy trình công việc liên quan và tổ chức công tác đào tạo, tập huấn cán bộ, nghiệp vụ này đang triển khai nhưng chưa có kết quả.

- Ủy thác cho vay, nhận ủy thác cho vay, đồng tài trợ, thu xếp vốn... được triển khai tại PVFC. Các sản phẩm này được kết hợp với hoạt động cho vay nhằm cung cấp cho khách hàng sản phẩm dịch vụ đa dạng.

- Hoạt động đầu tư tài chính

Các nghiệp vụ chính bao gồm tìm kiếm cơ hội đầu tư; chuẩn bị đầu tư; thực hiện đầu tư; quản lý dự án đầu tư; cơ cấu danh mục đầu tư để thực hiện hoá lợi nhuận.

- + Đầu tư dự án: tham gia đầu tư trực tiếp các dự án bao gồm từ các khâu nghiên cứu cơ hội đầu tư, phân tích dự án, quyết định đầu tư, quản lý dự án sau đầu tư đến cơ cấu danh mục đầu tư dự án để hiện thực hoá lợi nhuận.

- + Đầu tư chứng khoán: trực tiếp tổ chức hoạt động kinh doanh chứng khoán với tư cách là nhà đầu tư có tổ chức, cung cấp các dịch vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho khách hàng (dịch vụ môi giới chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán, đại lý phân phối chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán). PVFC hợp tác với Công ty chứng khoán Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam, Công ty chứng khoán cổ phần Sài gòn, Công ty chứng khoán cổ phần VN DIRECT, Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí – PV Securities để thành lập và đưa vào hoạt động Phòng giao dịch chứng khoán tại hội sở chính và 9 chi nhánh của PVFC trên toàn quốc. Hiện nay, các phòng

giao dịch chứng khoán hoạt động ổn định, thu hút nhiều nhà đầu tư thực hiện giao dịch trên thị trường chứng khoán.

+ Kinh doanh các chứng từ có giá: công trái, trái phiếu Chính phủ; trái phiếu ngân hàng thương mại; trái phiếu, tín phiếu doanh nghiệp; các chứng từ có giá khác.

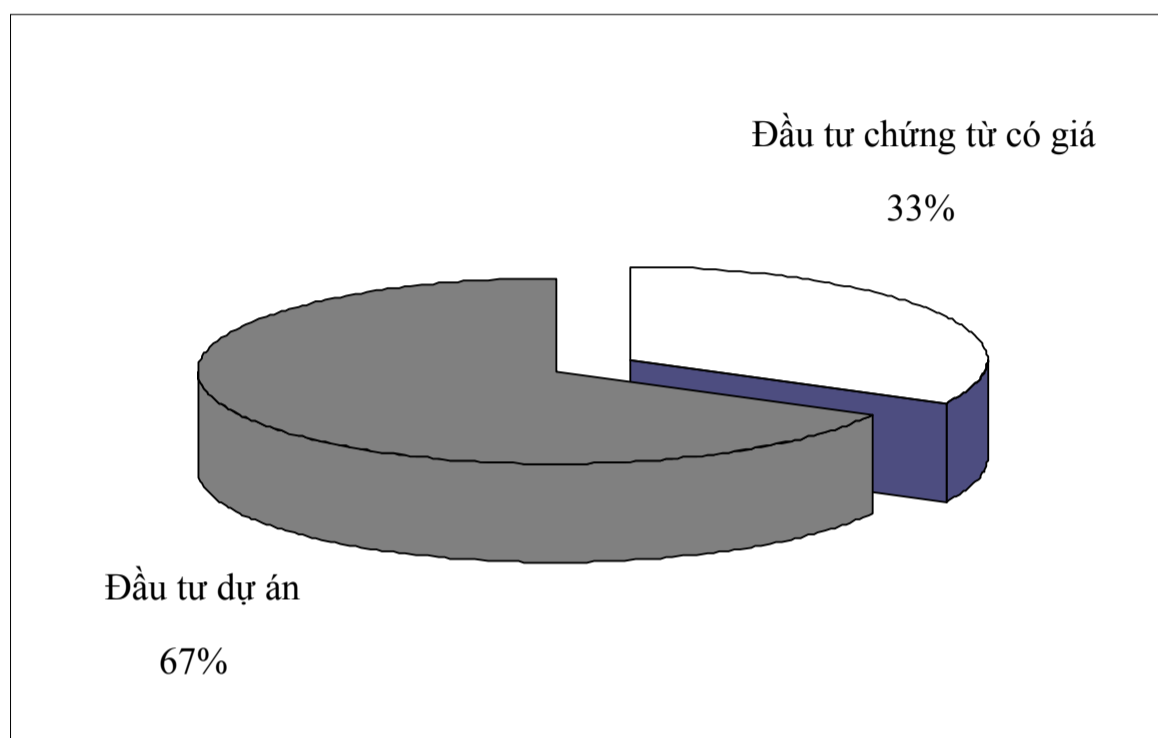
+ Đầu tư cổ phần: mua cổ phần của các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh đa dạng hoá hình thức đầu tư tài chính.

+ Mua bán nợ: PVFC thực hiện tài trợ tín dụng dài hạn cho khách hàng thông qua hình thức như mua lại cổ phần của doanh nghiệp là khách hàng vay vốn của PVFC với mục đích lành mạnh hoá các khoản nợ; Lựa chọn, mua lại các hợp đồng tín dụng của ngân hàng có uy tín để đa dạng hoá danh mục tín dụng, mở rộng đối tượng khách hàng, giảm bớt rủi ro và chi phí.

+ Mua bán kỳ hạn chứng từ có giá...

Năm 2007, tổng mức đầu tư của PVFC là 5.000 tỷ VNĐ. Tổng giá trị cam kết đầu tư dự án của PVFC đến 31/12/2007 là 3.416 tỷ VNĐ, chiếm 60% trong tổng mức đầu tư của PVFC; trong đó đã giải ngân là 2.448,51 tỷ VNĐ. PVFC tham gia đầu tư tài chính với số dư cam kết đầu tư (thời điểm 31/5/2008) là 9.490 tỷ VNĐ, trong đó đã giải ngân là 7.103 tỷ VNĐ. PVFC tập trung đầu tư vào các lĩnh vực: lĩnh vực dầu khí, năng lượng, khoáng sản với số dư cam kết là 2.419 tỷ VNĐ chiếm 25% tổng mức đầu tư; lĩnh vực phục vụ dầu khí với số dư cam kết là 1.683 tỷ VNĐ chiếm 18% tổng mức đầu tư; lĩnh vực kinh doanh bất động sản, văn phòng cao cấp, khu đô thị mới với số dư cam kết là 2.097 tỷ VNĐ chiếm 22% tổng mức đầu tư; lĩnh vực tài chính, tín dụng, bảo hiểm với số dư cam kết là 1.487 tỷ VNĐ chiếm 16% tổng mức đầu tư; Lĩnh vực khác với số dư cam kết là 932 tỷ VNĐ chiếm 10% tổng

mức đầu tư. Nguồn vốn đầu tư từ vốn tự có là 1.585 tỷ VNĐ chiếm 17%; nguồn vốn uỷ thác đầu tư 6.679 tỷ VNĐ chiếm 70% và nguồn vốn uỷ thác đầu tư từ tổ chức và cá nhân khác là 1.248 tỷ VNĐ chiếm 13%. Ngoài thị trường Việt Nam, PVFC đã bắt đầu triển khai đầu tư ra nước ngoài cùng với một số tập đoàn và tổng công ty lớn của Việt Nam; PVFC tham gia đầu tư dự án Thủy điện Việt Lào tại Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, dự án khai thác khoáng sản tại Lào, dự án khai thác dầu thô tại Liên bang Nga...

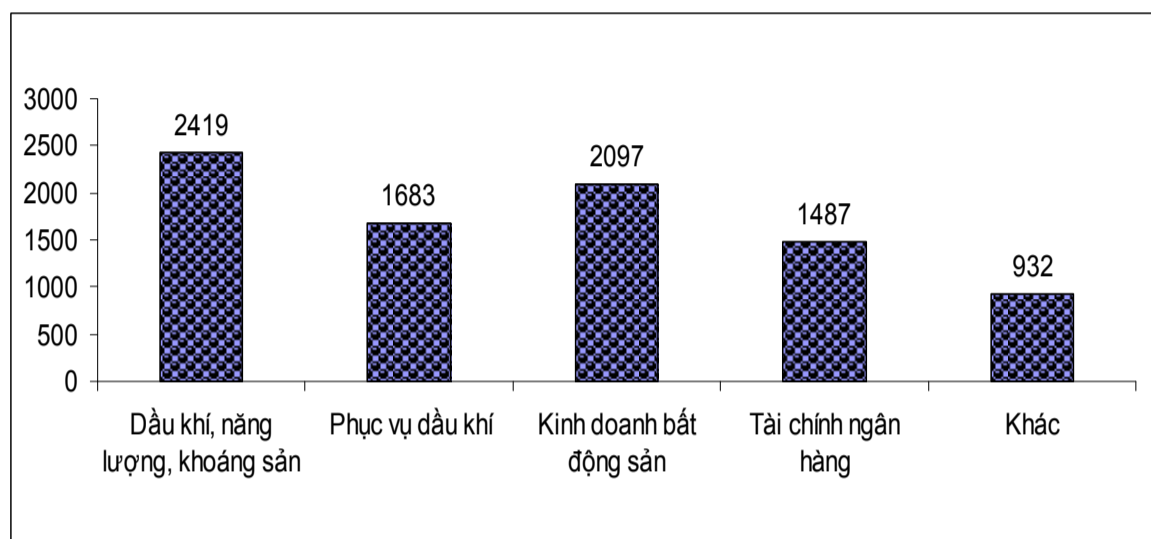


Hình 2.5. Tỷ trọng giá trị đầu tư của PVFC đến 31/12/2007

Nguồn: PVFC

Hoạt động đầu tư tài chính của PVFC luôn tăng trưởng và là thế mạnh của PVFC. Hoạt động này mang lại lợi nhuận chính cho PVFC trong năm 2007. Hoạt động đầu tư được triển khai, đẩy mạnh tại hội sở chính và các chi

nhánh của PVFC, được thực hiện tại 6 lĩnh vực hoạt động theo quy chế đầu tư của PVFC. Hoạt động đầu tư được tập trung thực hiện tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, PVFC được phép đầu tư không quá 40% vốn tự có của mình, tức là không quá 2.000 tỷ VNĐ trên vốn điều lệ 5.000 tỷ VNĐ, số vốn đầu tư còn lại PVFC sử dụng nguồn uỷ thác đầu tư của PVN, các công ty thành viên của PVN, khách hàng tổ chức và cá nhân.



Hình 2.6. Giá trị đầu tư theo các lĩnh vực của PVFC đến 31/5/2008

Nguồn: PVFC

Công tác quản lý hệ thống trong hoạt động đầu tư, các bước công việc nghiên cứu, đánh giá dự án, thẩm định dự án, ra quyết định đầu tư và quản lý đầu tư... được thực hiện theo quy chế đầu tư PVFC. Tuy nhiên, việc định kỳ đánh giá hiệu quả dự án, hiệu quả từng danh mục đầu tư cũng như công tác cập nhật thông tin vĩ mô, vi mô và các thông tin liên quan đến danh mục đầu tư chưa được thực hiện thường xuyên và hiệu quả chưa cao.

Hiện nay PVFC đang trong giai đoạn nghiên cứu, chuẩn bị các nguồn lực, thủ tục cần thiết để tổ chức tham gia hoạt động mua bán doanh nghiệp. Trong các năm qua, PVFC đã nghiên cứu các phương án tham gia mua bán doanh nghiệp nhưng chưa có phương án nào được triển khai.

Biểu số 2.5. Đầu tư tài chính PVFC năm 2006, 2007

Đơn vị: tỷ VNĐ

TT	Nội dung	Giá trị	
		31/12/2006	31/12/2007
1	Đầu tư dự án	1.049,27	2.448,51
2	Đầu tư chứng từ có giá		
2.1	Chứng khoán vốn	65,27	93,98
2.2	Chứng khoán đầu tư		
+	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	323,73	1.949,61
+	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	581,88	619,28

Nguồn: PVFC

2.2.2.3. Hoạt động dịch vụ tài chính

Các loại hình tư vấn thực hiện tại PVFC bao gồm: tư vấn tài chính dự án (cấu trúc tài chính cho dự án; khảo sát nguồn vốn, lập phương án tài chính), tư vấn thẩm định kinh tế dự án (thẩm định tính khả thi của phương án tài chính, thẩm tra độ tin cậy của các yếu tố đầu vào, thẩm định tổng dự toán, dự toán công trình, thẩm định độ an toàn và hiệu quả đầu tư), tư vấn quản lý vốn và tài sản thông qua các hình thức nghiệp vụ là tư vấn tiền gửi, tư vấn mua bán và chuyển đổi ngoại tệ, tư vấn xử lý nợ (xử lý các khoản nợ với các hình thức phù hợp và đề xuất các giải pháp tái cơ cấu nợ hợp lý nhằm nâng cao khả năng thu hồi vốn và cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp); tư vấn đầu tư (đầu tư dự án gồm các dự án mở rộng mạng lưới phân phối và tiêu

thụ sản phẩm dầu khí; các dự án đầu tư sản xuất các thiết bị sử dụng nhiên liệu sản phẩm của ngành dầu khí, các dự án cung cấp sản phẩm dầu khí phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt, tư vấn đầu tư chứng khoán: tư vấn cho khách hàng trong các lĩnh vực kinh doanh mua bán chứng khoán, phát hành chứng khoán ra công chúng; phát hành các tài liệu, báo cáo phân tích kinh tế, phân tích thị trường để phục vụ cho giao dịch chứng khoán; tư vấn đầu tư vào các chứng từ có giá khác) và tư vấn cổ phần hoá, mua bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp (tư vấn phương án cổ phần hoá, tư vấn định giá giá trị doanh nghiệp, tư vấn xử lý và tái cơ cấu nợ trước cổ phần hoá, tư vấn cho doanh nghiệp tìm kiếm đối tác, mua bán, khoán doanh nghiệp)...

Trong các năm qua PVFC triển khai tích cực công tác tư vấn cổ phần hoá cho các đơn vị thành viên của PVN. PVFC thực hiện công tác tư vấn cổ phần hoá, tư vấn chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty Nhà nước sang công ty TNHH một thành viên và/hoặc công ty cổ phần cho toàn bộ các công ty thành viên của PVN, bao gồm Tổng công ty cổ phần khoan và dịch vụ khoan Dầu khí, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí, Tổng công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Dầu khí, Tổng công ty cổ phần phân đạm và hoá chất Dầu khí...

Tư vấn thực hiện đề án phát hành trái phiếu trong nước và quốc tế cho PVN: hiện nay, PVFC đang tích cực, chủ động tham gia đề án phát hành trái phiếu trong nước và quốc tế của PVN theo nhiệm vụ được giao. Phát hành trái phiếu trong và ngoài nước là kênh huy động vốn mới nhằm mục đích bổ sung cho nguồn vốn đầu tư phát triển của PVN. Năm 2003, PVFC đã thực hiện thành công phát hành trái phiếu dầu khí trong nước cho PVN với số lượng phát hành thành công 300 tỷ VNĐ. PVN là doanh nghiệp đầu tiên của Việt Nam phát hành thành công trái phiếu doanh nghiệp, việc phát hành thành công này hứa hẹn mang lại nguồn vốn dồi dào trong các năm tiếp theo. Đây là

lần phát hành trái phiếu đầu tiên của PVN nên trong quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn vướng mắc. Đề án phát hành trái phiếu của PVN trong nước, PVFC thực hiện vai trò uỷ quyền của PVN trong công tác chuẩn bị và tổ chức phát hành trái phiếu trong nước. Phát hành trái phiếu quốc tế của PVN được bảo đảm bằng dầu thô, hiện nay đã hoàn thành đến giai đoạn tư vấn luật, PVFC đang chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác để phát hành. Dự kiến giai đoạn 1 phát hành 500 triệu USD.

Được cấp giấy phép hoạt động ngoại hối vào tháng 3 năm 2003, và đến tháng 12 năm 2005, PVFC được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép mua bán ngoại tệ với các tổ chức tín dụng trong nước có chức năng hoạt động ngoại hối, các tổ chức kinh tế để cho vay và bán ngoại tệ cho các đơn vị có quan hệ tín dụng. PVFC hiện thiết lập quan hệ với nhiều đối tác nước ngoài là các ngân hàng, các tổ chức tài chính hàng đầu trên thế giới như Citi Bank, HSBC, Standard Chartered, ANZ... PVFC thực hiện kinh doanh các sản phẩm phái sinh lãi suất, phái sinh tỷ giá, phái sinh tín dụng... hoạt động kinh doanh ngoại tệ đã góp phần tăng trưởng quy mô kinh doanh cũng như đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ của PVFC, khẳng định hơn nữa vai trò định chế tài chính của PVFC trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đồng thời góp phần thúc đẩy quá trình phát triển của ngành Dầu khí Việt Nam. Trong các năm 2006, 2007, PVFC trú trọng đến phát triển sản phẩm mới SWAP. PVFC ký nhiều hợp đồng SWAP với các Ngân hàng HSBC, Standard Chartered... với tổng giá trị gần 150 triệu USD. Hơn nữa, PVFC cũng tham gia thực hiện các hợp đồng phái sinh ngoại hối và đây là một trong những biện pháp bổ sung giúp PVFC phòng ngừa rủi ro một cách tốt nhất. Tính đến hết năm 2007, PVFC đã ký với các ngân hàng hợp đồng phái sinh hoán đổi lãi suất với tổng giá trị lên tới 35 triệu USD.

Các dịch vụ tài chính khác như chuyển tiền nhanh Western Union, kinh doanh vàng bạc... được triển khai tại các phòng giao dịch trong toàn hệ thống nhằm đa dạng các loại hình dịch vụ tài chính cung cấp cho khách hàng cá nhân. Tỷ trọng của các dịch vụ tài chính này rất nhỏ trong doanh thu và lợi nhuận của PVFC.

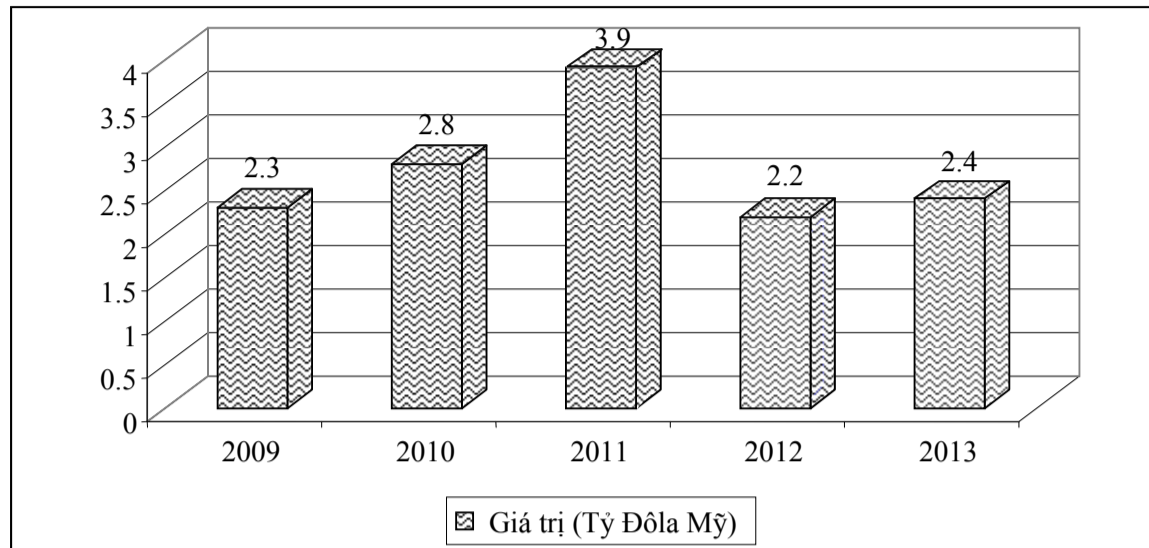
Tại PVFC các dịch vụ tài chính như quản lý dòng tiền, quản lý thanh toán, tư vấn cấu trúc tài chính... chưa được triển khai.

2.2.2.4. Mối quan hệ giữa PVFC với PVN và các công ty thành viên của PVN

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, PVFC luôn coi trọng việc xây dựng các mối quan hệ gắn bó, mật thiết với khách hàng, trong đó PVN và các công ty thành viên của PVN là các khách hàng đặc biệt. PVFC triển khai cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính cho hầu hết các đơn vị thành viên của PVN, các đơn vị liên doanh trong ngành và CBCNV ngành dầu khí. PVFC giữ vững cam kết trong quan hệ, hợp tác với khách hàng: Là cầu nối quan trọng giữa các ngân hàng, các tổ chức tài chính với ngành công nghiệp dầu khí, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tài chính tiên tệ chất lượng cao với chi phí hợp lý.

Về quan hệ giữa PVFC với PVN được quan hệ theo mô hình công ty mẹ - công ty con. PVN là công ty mẹ, quyết định mô hình tổ chức, bộ máy lãnh đạo chủ chốt đến vốn hoạt động của PVFC. PVN giao cho PVFC thực hiện các nhiệm vụ từ quản lý các nguồn tiền tạm thời nhàn rỗi để PVFC vận hành, kinh doanh tiền tệ đến thu xếp vốn, cấp tín dụng cho các dự án của PVN và các đơn vị thành viên của PVN. Về phía PVFC là một đơn vị thành viên của PVN, là tổ chức tín dụng duy nhất của PVN, do đó PVFC có nhiều thuận lợi trong việc triển khai hoạt động cũng như cung cấp sản phẩm dịch vụ cho PVN. Các sản phẩm dịch vụ chủ yếu bao gồm từ quản lý vốn nhàn rỗi,

thu xếp vốn, cấp tín dụng trực tiếp, cho vay uỷ thác từ nguồn vốn của PVN cho các đơn vị thành viên của PVN, tham gia đầu tư, thực hiện tư vấn cổ phần hoá doanh nghiệp đến các sản phẩm dịch vụ tài chính khác.



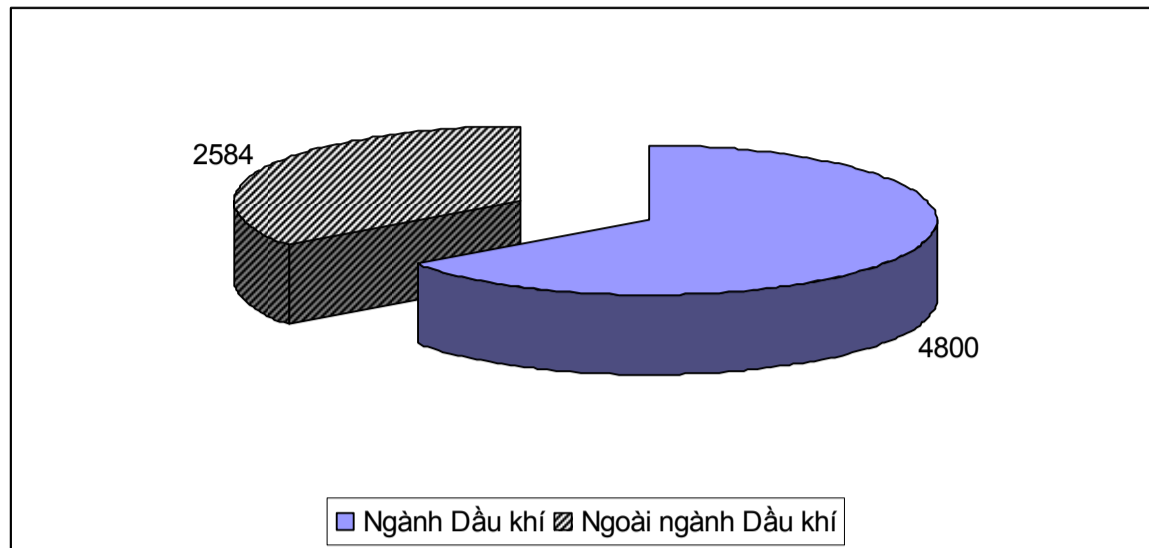
Hình 2.7. Nhu cầu vốn đầu tư của PVN

Nguồn: Tập đoàn Dầu khí Việt nam

Trong những năm gần đây, vai trò vị thế của PVFC đang được từng bước khẳng định đối với PVN. Chức năng công cụ tài chính để quản trị nguồn vốn của PVN đang từng bước được phát huy hiệu quả tại PVFC.

PVFC và các đơn vị thành viên của PVN là các công ty con của công ty mẹ PVN. Các đơn vị thành viên của PVN hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp dầu khí bao gồm từ khâu thăm dò, tìm kiếm, khai thác dầu khí đến lọc hoá dầu, các lĩnh vực phụ trợ phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí. Trong những năm qua, khi cổ phần hoá lần đầu các đơn vị thành viên của PVN, PVFC tham gia đầu tư tài chính và tham gia các chức danh uỷ viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát của các đơn vị này. Các đơn vị thành viên của PVN là khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ của PVFC. Các sản phẩm dịch vụ của PVFC cung cấp bao gồm chủ yếu là cấp tín dụng, đầu tư tài chính và

các sản phẩm dịch vụ tài chính. Các đơn vị thành viên của PVN là nhóm khách hàng chủ yếu của PVFC.



Hình 2.8. Tỷ trọng cho vay trực tiếp của PVFC thời điểm 31/12/2007

Nguồn: PVFC

Ngoài ra, tại PVN có các đơn vị thành viên là các định chế tài chính hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, đầu tư tài chính. PVFC thiết lập mối quan hệ với các đơn vị này như đối với các đơn vị thành viên khác của PVN, bên cạnh đó cả PVFC và các định chế tài chính của PVN cùng trao đổi các sản phẩm dịch vụ cũng như cung cấp các sản phẩm dịch vụ trọn gói tới khách hàng.

2.2.3. Đánh giá về hoạt động của PVFC

2.2.3.1. Kết quả hoạt động

Cũng như các công ty tài chính khác thuộc tập đoàn trên thế giới và Việt Nam, PVFC được thành lập với nhiệm vụ chính là công cụ quản trị tài chính của tập đoàn, thực hiện nhiệm vụ thu xếp vốn để phát triển sản xuất kinh doanh theo chiến lược phát triển của tập đoàn. PVFC là một trong những

công ty tài chính được thành lập đầu tiên trong nhóm 5 công ty tài chính thuộc các tổng công ty Nhà nước hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh tế mạnh của Việt Nam. Quá trình hình thành và phát triển, có thể đánh giá kết quả và hạn chế của PVFC trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam như sau:

Qua hơn 7 năm hoạt động (2000-2007), kết quả đạt được của PVFC trong sản xuất kinh doanh thể hiện qua tốc độ tăng trưởng mọi chỉ tiêu của PVFC đều cao và vượt rất nhiều so với chỉ tiêu kế hoạch PVN giao, năm sau cao hơn năm trước, kỳ sau lớn hơn kỳ trước. PVFC chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/12/2000, trong năm 2000, hoạt động chủ yếu là ổn định bộ máy tổ chức, tuyển chọn CBCNV, xây dựng các quy định, quy trình công việc...

Năm 2001, tổng tài sản trong năm liên tục tăng trưởng từ 104 tỷ VNĐ (thời điểm 01/01/2001) lên 360 tỷ VNĐ (thời điểm 31/12/2001); tỷ lệ tiền gửi các tổ chức tín dụng giảm dần từ 98% (01/01/2001) xuống còn 40% (31/12/2001) được nhường chỗ cho số dư nợ cho vay các tổ chức kinh tế là 47% và đầu tư tài chính là 11%; Cơ cấu nguồn vốn có những chuyển biến tích cực, nguồn vốn tự có trên tổng nguồn từ 99% (01/01/2001) xuống còn 28,5% (31/12/2001), trong đó vốn nhận uỷ thác chiếm 26%, vốn vay các tổ chức tín dụng chiếm 23%, thấu chi từ PVN chiếm 14%, huy động từ các tổ chức kinh tế chiếm 5% và từ huy động tiết kiệm của CBCNV ngành dầu khí chiếm 2,5%; Chi phí cho hoạt động kinh doanh chiếm 43% và chi phí quản lý chiếm 57% trên tổng chi phí; doanh thu năm 2001 đạt 16,7 tỷ VNĐ; lợi nhuận đạt 2,02 tỷ VNĐ; thu nộp ngân sách 0,98 tỷ VNĐ và nộp PVN 0,168 tỷ VNĐ.

Năm 2002, quy mô vốn và tài sản của PVFC đến 31/12/2002 đạt 1.231,3 tỷ VNĐ tăng 3,3 lần so với năm 2001. Kết quả thực hiện năm 2002: doanh thu đạt 65,5 tỷ VNĐ bằng 256% kế hoạch năm; chi phí 59,5 tỷ VNĐ;

lợi nhuận trước thuế đạt 5,16 tỷ VNĐ bằng 192% kế hoạch năm được giao; nộp ngân sách 2,3 tỷ VNĐ bằng 234% kế hoạch năm và nộp PVN.

Các năm 2003, 2004, 2005, 2006 các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách đều đạt và vượt kế hoạch được giao.

Năm 2007, doanh thu đạt 3.142 tỷ VNĐ bằng 105% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế đạt 616,6 tỷ VNĐ bằng 131% kế hoạch năm được giao; nộp ngân sách 210 tỷ VNĐ.

Biểu số 2.6. Kết quả hoạt động PVFC giai đoạn 2001-2007

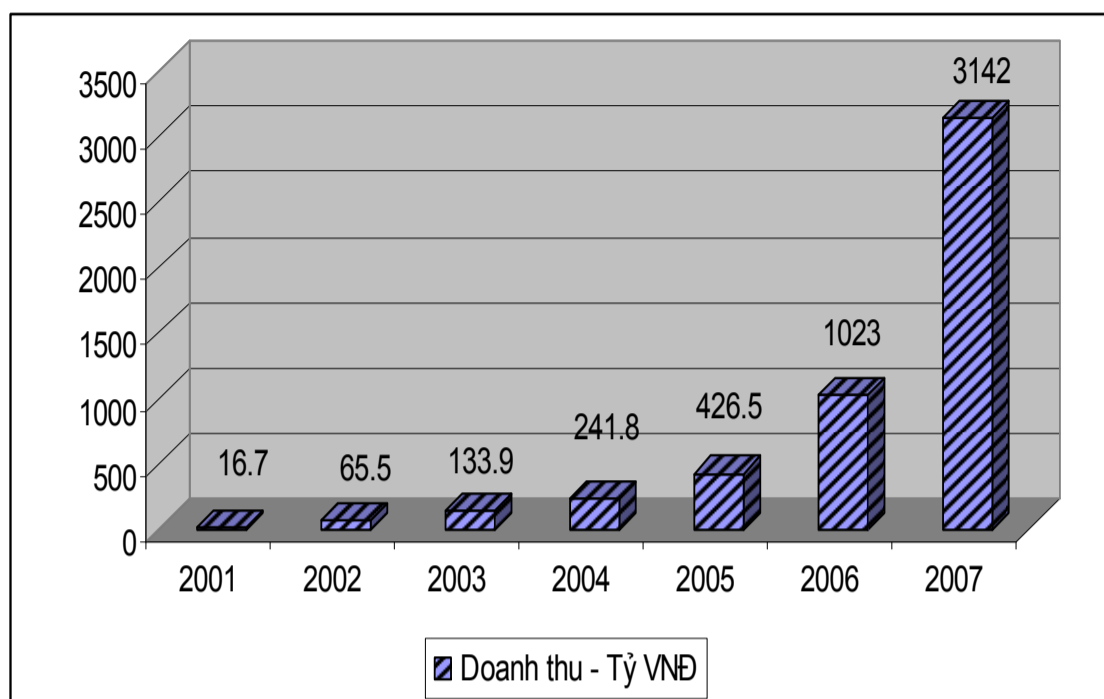
Đơn vị: tỷ VNĐ

T	Chi tiêu	Năm						
		2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
1	Tổng tài sản	360	1.231	2.896	4.207	6.828	18.144	47.993
2	Vốn điều lệ	100	100	100	300	300	1.000	3.000
3	Doanh thu	16,70	65,5	133,9	241,8	426,5	1.023	3.142
4	Lợi nhuận trước thuế	2,02	5,16	5,93	8,3	28,8	126,3	616,6
5	Nộp ngân sách	0,98	2,3	5,2	1,9	2,6	28,6	210

Nguồn: PVFC

Từ thực tế hoạt động của PVFC trong thời gian qua cho thấy PVFC ra đời là sự khẳng định tính đúng đắn trong quá trình xây dựng các tổng công ty Nhà nước ở Việt Nam để hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh. Các công ty tài chính thuộc các tổng công ty Nhà nước Việt Nam đã khắc phục được sự thiếu hụt do các ngân hàng thương mại Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu vốn, cung cấp các dịch vụ tài chính cho các tổng công ty Nhà nước. PVFC đã khẳng định đúng vị thế quan trọng và cần thiết trong Tập đoàn Dầu khí Việt

Nam, khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong việc thành lập các công ty tài chính, đặc biệt là quá trình xây dựng các tổng công ty Nhà nước thành các tập đoàn kinh tế mạnh của Việt Nam.



Hình 2.9. Tăng trưởng doanh thu của PVFC giai đoạn 2001-2007

Nguồn: PVFC

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, PVFC liên tục hoàn thiện mô hình tổ chức nhằm đảm bảo triển khai đủ, đúng chức năng nhiệm vụ của một công ty tài chính, đặc biệt là một định chế tài chính trong tổng công ty Nhà nước. PVFC xây dựng thành công bộ máy tổ chức của một công ty tài chính. Về bộ máy quản trị, đã có và đưa vào hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành lập các đơn vị kinh doanh để triển khai các chức năng của công ty tài chính là hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng, hoạt động đầu tư tài chính và cung cấp các dịch vụ tài chính. PVFC thực hiện nghiêm túc công tác quản trị hệ thống, quản lý rủi ro, kế toán quản trị, tổ chức nhân

sự. Mạng lưới hoạt động của PVFC bám sát hoạt động của PVN, tại các trung tâm hoạt động sản xuất kinh doanh của PVN đều có chi nhánh, văn phòng đại diện của PVFC. Đội ngũ nhân sự được tuyển chọn có trình độ, theo chuyên ngành hoạt động và được đào tạo cơ bản. Các hoạt động của PVFC với vai trò là công ty tài chính giúp cho PVN hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao, đặc biệt là công tác quản trị nguồn vốn.

PVFC thực hiện huy động vốn thông qua các hình thức: vay vốn từ cán bộ, nhân viên PVN và các đơn vị thành viên của PVN, vốn tạm thời nhàn rỗi của PVN, các đơn vị thành viên của PVN, các quỹ tập trung chưa đến kỳ sử dụng, vay các tổ chức tín dụng hoặc huy động từ thị trường tài chính thông qua phát hành trái phiếu Tài chính Dầu khí... PVFC thực hiện huy động vốn chủ yếu từ PVN và các đơn vị thành viên của PVN, phần vốn huy động được vốn từ các đối tượng khác ngoài PVN chiếm tỷ trọng thấp. Đồng thời, PVFC còn có chức năng đầu tư tài chính cũng như kiểm soát, chi phối các công ty thành viên của PVN; đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán nhằm mục đích sinh lời, thực hiện các dịch vụ tài chính, ngân hàng như phát hành chứng khoán, dịch vụ môi giới...

Thực tế hoạt động cho thấy đã có tình trạng phối hợp không nhịp nhàng giữa PVFC với ban tài chính kế toán của PVN và các đơn vị thành viên của PVN dẫn đến hạn chế kết quả hoạt động. PVFC đóng vai trò thúc đẩy các giao dịch tài chính nội bộ, thực hiện với chi phí giao dịch thấp và độ an toàn cao: các giao dịch như vậy không chỉ có ý nghĩa về mặt hiệu quả mà còn có tác dụng tăng cường mối quan hệ liên kết giữa các bộ phận của tập đoàn kinh tế, hình thành hệ thống mạng lưới liên kết chặt chẽ, hoạt động nhịp nhàng.

Công tác quản lý của PVFC còn nhiều bất cập do lực lượng cán bộ quản lý còn thiếu về số lượng, chưa có kinh nghiệm và chuyên môn sâu. Trên danh nghĩa, PVFC là doanh nghiệp thành viên độc lập của PVN nhưng thực tế

PVFC chịu sự can thiệp sâu của PVN về tổ chức và hoạt động làm hạn chế tính năng động, linh hoạt cần có của một trung gian tài chính. Bên cạnh đó, cơ chế hoạt động và phương thức phối hợp giữa PVFC với các phòng, ban chức năng của PVN và các đơn vị thành viên của PVN chưa được xác định một cách hợp lý: việc thành lập PVFC không phải đơn thuần là có thêm một công ty, mà là cần có sự thay đổi các nghiệp vụ tài chính của PVN. Trước khi có PVFC, ban tài chính kế toán của PVN thực hiện chức năng huy động vốn, điều phối nguồn vốn, kế hoạch tài chính và nguồn vốn đầu tư... Nhưng khi xuất hiện PVFC thì nảy sinh vấn đề phân định chức năng, ranh giới nhiệm vụ giữa hai bộ phận đó. Thực tế, đã nảy sinh khó khăn khi phối hợp các hoạt động của những bộ phận này. Bản thân PVFC với tư cách là một trung gian tài chính của PVN, phải thực sự năng động, sáng tạo, khai thác tốt thị trường nội bộ của PVN và mở rộng các hoạt động ra bên ngoài ngành dầu khí trong phạm vi được phép hoạt động.

PVFC là công ty tài chính được thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Nghị định 79/2002/NĐ-CP về hoạt động và tổ chức của công ty tài chính. Ngoài chức năng huy động vốn, tín dụng, đầu tư tài chính và dịch vụ tài chính, PVFC được cấp phép hoạt động ngoại hối. Các chức năng của PVFC là cơ sở quan trọng để thực hiện tốt vai trò là định chế tài chính, là tổ chức tín dụng phi ngân hàng duy nhất của PVN.

PVFC được thành lập là một trong những yếu tố quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của PVN trong quá trình xây dựng trở thành tập đoàn kinh tế mạnh của Việt nam. Tại PVN, PVFC có lợi thế cạnh tranh hơn so với các ngân hàng thương mại trong hoạt động tín dụng ở ngành dầu khí và các lĩnh vực hoạt động của PVN và các đơn vị thành viên của PVN do PVFC là đơn vị thành viên của PVN nên PVFC nắm bắt được thông tin, cũng như am hiểu về chuyên môn.

PVFC đã từng bước triển khai các sản phẩm dịch vụ được phép hoạt động với đối tượng khách hàng chủ yếu là PVN và các đơn vị thành viên của PVN, CBCNV của PVN. Các dịch vụ chủ yếu được cung cấp cho khách hàng bao gồm huy động vốn, thu xếp vốn, cấp tín dụng, cấp bảo lãnh, đầu tư tài chính, cung cấp các dịch vụ tài chính tại các dự án do PVN và các đơn vị thành viên của PVN làm chủ đầu tư. Bên cạnh đó, trong những năm qua thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX, PVFC thực hiện tốt nhiệm vụ tư vấn đổi mới doanh nghiệp của PVN. Ngoài ra, PVFC đã, đang triển khai tích cực các nhiệm vụ được giao như thu xếp vốn cho các dự án của ngành, tư vấn quản trị tài chính, thực hiện chính sách nhân viên của PVN.

Quá trình xây dựng và phát triển của PVFC gắn liền với quá trình phát triển của PVN. Các chỉ tiêu kinh doanh của PVFC đều hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao, chỉ tiêu năm sau cao hơn năm trước. PVFC là công ty tài chính có tốc độ tăng trưởng và quy mô hoạt động lớn nhất trong số các công ty tài chính tại Việt Nam. Kết quả hoạt động của PVFC góp phần thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của PVN đặc biệt góp phần quan trọng để thực hiện mục tiêu tăng dần tỷ trọng doanh thu từ lĩnh vực dịch vụ của PVN.

Trong hoạt động, PVFC là một trong các công ty tài chính tiêu biểu, đi đầu trong việc triển khai các sản phẩm dịch vụ mới. PVFC đã thiết lập mối quan hệ chặt chẽ, hiệu quả với các tổ chức tín dụng trong các hoạt động thu xếp vốn, đồng tài trợ, hoạt động kinh doanh liên ngân hàng. PVFC đã được cộng đồng các tổ chức tín dụng đánh giá cao, vị thế và thương hiệu PVFC đã được khẳng định trên thị trường tài chính ngân hàng Việt Nam.

2.2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

*** Hạn chế**

- PVFC ra đời trong bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam đang được đổi mới, nền kinh tế chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Hệ thống các tổ chức tín dụng bắt đầu được quan tâm phát triển. Hệ thống văn bản pháp lý về mô hình tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng, công ty tài chính được ban hành. Tuy nhiên hoạt động của các công ty tài chính trước năm 2002 bị bó hẹp và không được quan tâm đầy đủ. Bên cạnh đó, việc thực hiện chủ trương của Nhà nước về thành lập các công ty tài chính thuộc các tổng công ty Nhà nước ở Việt Nam mới bắt đầu thực hiện. Các tổng công ty chưa quan tâm chỉ đạo hoạt động của các công ty tài chính, điều lệ, quy chế hoạt động của công ty tài chính được ban hành chưa khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ các công ty tài chính hoạt động. PVFC được chuyển đổi và tách ra một phần từ Ban tài chính kế toán PVN nên chưa tách bạch chức năng, nhiệm vụ giữa Ban tài chính kế toán của PVN với PVFC. Đây chính là lý do quan trọng dẫn đến các công ty tài chính trong tổng công ty Nhà nước nói chung và PVFC nói riêng chưa phát huy hết vai trò của định chế tài chính, một tổ chức tín dụng phi ngân hàng của PVN. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của công ty tài chính trong các tổng công ty Nhà nước Việt Nam còn nhiều hạn chế. Với chức năng được giao thì PVFC phải là công cụ quản trị tài chính của PVN, nhưng việc này do Ban tài chính kế toán của PVN trực tiếp thực hiện theo cơ chế quản lý cũ, do đó dẫn đến việc quản trị nguồn vốn của PVN chưa đạt được hiệu quả tốt nhất. Với nhiệm vụ thu xếp vốn cho các dự án của tập đoàn và các đơn vị thành viên của tập đoàn, nhiệm vụ này được thực hiện song song giữa PVFC và Ban tài chính kế toán của PVN. Do chưa phân công cụ thể nên có sự chồng chéo, thậm chí mâu thuẫn giữa PVFC với Ban tài chính kế toán của PVN. Như vậy, công tác thu xếp vốn cho tập đoàn thực hiện không như mong muốn, PVFC thiếu chủ động do bị phụ thuộc vào sự quản lý và sự “cạnh tranh” của chính Ban Tài chính kế toán PVN.

- Vai trò đầu mối về huy động vốn cho PVN và các đơn vị thành viên của PVN thực hiện chưa đạt hiệu quả cao do PVN và các đơn vị thành viên của PVN vẫn trực tiếp huy động vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, nhiều trường hợp cả PVFC và PVN cùng tiến hành giao dịch huy động vốn với một ngân hàng thương mại. Trong quan hệ giữa các tổ chức tín dụng với PVN hiện có hai đầu mối là PVN - công ty mẹ và PVFC - công ty con dẫn đến bất hợp lý và không hiệu quả khi một tổ chức tín dụng vừa quan hệ với công ty mẹ vừa quan hệ với công ty con. Trong thực tế, nhiều trường hợp PVFC luôn bị động vì không có đủ thông tin từ hạn mức tín dụng, lãi suất, đến kế hoạch giải ngân; có trường hợp vai trò của PVFC trở nên thừa vì các tổ chức tín dụng quan hệ trực tiếp với PVN, trong khi nhiệm vụ chủ yếu PVN giao cho PVFC là công việc này và PVFC có đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao với hiệu quả cao.

- Khách hàng chủ yếu của PVFC là PVN và các đơn vị thành viên của PVN. Nội dung hoạt động của PVFC quan hệ mật thiết tới hoạt động kinh doanh tài chính của PVN. Do đó, mục tiêu đặt ra khi thành lập là PVFC phải trở thành một mắt xích quan trọng trong dây chuyền vốn và tín dụng của PVN chưa được thực hiện đầy đủ, ngoài việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính mới, hoạt động của PVFC còn tạo ra những quan hệ mới nhằm nâng cao tính chuyên môn hoá trong điều hành và tăng hiệu quả hoạt động quản lý tài chính của PVN.

- Do quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định 79/2002/NĐ-CP, công ty tài chính không được thực hiện hoạt động huy động vốn không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng – đây chính là hạn chế lớn nhất của công ty tài chính trong công tác huy động nguồn vốn để hoạt động. Mặt khác, đặc thù của công ty tài chính nói chung và PVFC nói riêng là hạn chế phát triển bán lẻ, mạng lưới các phòng giao dịch không phát triển nhiều nên

công tác huy động vốn từ khách hàng cá nhân chưa hiệu quả. Nguồn vốn huy động với kỳ hạn từ 12 tháng trở lên chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong nguồn vốn. Trong khi nguồn vốn đi vay của các tổ chức tín dụng trong nước có lãi suất cao và hạn mức tín dụng của các công ty tài chính tại các ngân hàng thương mại bị giới hạn nên nguồn vốn huy động của PVFC bị hạn chế, PVFC chủ yếu huy động từ nguồn vốn uỷ thác cho vay của các tổ chức tín dụng trong nước, việc huy động vốn từ các tổ chức tín dụng, các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài gặp nhiều khó khăn.

- Hoạt động cho vay đóng vai trò quan trọng của công ty tài chính. Hạn mức tín dụng cho vay của PVFC đối với các đơn vị thành viên của tập đoàn và khách hàng không vượt quá 15% điều lệ tương đương 450 tỷ VNĐ nên khả năng cho vay trực tiếp của PVFC đối với mỗi đơn vị thành viên của PVN là rất nhỏ bé. Trong giai đoạn đầu mới thành lập, PVFC cũng như hầu hết các công ty tài chính thuộc các tập đoàn đều tập trung phát triển hoạt động tín dụng. Do mới thành lập nên PVFC chưa có nhiều kinh nghiệm, hoạt động tín dụng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Khác với hệ thống các ngân hàng thương mại có bề dày lịch sử, các nghiệp vụ và sản phẩm dịch vụ của ngân hàng được chuẩn hóa, đội ngũ được đào tạo cơ bản thì tại PVFC do chưa có tiềm lực để cạnh tranh với hệ thống các ngân hàng thương mại nên công tác quản lý khách hàng, thẩm định tín dụng, quản lý sau giải ngân còn bộc lộ nhiều hạn chế dẫn đến chất lượng công tác tín dụng chưa cao.

- Đối với vấn đề đồng tài trợ: Các công ty tài chính được tham gia đồng tài trợ nhưng không được đứng ra làm tổ chức đầu mối đồng tài trợ dẫn đến việc các công ty tài chính gặp nhiều khó khăn trong việc huy động vốn đồng tài trợ cho các dự án của tập đoàn chủ quản và của các đơn vị thành viên, trong khi các công ty tài chính trong các tập đoàn vẫn phải thực hiện toàn bộ các công việc của một tổ chức tín dụng đầu mối.

- Đối với việc kinh doanh ngoại tệ: Một số công ty tài chính trong đó có PVFC được thực hiện các hoạt động như nhận tiền gửi có kỳ hạn 1 năm trở lên bằng ngoại tệ; phát hành trái phiếu, giấy tờ có giá bằng ngoại tệ; vay vốn bằng ngoại tệ của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; cấp bảo lãnh bằng ngoại tệ; thực hiện các dịch vụ uỷ thác và quản lý tài sản bằng ngoại tệ... Do PVFC mới được cấp phép hoạt động ngoại hối nên chưa chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực để thực hiện hiệu quả hoạt động ngoại hối cũng như chưa cung cấp nhiều sản phẩm dịch vụ ngoại hối.

- Các công ty tài chính do mới ra đời nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản trị hệ thống, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Trong thời gian đầu khi mới đi vào hoạt động, các công ty tài chính tập trung vào công tác xây dựng bộ máy tổ chức và triển khai hoạt động kinh doanh, chưa chú trọng nhiều vào công tác quản lý hệ thống, kiểm soát nội bộ. Thực trạng hiện nay của hầu hết các công ty tài chính, trong đó có PVFC là việc quản trị hệ thống, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ còn yếu và chưa theo kịp các công ty tài chính hoạt động lâu đời trên thế giới.

- Đầu tư tài chính là hoạt động quan trọng của PVFC. Mặc dù tại PVFC có các quy chế quy định về hoạt động đầu tư, nhưng PVFC chưa có đủ các công cụ hỗ trợ trong việc ra quyết định đầu tư, quản lý sau đầu tư. Việc PVFC sử dụng các nguồn vốn uỷ thác đầu tư để tham gia đầu tư giúp cho PVFC đẩy mạnh hoạt động đầu tư, nâng cao số dư đầu tư nhưng sẽ mang lại nhiều rủi ro do khách hàng uỷ thác đầu tư mang lại. Bên cạnh đó, sử dụng nhiều nguồn vốn uỷ thác đầu tư ngắn hạn, trung hạn để đầu tư tài chính dài hạn sẽ mang lại nguy cơ rủi ro thanh khoản và hiệu quả đầu tư giảm khi khách hàng dừng thực hiện các hợp đồng uỷ thác đầu tư trước thời hạn hoặc thay đổi nội dung hợp đồng uỷ thác đầu tư.

- Dịch vụ tài chính là sản phẩm đặc thù, là thế mạnh của các công ty tài chính trong các tập đoàn kinh tế trên thế giới. Tuy nhiên, PVFC chưa đẩy mạnh hoạt động này, các dịch vụ tư vấn tài chính tiền tệ mới thực hiện ở mức cung cấp các sản phẩm dịch vụ đơn giản, không đồng bộ, sản phẩm được cung cấp với chất lượng chưa cao, hiệu quả mang lại chưa lớn, hoạt động chưa chuyên nghiệp.

- Đối với hệ thống tổ chức tín dụng, công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng chỉ sau yếu tố con người. Tại PVFC mặc dù công tác này được quan tâm phát triển, nhưng mới chỉ đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý hoạt động còn yếu và thiếu. Các công ty tài chính trong đó có PVFC sử dụng các phần mềm quản lý tài chính như Bank 2000, phần mềm kế toán quản trị, quản lý nhân sự, các phần mềm này mới chỉ đáp ứng được yêu cầu cơ bản về quản trị hoạt động với điều kiện quy mô và mạng lưới hoạt động nhỏ. PVFC và các công ty tài chính hoạt động chủ yếu là đầu tư tài chính, nhưng PVFC chưa có hệ thống phần mềm chuyên ngành về thẩm định dự án, phân tích đánh giá hiệu quả tài chính, quản lý danh mục đầu tư. Hạn chế này tạo ra nhiều khó khăn cho PVFC trong quản lý và phát triển hoạt động đầu tư tài chính. Các phần mềm hiện nay đang sử dụng tại PVFC do cấu trúc không phù hợp với chức năng hoạt động của công ty tài chính nên các số liệu chiết xuất báo cáo phục vụ công tác quản trị và công tác báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không đáp ứng được kịp thời. Đặc biệt là tính hệ thống, chính xác, bảo mật thông tin và cập nhật số liệu.

- Cũng như các công ty tài chính khác tại Việt Nam, PVFC cung cấp các sản phẩm dịch vụ còn đơn điệu. Nhìn chung các sản phẩm dịch vụ hiện nay của PVFC cung cấp đều thiết kế dựa trên các sản phẩm dịch vụ truyền thống của hệ thống các ngân hàng thương mại. Việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới chưa được quan tâm thích đáng. Chất lượng dịch vụ tư vấn chưa

cao, còn bị khách hàng phàn nàn về thời gian xử lý dài, chất lượng dịch vụ và tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó các sản phẩm dịch vụ của PVFC chưa đa dạng, chưa chuẩn hoá theo tiêu chuẩn quốc tế nên gặp nhiều hạn chế khi cung cấp cho khách hàng, đặc biệt là các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, mang lại nhiều giá trị gia tăng.

- PVFC hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định 79/2002/NĐ-CP; hành lang pháp lý về mô hình tổ chức và hoạt động của công ty tài chính chưa được đầy đủ. Để hoạt động có hiệu quả, PVFC phải vận dụng linh hoạt các quy định. Do không được huy động vốn dưới 12 tháng, PVFC đang triển khai hoạt động quản lý vốn uỷ thác của khách hàng - việc huy động này không được mua bảo hiểm tiền gửi nên có thể gây ra rủi ro cho khách hàng. Đồng thời, nguồn vốn chủ yếu để hoạt động của PVFC hiện nay tập trung vào nguồn quản lý vốn uỷ thác và hoạt động liên ngân hàng, vấn đề này có thể gây ra rủi ro thanh khoản khi các khách hàng rút vốn trước hạn hoặc khi thị trường tài chính tiền tệ có biến động lớn.

- Nhu cầu đối với các dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn tài chính còn ít do các đơn vị thành viên của PVN chưa quan tâm đúng mức tới cơ chế quản lý điều hành và hiệu quả hoạt động, chưa được coi trọng từ quản lý cấp cao đến các đơn vị thành viên của PVN, chưa xác định đây là một hoạt động thường xuyên của công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế.

- Tỷ trọng lượng tiền gửi của PVFC tại các tổ chức tín dụng trong nước lớn, dẫn đến doanh thu từ lãi tiền gửi vẫn chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh thu hàng năm của PVFC. Hoạt động ngân quỹ mới chỉ hạn chế trong phạm vi điều hành vốn tự có, sử dụng hệ thống tài khoản trung tâm của PVN trước đây và hạn mức tín dụng của một số ngân hàng thương mại quốc doanh dẫn đến còn nhiều vấn đề phải giải quyết khi phạm vi và quy mô huy động vốn được mở rộng.

Tóm lại, trong thời gian qua, hoạt động PVFC được triển khai đều khắp nhưng chưa có tính ổn định, các hợp đồng được ký chủ yếu dựa vào quan hệ và uy tín cá nhân của lãnh đạo PVFC hoặc sự hỗ trợ của các cấp lãnh đạo ngoài PVFC. Các quy trình nghiệp vụ chưa đủ, chưa được chuẩn hoá theo tiêu chuẩn quốc tế, PVFC cũng như tất cả các công ty tài chính đang ở trong quá trình vừa làm vừa hoàn thiện. Do tốc độ tăng trưởng vốn điều lệ nhanh, nên PVFC chưa chuẩn bị kỹ các nguồn lực để quản trị có hiệu quả nguồn vốn. Hiện nay, hầu hết các công ty tài chính trong đó có PVFC chưa có sở hữu trụ sở làm việc, phải đi thuê các trụ sở làm việc tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh trên toàn quốc. Hình ảnh, vị thế PVFC với tư cách là tổ chức tín dụng phi ngân hàng sẽ tốt hơn, được khách hàng tin tưởng hơn khi PVFC sở hữu các trụ sở làm việc. PVFC chưa có sự nghiên cứu kỹ về khách hàng qua đó chưa xác định được nhu cầu của khách hàng để xây dựng kế hoạch phát triển lâu dài. Công tác nghiên cứu thị trường chưa được triển khai mạnh mẽ và hoạt động với hiệu quả chưa cao. Các đơn vị của PVFC chưa nhận thức đầy đủ vai trò quan trọng của công tác nghiên cứu thị trường nên đặt công tác này nằm ngoài hoạt động kinh doanh, do vậy nhiều khách hàng chưa thực sự hiểu biết về các dịch vụ mà công ty tài chính được thực hiện.

*** Nguyên nhân của hạn chế**

- Nguyên nhân khách quan

+ Môi trường pháp lý về hoạt động của công ty tài chính tại Việt Nam còn thiếu, yếu và chưa đồng bộ

Hệ thống quản lý các tổ chức tín dụng được hình thành bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ tài chính.... Việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong tổ chức thực hiện và hoạch định các chính sách tài chính tiền tệ vẫn chưa thực sự ăn

khớp, chưa đồng bộ và còn nhiều lúng túng. Do đó, môi trường pháp lý về hoạt động của các công ty tài chính tại Việt Nam còn thiếu, chưa đồng bộ.

Cũng như các công ty tài chính ở Việt Nam hiện nay, PVFC chịu sự điều chỉnh của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định về tổ chức và hoạt động của công ty tài chính, nhưng các cơ quan quản lý Nhà nước chưa ban hành đủ các văn bản dưới luật quy định và hướng dẫn thực hiện. Nhiều nghiệp vụ khi thực hiện phải được sự đồng ý chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như bao thanh toán, hoạt động ngoại hối, kinh doanh vàng...

+ Môi trường kinh doanh không ổn định

Trong các năm qua, trước tình trạng lạm phát tăng nhanh, tốc độ tăng trưởng kinh tế có xu hướng chậm lại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành chính sách lãi suất thả lỏng, tình hình cung đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng giảm xuống. Bên cạnh đó các ngân hàng thương mại cạnh tranh khốc liệt bằng cách không ngừng tăng lãi suất huy động vốn và hạ thấp lãi suất cho vay để lôi kéo khách hàng. Các ngân hàng thương mại lớn đặc biệt là các ngân hàng thương mại quốc doanh với các ưu thế về vốn, mạng lưới chi nhánh rộng lớn, được Nhà nước hỗ trợ... nên có lợi thế về lãi suất đầu vào thấp, tiết kiệm chi phí dẫn đến có điều kiện hạ lãi suất cho vay hoặc sẵn sàng chấp nhận lỗ để lôi kéo khách hàng.

+ Về mô hình hoạt động

Công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế là mô hình mới ở Việt Nam. Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan quản lý Nhà nước chưa thống nhất về quan điểm, chủ trương đối với hoạt động của các công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế. Từ chỗ có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau của các cơ quan quản lý Nhà nước đã dẫn đến tính kém hiệu

quả trong việc phát huy vai trò trung gian tài chính của các công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế. Điều đó thể hiện qua:

Thứ nhất, mặc dù đã có Nghị định về tổ chức và hoạt động của công ty tài chính, nhưng việc hướng dẫn thực hiện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề chưa khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các công ty tài chính. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa coi trọng vai trò của công ty tài chính trong hệ thống các tổ chức tín dụng, chưa có các văn bản riêng quy định đầy đủ hoạt động của công ty tài chính. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa thực sự tạo điều kiện tốt nhất để loại hình công ty tài chính phát triển, đồng thời quản lý công ty tài chính bằng một cơ chế chặt chẽ, đòi hỏi các công ty tài chính phải tuân thủ nghiêm ngặt các điều kiện an toàn trong hoạt động huy động, cho vay và đầu tư tài chính; cụ thể khi cần hoạt động phục vụ cho tổng công ty thì coi các công ty tài chính là một tổ chức tín dụng độc lập, khi cần hoạt động với vai trò của tổ chức tín dụng lại xem nó là một doanh nghiệp thuộc tổng công ty và giới hạn hoạt động của các công ty tài chính chủ yếu trong phạm vi một tổng công ty.

Thứ hai, các cơ quan quản lý Nhà nước chưa tập trung nghiên cứu để ban hành đầy đủ văn bản quy định về mô hình tổ chức và hoạt động của các công ty tài chính trong Tổng công ty Nhà nước và gần như để cho các công ty tài chính tự vật lộn, xoay sở với hệ thống cơ chế, chính sách về tiền tệ, tín dụng vừa thiếu, vừa thừa, vừa chồng chéo, vừa mâu thuẫn với nhau.

+ Về vấn đề khách hàng

Theo quyết định số 296/QĐ-NHNN5 ngày 25/08/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì tập đoàn kinh tế và các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc là một khách hàng, mỗi đơn vị thành viên hạch toán độc lập là một khách hàng. Hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng không quá 15% vốn tự có của công ty tài chính. Mức cho vay tối đa này trên thực tế là

quá nhỏ so với nhu cầu đầu tư vì vốn đầu tư cho một dự án của ngành dầu khí có giá trị rất lớn, nhiều dự án mà ngân hàng thương mại không đủ hạn mức tín dụng để cho vay, do đó PVFC chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ huy động vốn phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển của PVN.

+ Về vấn đề đồng tài trợ

Theo quyết định số 154/1998/QĐ-NHNN14 (điều 5) thì các công ty tài chính chỉ được phép tham gia đồng tài trợ, không được làm tổ chức đầu mối đồng tài trợ trong khi đó PVFC là tổ chức tín dụng phi ngân hàng, là định chế tài chính của PVN có đầy đủ khả năng đứng ra làm tổ chức tín dụng đầu mối các khoản cho vay hợp vốn đối với các dự án đầu tư phát triển của PVN và các đơn vị thành viên.

Thực tế cho thấy, nhiều tổ chức tín dụng trong và ngoài nước đã bày tỏ sự quan tâm và sẵn sàng tham gia đồng tài trợ cho các dự án đầu tư của PVN và các đơn vị thành viên của PVN trong trường hợp PVFC đứng ra làm tổ chức tín dụng đầu mối, đồng thời nhấn mạnh việc PVFC đứng ra làm tổ chức tín dụng đầu mối trong việc cho vay hợp vốn đối với các dự án đầu tư của PVN, của các đơn vị thành viên thuộc PVN sẽ giúp các tổ chức tín dụng này dễ dàng trong việc thu thập thông tin, đánh giá và thẩm định dự án cho vay có nhiều thuận lợi hơn là khi bản thân các ngân hàng thương mại đứng ra làm tổ chức tín dụng đầu mối.

+ Về đầu tư tài chính

Theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng thì mức góp vốn, mua cổ phần của công ty tài chính trong một doanh nghiệp không vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp và tổng số góp vốn, tổng giá trị mua cổ phần trong các doanh nghiệp không vượt quá 40% so với vốn điều lệ của công ty tài chính.

Các quy định này hạn chế sức mạnh đầu tư tài chính của các công ty tài chính nói chung và PVFC nói riêng.

+ Về cơ chế đầu tư tài chính của PVN

Hoạt động đầu tư tài chính của PVN hiện nay vẫn được thực hiện trực tiếp tại PVN thông qua các ban chức năng của PVN. Mặc dù có chủ trương giao PVFC thực hiện theo các chức năng, nhiệm vụ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, nhưng PVN vẫn chưa có cơ chế, chính sách khuyến khích PVFC đầu tư tài chính vào các đơn vị thành viên của PVN. PVN tham gia đầu tư vào nhiều dự án, phần vốn góp của PVN vẫn do PVN trực tiếp quản lý, PVN chưa sử dụng tối đa vai trò, vị thế của PVFC trong hoạt động đầu tư tài chính và quản trị công tác đầu tư tài chính.

+ Về cơ chế quản lý của PVN

Bộ máy tổ chức của PVN hiện nay lớn, gồm nhiều khối, nhiều cấp quản lý. PVN vẫn chưa xây dựng được cơ chế điều hành bảo đảm sự gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau giữa các đơn vị thành viên với nhau. Công tác theo dõi, quản lý hoạt động tài chính của các đơn vị thành viên có hiệu quả chưa cao, chưa phát hiện kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh của các đơn vị thành viên nói chung và PVFC nói riêng, các ban chức năng của PVN chưa đề xuất với lãnh đạo PVN các biện pháp khắc phục, giải quyết công việc một cách nhanh chóng, hiệu quả.

*** Nguyên nhân chủ quan từ phía PVFC**

- *Thứ nhất*, Đội ngũ cán bộ, nhân viên của PVFC có trình độ chuyên môn, được đào tạo nghiệp vụ cơ bản thuộc lĩnh vực tài chính tiền tệ - ngân hàng nhưng còn thiếu kinh nghiệm về tổ chức sản xuất kinh doanh của PVN, các đơn vị thành viên của PVN và thiếu hiểu biết các đặc tính công nghệ của các dự án đầu tư phát triển.

- *Thứ hai*, Việc tiếp xúc, tiếp thị đối với khách hàng là các đơn vị thành viên của PVN để tìm hiểu nhu cầu vốn, đáp ứng nhu cầu vay vốn ngắn hạn với lãi suất ưu đãi chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức. PVFC chưa thực hiện chính sách ưu đãi đặc biệt với các đơn vị thành viên của PVN, đặc biệt là các dự án trọng điểm.

- *Thứ ba*, Việc sửa đổi, hoàn chỉnh các thủ tục tín dụng, hồ sơ kinh doanh để vừa đảm bảo tính pháp lý, vừa tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ tối đa cho khách hàng, giảm bớt khó khăn còn chậm và thực hiện không dứt điểm.

- *Thứ tư*, Vai trò của PVFC chưa được coi trọng. Là một loại hình trung gian tài chính mới ở Việt Nam được ra đời sau khi xuất hiện sự sụp đổ của hệ thống quỹ tín dụng nên cũng như các công ty tài chính khác, PVFC chưa tích lũy được nhiều niềm tin của cả người cung lẫn người cầu về vốn. Bên cạnh đó, PVFC là công ty tài chính có tuổi đời ít nên chưa có nhiều niềm tin và sự ủng hộ tích cực của PVN và các đơn vị thành viên thuộc PVN.

- *Thứ năm*, Sự phối hợp hoạt động giữa các đơn vị thành viên của PVN với PVFC chưa chặt chẽ làm hạn chế hiệu quả hoạt động.

2.3. BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUA QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

2.3.1. Cần nhận thức và xác định rõ vai trò quan trọng của công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế

Công ty tài chính có vai trò là một tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tập đoàn kinh tế với chức năng tổ chức tín dụng đầu mối trong hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng, hoạt động đầu tư tài chính và cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính. Qua thực tiễn hoạt động của PVFC đã khẳng định được điều này. PVFC đã bắt đầu thực hiện vai trò là công cụ quản trị tài chính

của PVN. PVFC thực hiện phát hành trái phiếu PVFC thành công, thực hiện tốt nhiệm vụ là nhà tư vấn chuyên nghiệp để PVN phát hành trái phiếu thành công. Các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của PVN và các đơn vị thành viên của PVN được PVFC quản lý sử dụng hiệu quả hơn so với phương án PVN gửi tại các ngân hàng thương mại. Hoạt động đầu tư tài chính là hoạt động chủ lực của PVFC, đồng thời việc tham gia các dự án đầu tư do PVN và các đơn vị thành viên của PVN làm chủ đầu tư giúp cho các dự án được triển khai đảm bảo tiến độ và chất lượng, các dự án được PVFC trực tiếp cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính. Các hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính tiên tiến đặc biệt là dịch vụ tư vấn cổ phần hoá giúp cho các tập đoàn đẩy nhanh tiến độ đổi mới doanh nghiệp theo đúng kế hoạch của Chính phủ. Như vậy, qua hoạt động của PVFC khẳng định chủ trương thành lập các công ty tài chính trong tổng công ty Nhà nước là chủ trương hoàn toàn đúng đắn, chủ trương này là một bước hiện thực hoá việc xây dựng các tổng công ty Nhà nước phát triển thành các tập đoàn kinh tế mạnh hoạt động trong các lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế.

2.3.2. Đa dạng hoá hoạt động kinh doanh của PVFC, trong đó cần tăng cường hoạt động huy động vốn và đảm bảo thanh khoản trong hoạt động kinh doanh

Hoạt động huy động vốn của PVFC là sự vận dụng sáng tạo hiệu quả trong ngắn hạn các quy định văn bản pháp quy về mô hình tổ chức và hoạt động của công ty tài chính tại Việt Nam. Mặc dù không được phép nhận tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, nhưng cũng như hầu hết các công ty tài chính khác tại Việt Nam, PVFC huy động tiền gửi ngắn hạn qua hình thức hợp đồng quản lý vốn uỷ thác với các kỳ hạn từ 1, 2 đến 12, 24, 36 tháng. Về bản chất, việc triển khai hình thức hợp đồng quản lý vốn uỷ thác là hình thức triển khai các hoạt động huy động vốn mà pháp luật không cấm đối

với công ty tài chính. Việc này giúp cho các công ty tài chính có thể tăng nguồn huy động vốn, nhưng khách hàng không được bảo hiểm các khoản tiền do công ty tài chính quản lý, bên cạnh đó có thể gây ra rủi ro thanh khoản đối với PVFC khi khách hàng rút vốn trước hạn.

Để quản lý hoạt động huy động vốn của các công ty tài chính, đồng thời khuyến khích các công ty tài chính huy động mọi nguồn vốn trong xã hội đòi hỏi các cơ quan quản lý Nhà nước, đặc biệt là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần nhanh chóng ban hành đủ các văn bản quy định, hướng dẫn hoạt động của các công ty tài chính về hoạt động huy động vốn.

2.3.3. Trong hoạt động kinh doanh, cần phải kiểm soát được tốc độ tăng trưởng tín dụng và chất lượng tín dụng

Cũng như các ngân hàng thương mại, hoạt động cho vay của PVFC có tốc độ tăng trưởng nhanh và nóng. PVFC đạt chỉ tiêu tổng dư nợ cho vay, số dự án được tài trợ, số lượng các hợp đồng tín dụng ký kết, tổng giá trị các hợp đồng tín dụng, số lượng khách hàng của kỳ sau cao hơn kỳ trước, các thủ tục giải ngân được giảm bớt, tiến độ giải ngân được đẩy nhanh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu giải ngân của các chủ đầu tư.

Việc tăng trưởng tín dụng nóng đòi hỏi PVFC cần có các giải pháp để đảm bảo tốc độ tăng trưởng tín dụng phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế, hoạt động tín dụng cần được kiểm soát chặt chẽ từ khâu lựa chọn khách hàng, thẩm định tín dụng, giải ngân và quản lý sau giải ngân. Để hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả đòi hỏi PVFC cần có biện pháp kiểm soát và quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng của cán bộ tín dụng, quản trị và cơ cấu được các khoản nợ.

2.3.4. Cần phải chủ động tiếp cận và xây dựng được mối quan hệ bền vững với tất cả các đơn vị thành viên của PVN

Đối tượng khách hàng chính của PVFC là PVN và các đơn vị thành viên của PVN. Để phát huy tối đa hiệu quả kinh tế do các khách hàng mang lại, PVFC cần chủ động đáp ứng nhu cầu vay vốn ngắn hạn, vốn trung và dài hạn với lãi suất hợp lý; giảm bớt các khâu và thời gian thẩm định đối với cho vay trung và dài hạn, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thành viên của PVN trong việc lập kế hoạch giải ngân, thủ tục giải ngân, thủ tục thanh toán và nhận nợ giữa chủ đầu tư với bên nhận thầu...

Các đơn vị thành viên của PVN là khách hàng có tiềm lực tài chính mạnh, hoạt động ổn định, hiệu quả. Nhóm khách hàng chính này không những mang lại doanh thu, lợi nhuận ổn định cho PVFC mà còn giúp PVFC thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ là định chế tài chính của PVN.

2.3.5. Cần chủ động thúc đẩy hoạt động đầu tư tài chính và triển khai các hoạt động dịch vụ tài chính nhằm đa dạng hóa hoạt động của PVFC

Đây cũng chính là sự khác biệt cơ bản giữa các công ty tài chính với các ngân hàng thương mại Việt Nam. Các công ty tài chính lấy hoạt động đầu tư và cung cấp các dịch vụ tài chính là hoạt động mũi nhọn, lấy hoạt động trong trung và dài hạn với một nhóm khách hàng làm đặc điểm riêng biệt của công ty tài chính.

2.3.6. Tăng cường thiết lập mối quan hệ hợp tác có hiệu quả với nhiều tổ chức tín dụng trên thị trường tài chính

PVFC đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác cùng chia sẻ lợi ích với các ngân hàng thương mại quốc doanh, ngân hàng cổ phần, các ngân hàng liên doanh, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức tín dụng khác trong và ngoài nước. Đây là hướng đi đúng của PVFC, đặc biệt đối

với các tổ chức tín dụng phi ngân hàng không có nhiều lợi thế do thành lập sau.

Việc hợp tác này, ngoài việc mang lại hiệu quả cho công ty tài chính như tranh thủ được sự giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm nghiệp vụ chuyên môn, quản trị doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng đi trước có bề dày lịch sử, còn giúp PVFC có điều kiện để tìm kiếm nguồn vốn uỷ thác đầu tư và tiến hành đồng tài trợ cho các dự án của PVN. Cùng các tổ chức tín dụng khác tham gia đồng tài trợ cho các dự án của tập đoàn sẽ khắc phục được tình trạng khan hiếm nguồn vốn trong nước, hạn chế sự cạnh tranh trực tiếp với các ngân hàng thương mại có nhiều ưu thế hơn trong hoạt động huy động đồng thời giúp PVFC có nguồn vốn dài hạn, chi phí vốn hợp lý. Vấn đề này cần được phát huy để đảm bảo tăng trưởng tín dụng bền vững.

2.3.7. Vận dụng tổng hợp các nhân tố để nâng cao hiệu quả hoạt động của PVFC

Thực tế cho thấy, hiệu quả hoạt động của PVFC phụ thuộc vào chính công tác tổ chức, triển khai hoạt động, phụ thuộc vào quan điểm điều hành của lãnh đạo tập đoàn đối với PVFC và đặc biệt phụ thuộc vào sự năng động sáng tạo của đội ngũ CBCNV của PVFC. Thực tế hoạt động của PVFC cho thấy, PVFC đã vận dụng linh hoạt các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước, tranh thủ được sự ủng hộ của PVN, các đơn vị thành viên của PVN, nhưng đặc biệt PVFC có định hướng phát triển rõ ràng, tập thể CBCNV sáng tạo, cố gắng vươn lên, là tinh thần vượt khó để đạt được các mục tiêu. Thực tế hoạt động của PVFC cho thấy, chỉ các tập đoàn kinh tế thực sự mong muốn và xác định đúng đắn vai trò của công ty tài chính thì mới phát huy tối đa hiệu quả chức năng nhiệm vụ của công ty tài chính.

2.3.8. Cần coi trọng việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tỷ lệ an toàn của tổ chức tín dụng

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và quy định các tỷ lệ an toàn của tổ chức tín dụng. Thực tế hoạt động cho thấy hoạt động tín dụng của PVFC được tập trung thực hiện và đẩy mạnh ngay từ khi PVFC chính thức hoạt động.

Trong các năm qua, cùng với việc tăng trưởng tín dụng nóng thì đang xuất hiện nguy cơ có nhiều khoản vay của khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng, dẫn đến tỷ lệ nợ xấu có nguy cơ tăng nhanh và vượt quá tỷ lệ 3% so với dư nợ cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Cũng như phần lớn các tổ chức tín dụng khác, PVFC thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng tín dụng theo các tiêu chí định lượng, PVFC chưa xây dựng được hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nếu PVFC không tập trung xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và không có chương trình hành động để áp dụng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tỷ lệ an toàn của tổ chức tín dụng thì hoạt động của PVFC sẽ khó kiểm soát và phát triển không đúng mong muốn.

Kết luận chương 2

Trong chương 2, luận án đã khái quát những nét chủ yếu về bối cảnh ra đời của PVFC thuộc Tổng công ty Dầu khí, nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, luận án tập trung làm rõ thực trạng hoạt động của PVFC tại các lĩnh vực huy động vốn, sử dụng vốn, hoạt động dịch vụ tài chính, các mối quan hệ kinh tế với PVN và thành viên của PVN. Từ những kết quả, hạn chế trong hoạt động của PVFC, luận án đã làm rõ nguyên nhân của các hạn chế và rút ra tám bài học kinh nghiệm có ý nghĩa lý luận, thực tiễn với PVFC; đó cũng là cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp để thúc đẩy hoạt động trong giai đoạn tới của PVFC năng động hơn, hiệu quả hơn trong nền kinh tế thị trường.

CHƯƠNG 3
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ
THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

3.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC, THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

3.1.1. Tình hình kinh tế thế giới

Năm 2008, cuộc khủng hoảng tài chính khởi nguồn từ thị trường tín dụng nhà ở tại Mỹ đã nhanh chóng bùng phát và lan rộng để trở thành một cuộc khủng hoảng kinh tế trên phạm vi toàn cầu với mức độ tàn phá nặng nề nhất trong vài thập kỷ vừa qua. Nhiều ngân hàng trăm tuổi, những đế chế tài chính hùng mạnh và cả những doanh nghiệp vốn là niềm tự hào của nước Mỹ bỗng chốc sụp đổ hoặc đang đứng bên bờ vực thẳm của sự phá sản. Không chỉ Chính phủ Mỹ mà hầu hết Chính phủ của các nước trên thế giới đang có những cố gắng cao nhất nhằm ngăn chặn đà suy thoái. Cuộc khủng hoảng này còn cho thấy những lỗ hổng, những khiếm khuyết của nền kinh tế thị trường có thể tạo ra những cơn địa chấn mạnh như thế nào. Hơn bao giờ hết, vai trò của Chính phủ trong điều hành quản lý kinh tế được đề cao và có ý nghĩa sống còn đối với nền kinh tế.

Thực tế, khủng hoảng tài chính bùng phát tại Mỹ và lan rộng ra toàn cầu, kéo theo sự sụp đổ đồng loạt của nhiều đế chế tài chính khổng lồ, thị trường chứng khoán chao đảo, kinh tế nhiều nước công nghiệp phát triển lâm

vào tình trạng suy thoái... là những nét chủ đạo của nền kinh tế thế giới năm 2008. Tình trạng thị trường tài chính đóng băng ngày càng tồi tệ khiến ngân hàng Trung ương Mỹ, Anh, Nhật, EU và nhiều nước khác phải cắt giảm lãi suất hàng loạt để khơi thông dòng vốn. Kể từ đầu năm đến tháng 11 năm 2008, nước Mỹ đã 8 lần giảm lãi suất, từ đó lãi suất cơ bản từ 5% đã xuống chỉ còn 0,25%. Các nước này cũng tích cực bơm tiền nhằm hỗ trợ thanh khoản cho các tập đoàn tài chính, cũng như kích thích hoạt động tiêu dùng và cho vay. Trong đó, FED (Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ) quyết định dùng 700 tỷ đô la Mỹ để mua lại nợ xấu của các ngân hàng. Không lâu sau, vào các ngày 13-14/10/2008, nhiều nước Châu Âu đã công bố giải pháp hỗ trợ kinh tế khổng lồ lên tới 2.300 tỷ đô la Mỹ.

Nhiều nền kinh tế lớn, bắt đầu từ Nhật và EU tuyên bố rơi vào suy thoái. Mỹ, lần đầu tiên sau 8 năm, chính thức thừa nhận đã lâm vào tình trạng trên từ tháng 12 năm 2007. Tình trạng đóng băng của hệ thống tài chính tiếp tục dẫn đến sự giảm sút trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như chi tiêu của người dân. Hệ quả của tình trạng trên là nhiều doanh nghiệp phá sản và tỷ lệ thất nghiệp của nhiều nước tăng cao, chi tiêu và chỉ số lòng tin của người tiêu dùng rơi xuống mức thấp nhất trong nhiều năm. Trong ba tháng, tính tới cuối tháng 9 năm 2008, đã có hơn 30.000 doanh nghiệp Mỹ phá sản. Theo đó, tỷ lệ thất nghiệp của nước này tính tới ngày 31/12/2008 đã lên tới 6,7% mức cao nhất trong vòng 15 năm qua. Cuộc khủng hoảng tài chính cũng làm nhiều ngành công nghiệp lâm vào tình trạng khốn đốn.

Theo dự đoán của các chuyên gia kinh tế Mỹ nói riêng và thế giới nói chung cuộc khủng hoảng sẽ còn tiếp tục đi xuống chưa biết đến điểm dừng. Cường quốc số 1 thế giới và các nền kinh tế lớn khác có xu hướng chuyển dần từ lạm phát sang thiếu phát, trạng thái báo hiệu sự suy giảm kéo dài của

nền kinh tế, biểu hiện ở sự đi xuống của các thị trường tín dụng, nhà đất, lao động và thị trường tiêu dùng.

3.1.2. Tình hình trong nước

Những diễn biến bất thường của nền kinh tế thế giới, các nghiên cứu kinh tế tại Việt Nam đều thống nhất đánh giá khủng hoảng kinh tế toàn cầu và tình trạng suy thoái kinh tế ở nhiều nước công nghiệp phát triển có những ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam.

Thực tế, trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế và tham gia hội nhập ngày càng sâu rộng vào đời sống kinh tế quốc tế, mọi sự biến đổi kinh tế toàn cầu, đặc biệt là biến động ở các nền kinh tế lớn, chắc chắn sẽ có những tác động quan trọng tới nền kinh tế Việt Nam. Mức độ tác động bất lợi ấy, một mặt, phụ thuộc vào độ sâu và độ dài của các cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, tình trạng suy thoái kinh tế ở các nền kinh tế lớn, mặt khác, phụ thuộc vào sự chủ động ứng phó của Nhà nước và các doanh nghiệp Việt Nam. Tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu đến nền kinh tế Việt Nam được biểu hiện ở một số điểm chính sau:

- Về xuất nhập khẩu sẽ chịu ảnh hưởng cả trên ba phương diện: sụt giảm đơn đặt hàng do phía nước ngoài giảm nhập khẩu vì khó khăn về tài chính và kinh tế ở nước nhập khẩu, người tiêu dùng phải cắt giảm chi tiêu, sụt giảm giá cả các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như dầu thô, gạo, cao su, thủy sản, hàng may mặc và hàng giày dép... các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ buộc phải thu hẹp sản xuất do khó khăn về tài chính và khó khăn trong tiêu thụ hàng hóa. Trong khi ấy, đã xuất hiện những yếu tố gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Giá cả nguyên, nhiên vật liệu, chi phí đầu vào tăng khá cao gây khó khăn cho nhiều doanh nghiệp. Nhiều dự án của các doanh nghiệp phải điều chỉnh dự toán, tạm dừng hoặc giảm tiến độ. Việc đồng đô la Mỹ giảm

giá, có lúc ngân hàng hạn chế mua ngoại tệ của các đơn vị xuất khẩu, lãi suất cho vay tăng cao gây khó khăn cho các đơn vị sản xuất, xuất khẩu.

- Về nhập khẩu, có thể coi hai xu hướng diễn biến trái chiều: một mặt, có khả năng giảm bớt nhập siêu do giá cả nhiều mặt hàng nguyên, nhiên liệu giảm và nhu cầu trong nước cũng giảm xuống, mặt khác lượng nhập khẩu có thể gia tăng do các doanh nghiệp tranh thủ cơ hội giảm giá trên thị trường quốc tế để mua vào. Trong hai xu hướng đó, xu hướng thứ nhất có khả năng lớn hơn do hiện nay và trong tương lai các doanh nghiệp đều gặp khó khăn về tài chính.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng lớn. Điều này thể hiện trên ba phương diện: Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải cắt giảm sản xuất, thậm chí một số doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản do không có khả năng duy trì sản xuất và trang trải các khoản nợ. Các nguồn lực tài chính của chính phủ và các nhà đầu tư đều được ưu tiên đối phó với khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế, nguồn đầu tư nước ngoài sẽ bị suy giảm. Các doanh nghiệp thực hiện giảm vốn đầu tư đã đăng ký do khó khăn về tài chính và do sự đình đốn của thị trường.

- Về tài chính tiền tệ, khả năng huy động các nguồn tín dụng từ nước ngoài sẽ gặp nhiều khó khăn và ẩn chứa nhiều rủi ro, tỷ giá hối đoái biến động khôn lường... Điều đó ảnh hưởng tiêu cực đến đầu tư và thương mại quốc tế. Trong nước, thị trường tài chính, tiền tệ có nhiều biến động. Hệ thống ngân hàng bộc lộ những yếu kém trong việc bảo đảm tính thanh khoản, huy động và cho vay, vốn khả dụng của các ngân hàng thương mại thiếu, ở một số thời điểm đã để xảy ra tình trạng chạy đua lãi suất huy động trên thị trường. Cơ cấu vốn của các ngân hàng còn chưa phù hợp, tỉ lệ sử dụng vốn vay ngắn hạn để cho vay dài hạn quá lớn, khá phổ biến ở các ngân hàng thương mại cổ phần chưa được kiểm soát chặt chẽ. Thị trường chứng khoán suy giảm

ngghiêm trọng mặc dù Nhà nước đã có nhiều biện pháp hỗ trợ. Thị trường bất động sản tiếp tục có những diễn biến phức tạp và liên tục suy giảm. Các công cụ can thiệp thị trường để giảm áp lực nhập siêu triển khai chậm, không đồng bộ. Thực hành tiết kiệm trong chi tiêu và đầu tư công còn kém hiệu quả. Thời gian qua, để thực hiện mục tiêu tăng trưởng, từ những năm sau cuộc khủng hoảng kinh tế ở Châu Á (1997 - 1998), chúng ta đã thực hiện chính sách kích cầu bằng việc nới lỏng tín dụng, tăng chi tiêu ngân sách cho đầu tư... Chính sách này đã có tác dụng tích cực trong thời kỳ "thiếu phát", nhưng chưa được điều chỉnh kịp thời khi tình hình trong nước và thế giới đã thay đổi, nước ta gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, đặc biệt khi chỉ số giá tiêu dùng (viết tắt là CPI) tăng.

Nhìn chung, những tác động tiêu cực về mặt kinh tế trên đây làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp. Các doanh nghiệp gặp khó khăn trong kinh doanh không những không có khả năng thu hút thêm, mà còn có thể giảm bớt nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát tiếp tục tăng cao, vượt xa mức dự báo, đó là mức lạm phát cao nhất trong nhiều năm gần đây và cao hơn các nước trong khu vực. Lạm phát cao đã tác động lớn đến sản xuất của các doanh nghiệp và đời sống nhân dân, người làm công ăn lương, người lao động ở các khu công nghiệp và bộ phận dân cư có thu nhập thấp.

Trước biến động của tình hình trong nước và quốc tế do tác động của khủng hoảng kinh tế, Đảng và Nhà nước đã có một số giải pháp tích cực nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế. Các giải pháp bao gồm:

- *Chính sách tài chính*: Cùng với các biện pháp để tăng thu cho ngân sách Nhà nước, cần thực hiện chính sách tài chính chặt chẽ, tiết kiệm chi tiêu, thường xuyên nâng cao hiệu quả vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Tập trung các nguồn vốn để bảo đảm hoàn thành các công trình trọng điểm quốc gia, các công trình hoàn thành đúng tiến độ, không để kéo dài. Điều chỉnh kịp thời giá đầu vào các công trình đầu tư từ ngân sách để bảo đảm đúng tiến độ.

- *Chính sách tiền tệ*: Thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, chủ động, linh hoạt, phối hợp đồng bộ. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nắm chắc thông tin, kiểm soát chặt chẽ tổng phương tiện thanh toán, dư nợ tín dụng trong toàn bộ nền kinh tế, kiểm soát chặt cho vay kinh doanh bất động sản, kinh doanh chứng khoán của các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng. Điều chỉnh linh hoạt chính sách tiền tệ, bảo đảm tốc độ tăng trưởng tín dụng hợp lý, tạo khả năng thanh khoản tốt cho các tổ chức tín dụng và kiềm chế lạm phát. Tăng cường công tác giám sát các tổ chức tín dụng, bổ sung các công cụ giám sát theo cơ chế thị trường, theo thông lệ quốc tế để chủ động cảnh báo và xử lý tốt hơn đối với những biến động trên thị trường tín dụng, tiền tệ.

Quản lý chặt chẽ việc thành lập mới, việc phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ của các ngân hàng, các tổ chức tài chính, tiền tệ, chứng khoán, bất động sản, đặc biệt là các tập đoàn, tổng công ty lớn của Nhà nước, các ngân hàng thương mại theo xu hướng xây dựng đủ yêu cầu, tiêu chí theo thông lệ của nền kinh tế thị trường để các chủ thể kinh doanh tài chính tiền tệ phải tuân thủ nhằm xây dựng doanh nghiệp thật sự lành mạnh, bảo đảm lợi ích của mình và của cả nền kinh tế.

Kiểm soát vốn đầu tư nước ngoài và tỉ giá, điều hành tỉ giá giữa VND với đô la Mỹ và các loại ngoại tệ nói chung với biên độ hợp lý. Sớm áp dụng các biện pháp quản lý nguồn vốn đầu tư gián tiếp (viết tắt là FII) như nhiều nước đã áp dụng thành công. Tiếp tục có giải pháp tích cực, hiệu quả, chống đô la hoá nền kinh tế.

- *Quản lý thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản:* Quản lý chặt chẽ các nguồn vốn vay ngân hàng của các công ty để đầu tư vào thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, từng bước lành mạnh hoá hai thị trường này, khắc phục tình trạng đầu cơ, đẩy giá lên cao, khó kiểm soát như trong thời gian qua.

Chỉ đạo, rà soát để những đơn vị có đủ điều kiện và năng lực kinh doanh chứng khoán hoạt động lành mạnh, kiên quyết không cho thành lập đối với những đơn vị không đủ điều kiện kinh doanh. Tiếp tục thực hiện và đẩy mạnh chương trình cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước.

- *Tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất phát triển đi đôi với việc tăng cường các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân.*

Chính phủ cùng các Bộ, ngành đã thường xuyên có những buổi gặp gỡ, tiếp xúc với các doanh nghiệp để nắm bắt được tình hình thực tế, các vướng mắc, tồn tại, các kiến nghị đề xuất để từ đó, đưa ra các chính sách điều hành sát với thực tế, phần nào giải quyết được các bức xúc của doanh nghiệp. Cụ thể là các biện pháp về điều hành lãi suất linh hoạt, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ xuất khẩu cho các doanh nghiệp trong bối cảnh biến động của nền kinh tế toàn cầu, đã góp phần giúp nền kinh tế hoạt động an toàn và hiệu quả. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng đặc biệt quan tâm đến vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động, có chính sách hỗ trợ đối với những người mất việc làm, xây dựng các khu nhà cho công nhân thuê tại các khu công nghiệp, khu chế xuất qua đó đảm bảo vấn đề an sinh xã hội.

Nhìn chung, Nhà nước bằng những biện pháp tích cực tác động vào môi trường kinh tế vĩ mô nhưng tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 chỉ đạt 6,23%. Năm 2008, tình trạng bội chi ngân sách vẫn còn khá lớn (ở mức

4,95% GDP), bội chi ngân sách lớn và kéo dài là một trong những biểu hiện cụ thể của sự bất ổn định kinh tế vĩ mô. Tình trạng này có ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng ổn định và bền vững của nền kinh tế.

3.1.3. Thời cơ và thách thức đối với hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

3.1.3.1. Thời cơ

- Trong các năm qua, với chính sách thu hút đầu tư phù hợp, môi trường kinh doanh ngày càng được hoàn thiện nên Việt Nam đã thu hút được lượng vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp khổng lồ và được nhiều nhà đầu tư nước ngoài đánh giá là hấp dẫn. Việc thu hút được đầu tư nước ngoài lớn tạo nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam cùng tham gia hợp tác phát triển sản xuất kinh doanh. Cùng với các doanh nghiệp Việt Nam, các tổ chức tín dụng Việt Nam có thêm đối tượng khách hàng cả trong và ngoài nước. Cơ hội mở rộng lĩnh vực hoạt động, cung cấp thêm nhiều sản phẩm dịch vụ đa dạng, mở rộng đối tượng khách hàng của tất cả các tổ chức tín dụng Việt Nam. Bên cạnh đó, thực hiện lộ trình cam kết mở cửa thị trường khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, từng bước Việt Nam mở cửa lĩnh vực tài chính ngân hàng, việc mở cửa lĩnh vực tài chính ngân hàng giúp các tổ chức tín dụng Việt Nam có cơ hội được tiếp cận với công nghệ quản trị doanh nghiệp, công nghệ ngân hàng tài chính hiện đại, đặc biệt là có cơ hội để đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ nhằm cạnh tranh với các tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Được hợp tác với các tổ chức tín dụng nước ngoài có bề dày kinh nghiệm, công nghệ ngân hàng hiện đại, phong cách làm việc chuyên nghiệp, ngoài việc hợp tác để tồn tại, để không thua trên sân nhà thì bắt buộc các tổ chức tín dụng Việt Nam phải đổi mới toàn diện hoạt động vừa là sức ép vừa là cơ hội để các tổ chức tín dụng Việt Nam phát triển bền vững.

- Khi hội nhập Tổ chức thương mại thế giới, các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng Việt Nam được hưởng lợi thế của người đi sau, là cơ hội tốt để học hỏi các kinh nghiệm thành công cũng như thất bại và nguyên nhân thất bại của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trên thế giới, đặc biệt là các nước trong khu vực. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế trong nước, quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế mở ra cơ hội mới thu hút các nguồn vốn lớn. Quá trình hội nhập quốc tế có ảnh hưởng to lớn đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói chung và công ty tài chính nói riêng. Hội nhập quốc tế, một mặt mở ra cơ hội mới trong việc tiếp xúc với công nghệ tài chính ngân hàng hiện đại, thu hút được các nguồn vốn lớn, mặt khác, làm gia tăng sự cạnh tranh. Các tổ chức tín dụng trong nước sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các tổ chức tín dụng nước ngoài có bề dày lịch sử, có kinh nghiệm hoạt động với trình độ quản trị doanh nghiệp tiên tiến, công nghệ ngân hàng hiện đại và có năng lực tài chính hùng mạnh. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tích cực chỉ đạo việc rà soát để sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng đảm bảo phù hợp với các cam kết khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới.

3.1.3.2. Thách thức

- Trong quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thực hiện tốt vai trò là đại diện của Chính phủ tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như Quỹ tiền tệ thế giới, Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển Châu Á, tiếp tục duy trì và mở rộng mối quan hệ đối ngoại với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, các tổ chức đa phương và song phương về lĩnh vực tài chính ngân hàng. Một số cam kết chủ yếu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các tổ chức tín dụng Việt Nam, bao gồm các nội dung:

+ Kể từ ngày 01/04/2007, ngân hàng 100% vốn nước ngoài được phép thành lập tại Việt Nam.

+ Các tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam được phép cung ứng hầu hết các loại hình dịch vụ ngân hàng theo mô tả trong phụ lục về dịch vụ tài chính ngân hàng kèm theo Hiệp định GATS như cho vay, nhận tiền gửi, cho thuê tài chính, kinh doanh ngoại tệ, các công cụ của thị trường tiền tệ, các công cụ phái sinh, môi giới tiền tệ, quản lý tài sản, cung cấp dịch vụ thanh toán, tư vấn và thông tin tài chính.

- Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận tiền gửi bằng VNĐ không giới hạn từ các pháp nhân. Việc huy động tiền gửi bằng VNĐ từ các thể nhân Việt Nam sẽ được nói lỏng trong vòng 5 năm theo lộ trình sau:

Ngày 1 tháng 1 năm 2007: 650% vốn pháp định được cấp.

Ngày 1 tháng 1 năm 2008: 800% vốn pháp định được cấp.

Ngày 1 tháng 1 năm 2009: 900% vốn pháp định được cấp.

Ngày 1 tháng 1 năm 2010: 1000% vốn pháp định được cấp.

Ngày 1 tháng 1 năm 2011: Đối xử quốc gia đầy đủ.

+ Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được giành đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc đầy đủ trong việc thiết lập và vận hành hoạt động các máy rút tiền tự động.

+ Các tổ chức tín dụng nước ngoài được phép phát hành thẻ tín dụng trên cơ sở đối xử quốc gia kể từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới.

+ Một ngân hàng thương mại nước ngoài có thể đồng thời mở một ngân hàng con và các chi nhánh hoạt động tại Việt Nam.

+ Các ngân hàng nước ngoài có thể tham gia góp vốn liên doanh với đối tác Việt Nam với tỷ lệ góp vốn không vượt quá 50% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh, tổng mức góp vốn mua cổ phần của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại từng ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam không được vượt quá 30% vốn điều lệ của ngân hàng đó, trừ khi pháp luật Việt Nam có quy định khác hoặc được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- Mặc dù nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đã được ban hành, nhưng quá trình thực hiện phụ thuộc nhiều vào ý chí và khả năng tổ chức triển khai của Chính phủ cũng như của các cơ quan quản lý Nhà nước, quá trình đổi mới phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi phải có sự quyết tâm cao của các thành phần kinh tế trong xã hội. Đây là khó khăn đối với Việt Nam, khó khăn này mang lại nhiều thách thức lớn đối với các doanh nghiệp trong đó có các tổ chức tín dụng.

- Việt Nam vẫn là nước nghèo và đang ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển kinh tế, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thu nhập bình quân tính theo đầu người theo cân bằng sức mua của một người dân Việt Nam trung bình chỉ bằng 2/3 so với In-đô-nê-xia và 1/3 so với Thái Lan. Đất nước nghèo, nhiều việc phải làm dẫn đến sự quan tâm không đầy đủ và chưa kịp thời đối với nhu cầu đòi hỏi khách quan của các doanh nghiệp. Thách thức này đòi hỏi cả người dân và các doanh nghiệp cùng nhau khắc phục. Thách thức đối với các tổ chức tín dụng là đảm bảo hoạt động an toàn, tăng trưởng bền vững trong khi nền kinh tế phát triển chưa ổn định, thị trường tài chính tiền tệ có nhiều biến động khó lường.

- Hiệu quả đầu tư thấp, chỉ số ICOR của Việt Nam giai đoạn 1991 đến 2007 là 3,5 đây là chỉ số cao hơn rất nhiều so với các nước đang phát triển. Như vậy, hiệu quả đồng vốn đầu tư của Việt Nam thấp, điều đó có nghĩa là

các doanh nghiệp Việt Nam đặc biệt là các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động chưa hiệu quả, làm trói buộc nguồn lực quốc gia và làm phát sinh nợ xấu tại các tổ chức tín dụng. Trong các năm tiếp theo, nếu Việt Nam không nâng cao hiệu quả đầu tư thì đây chính là thách thức ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của các tổ chức tín dụng.

- Các thông tin của Chính phủ về chiến lược phát triển các ngành, các điều kiện kinh tế, chính sách doanh nghiệp, chỉ số kinh tế - xã hội... chưa minh bạch, chưa được cung cấp kịp thời, nhiều số liệu không được công bố hoặc công bố không đầy đủ, không chính xác làm ảnh hưởng đến hoạt động của thị trường tài chính. Do môi trường hoạt động ngành bị ảnh hưởng xấu nên các tổ chức tín dụng cũng bị ảnh hưởng theo. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ tài chính, Bộ kế hoạch đầu tư chưa hợp lý dẫn đến việc quản lý Nhà nước chưa thống nhất và khó thực hiện.

3.2. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ nền kinh tế theo định hướng thị trường có sự quản lý điều tiết của Nhà nước và ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Trong quá trình đó, việc mở cửa ngành tài chính ngân hàng, hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh quyết liệt trước các tập đoàn tài chính ngân hàng nước ngoài hùng mạnh. Thực tế cho thấy, nhu cầu phát triển của các tổ chức tín dụng, trong đó có ngân hàng thương mại và công ty tài chính ở Việt Nam thành các tập đoàn tài chính ngân hàng như một tất yếu khách quan trong quá trình phát triển.

PVFC là thành viên của PVN nên sự phát triển của nó gắn liền với phương hướng phát triển của PVN.

3.2.1. Về phương hướng phát triển của PVN

- Phát triển ngành dầu khí Việt Nam trên cơ sở nguồn tài nguyên trong nước, đồng thời tích cực mở rộng đầu tư ra nước ngoài, khai thác và sử dụng dầu khí một cách hợp lý, đảm bảo an ninh năng lượng và sự phát triển bền vững của đất nước. Phát triển ngành dầu khí Việt Nam đồng bộ, hiệu quả, an toàn, mang tính đa ngành, đa lĩnh vực, đa sở hữu và liên ngành. Phát huy nội lực kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế và thu hút đầu tư nước ngoài để thăm dò, gia tăng nhanh trữ lượng dầu khí, ưu tiên hợp tác để tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí trước những vùng nước sâu, xa bờ, những vùng còn tranh chấp, chồng lấn.

- Đảm bảo kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế với các tập đoàn đồng thời khuyến khích sự tham gia tối đa của các thành phần kinh tế khác trong lĩnh vực dịch vụ, vận chuyển, chế biến, phân phối sản phẩm... Phát triển ngành dầu khí đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng, tăng cường sức mạnh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

- Phát triển ngành dầu khí trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, bao gồm tìm kiếm thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, phân phối, dịch vụ và xuất nhập khẩu. Xây dựng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phát triển vững mạnh, kinh doanh đa ngành trong nước và quốc tế.

Với phương hướng trên, thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, mục tiêu xây dựng PVN thành tập đoàn kinh tế mạnh, trong các năm tới PVN tập trung thực hiện các mục tiêu: phát triển ngành dầu khí không chỉ dựa vào nguồn tài nguyên sẵn có trong nước, phải tính đến việc mở rộng hoạt động dầu khí ra nước ngoài để đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước, phát triển các doanh nghiệp Nhà nước nhằm đóng vai trò chủ đạo trong ngành dầu khí, phát triển có chọn lựa trên cơ sở thế mạnh so sánh để nhanh

chóng hoà nhập, đứng vững trong thị trường khu vực và thế giới; phát triển ngành dầu khí Việt Nam trên cơ sở tăng cường hợp tác quốc tế; phát triển ngành dầu khí đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái và tiết kiệm năng lượng.

3.2.2. Phương hướng và mục tiêu phát triển của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

3.2.2.1. Phương hướng

- Phát triển Công ty tài chính Dầu khí trở thành tập đoàn tài chính hàng đầu tại Việt Nam. Đến năm 2015 Công ty tài chính Dầu khí sẽ là tập đoàn tài chính quan trọng nhất, là xương sống trong hệ thống các định chế tài chính khác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đáp ứng được tối đa nhu cầu vốn cho các dự án của Tập đoàn. [7, Tr 1-4].

- Phát triển Công ty tài chính Dầu khí dựa trên cơ sở vị thế tài chính của ngành Dầu khí và phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Phát triển Công ty tài chính Dầu khí nhanh và bền vững với các sản phẩm dịch vụ đa dạng, trong đó sản phẩm đầu tư tài chính, dịch vụ tài chính là sản phẩm nòng cốt.

3.2.2.2. Mục tiêu phát triển của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

- Phân đấu mức tăng trưởng bình quân 30%/năm giai đoạn đến năm 2010 và từ 15% – 20%/năm từ năm 2010 trở đi.

- Nguyên tắc phát triển: Hoạt động của Công ty Tài chính Dầu khí trên 4 nguyên tắc căn bản là An toàn - Hiệu quả - Lành mạnh - Kiểm soát được rủi ro.

Về định hướng phát triển, PVFC chia làm 3 giai đoạn:

Giai đoạn một, từ năm 2007 đến năm 2010: Nhanh chóng hoàn thiện, xây dựng PVFC thành Tập đoàn tài chính Dầu khí với các mục tiêu cụ thể:

+ Tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng của các chỉ tiêu, hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động giai đoạn 2007 - 2010.

+ Hoàn thành các nhiệm vụ quan trọng xây dựng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm: đổi mới doanh nghiệp, đảm bảo thu xếp vốn tín dụng cho các dự án đầu tư trong ngành dầu khí.

+ Hoàn thiện bộ máy tổ chức và cơ cấu bộ máy điều hành PVFC.

+ Hoàn thành việc xây dựng mô hình tổ chức và hoạt động gắn với triển khai các nhiệm vụ chiến lược và phù hợp với yêu cầu thị trường, tổ chức khoa học hợp lý theo mô hình Tập đoàn Tài chính.

+ Về mạng lưới hoạt động: hoàn thành cơ bản việc thành lập các chi nhánh và công ty con, thành lập mới 18 chi nhánh trong nước, có từ một đến hai chi nhánh tại nước ngoài (tại Hồng Kông hoặc Xing-ga-po), 3 công ty tài chính khu vực Bắc, Trung, Nam. Hoàn thành việc thành lập 5 công ty con (Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư tài chính Dầu khí, Công ty cổ phần Đầu tư và tư vấn tài chính Dầu khí, Công ty cổ phần Chứng khoán tài chính Dầu khí, Công ty cổ phần Bất động sản tài chính Dầu khí, Công ty cổ phần truyền thông tài chính Dầu khí). Thành lập mới hoặc đầu tư cổ phần vào các ngân hàng, công ty tài chính, công ty chứng khoán, công ty cho thuê tài chính...

+ Chuẩn hoá hoạt động của các phòng giao dịch, văn phòng đại diện, chi nhánh trong toàn hệ thống.

+ Về nhân sự: Có đủ bộ máy lãnh đạo quản lý cấp trung trở lên, tuyển dụng đủ các vị trí quản lý, kinh doanh chủ chốt, tuyển dụng, đào tạo cán bộ theo chương trình có mục tiêu để hình thành đội ngũ chuyên gia cho PVFC.

+ Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất và các điều kiện khác để hội nhập. Hoàn thiện hệ thống các văn bản quản lý gồm các quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ, chuẩn hoá các nghiệp vụ, xây dựng mới hệ thống công

nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển. Triển khai xây dựng trụ sở chính và trụ sở các chi nhánh.

Giai đoạn hai, từ năm 2011 đến năm 2015:

Đây là giai đoạn tăng tốc với các mục tiêu:

- + Nâng cao chất lượng toàn diện hệ thống PVFC.
- + Tích cực tham gia đầu tư tài chính vào các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, quỹ đầu tư và các đơn vị thuộc lĩnh vực khuyến khích của Chính phủ...

- + Thành lập thêm 2 chi nhánh ở nước ngoài (Luân - đôn, Niu - óc).

- + Đẩy mạnh hoạt động trên thị trường tài chính quốc tế và mở rộng quan hệ đối ngoại, tham gia hoạt động trên các thị trường tài chính lớn như Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ.

- + Thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ theo lộ trình, đảm bảo đến năm 2015 vốn điều lệ tương đương 1 tỷ USD.

Giai đoạn ba, từ năm 2016 đến năm 2025:

Đây là giai đoạn phát triển bền vững với các mục tiêu:

- + Duy trì tốc độ phát triển ổn định trên tất cả các hoạt động.

- + Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống.

[7, Tr 1-4].

3.3. GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

3.3.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý đối với các tổ chức tín dụng, trong đó có các công ty tài chính

Quá trình đổi mới nền kinh tế Việt Nam, tham gia hội nhập quốc tế và khu vực đặt ra yêu cầu phải đổi mới căn bản và toàn diện hệ thống tài chính ngân hàng. Căn cứ vào chủ trương đổi mới của Đảng và Nhà nước, ngành tài chính ngân hàng xây dựng mục tiêu đổi mới nhằm thích ứng với điều kiện

kinh tế thị trường, phục vụ và thúc đẩy nền kinh tế, tạo vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế mở, tăng cường cạnh tranh và hội nhập với cộng đồng tài chính quốc tế. Luật ngân hàng và Luật các tổ chức tín dụng thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước trong việc tiếp tục đổi mới toàn diện và triệt để hệ thống tài chính ngân hàng.

Hiện nay, hệ thống văn bản pháp lý của Việt Nam chưa có một văn bản nào quy định hoàn chỉnh về sự kết hợp giữa các tổ chức tín dụng riêng biệt có nguyện vọng tập hợp lại thành một thể thống nhất dưới sự chỉ đạo của tập đoàn tài chính ngân hàng, bao gồm các quy định pháp lý về sáp nhập, hợp nhất, mua lại các tổ chức tín dụng. Trong khi đó khung pháp lý về mua bán và sáp nhập là nền tảng quan trọng nhằm thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung vốn công khai minh bạch tại các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, văn bản pháp lý khác không kém phần quan trọng, có tác động trực tiếp tới việc hình thành và phát triển tập đoàn tài chính ngân hàng là luật điều chỉnh mô hình kinh doanh mới này về các vấn đề nền tảng như định nghĩa tập đoàn tài chính ngân hàng, những tiêu chí, điều kiện để thành lập tập đoàn tài chính ngân hàng, những quy định về cấu trúc tổ chức quản lý, chuẩn mực kế toán. Luật doanh nghiệp của Việt Nam năm 2005 cũng như các văn bản dưới luật khác chưa quy định cụ thể mang tính đặc thù của mô hình mới này. Do đó, phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế thế giới, để tập đoàn tài chính ngân hàng Việt Nam ra đời và có hành lang pháp lý hoạt động, Chính phủ Việt Nam cần sớm xem xét, trình Quốc hội ban hành Luật quy định hoạt động của tập đoàn tài chính ngân hàng.

Các công ty tài chính nói chung và công ty tài chính thuộc các tổng công ty (tập đoàn kinh tế) Nhà nước ở Việt Nam hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, chịu sự điều chỉnh của Nghị định 79/2002/NĐ-CP quy định về mô hình tổ chức và hoạt động của các công ty tài chính. Ngoài ra mô hình tổ

chức, các hoạt động nghiệp vụ của công ty tài chính thực hiện theo các thông tư hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động của các ngân hàng thương mại. Như vậy, mặc dù công ty tài chính là một tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có quy định về chức năng nhiệm vụ, hoạt động với đặc thù khác biệt so với các ngân hàng thương mại nhưng hiện nay vẫn chưa có đủ các văn bản riêng biệt quy định về loại hình hoạt động của công ty tài chính, đặc biệt là các công ty tài chính thuộc các tổng công ty (tập đoàn kinh tế) Nhà nước. Do đó, để thực hiện đúng và phát huy chức năng nhiệm vụ của công ty tài chính, cũng như thực hiện đúng chủ trương phát triển loại hình công ty tài chính tại Việt Nam đòi hỏi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan quản lý sớm nghiên cứu để tham mưu cho Chính phủ xem xét, trình Quốc hội ban hành bổ sung Luật các tổ chức tín dụng quy định đầy đủ hoạt động của công ty tài chính.

Để theo kịp sự phát triển của các tổ chức tài chính hiện đại trên thế giới đòi hỏi môi trường pháp lý nói chung đối với tổ chức tín dụng, môi trường pháp lý nói riêng cho hoạt động của công ty tài chính cần được hoàn thiện và bổ sung đầy đủ theo cam kết gia nhập Tổ chức thương mại thế giới của Việt Nam như ban hành các luật chuyên ngành về hoạt động của các tổ chức tín dụng nói chung, các tổ chức tín dụng phi ngân hàng nói riêng, đảm bảo các công ty tài chính có môi trường pháp lý đầy đủ, thuận lợi trong triển khai hoạt động.

Thực tế, hoạt động của công ty tài chính cho thấy các công ty tài chính ít lợi thế hơn so với các ngân hàng thương mại. Điểm khác biệt cơ bản giữa ngân hàng thương mại và công ty tài chính ở Việt Nam là ngân hàng thương mại được huy động tiền gửi với mọi kỳ hạn, được thực hiện chức năng thanh toán. Việt Nam là nước nông nghiệp mới chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, đất nước chịu ảnh hưởng hậu quả nghiêm trọng sau nhiều năm chiến

tranh, nền kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém, bên cạnh đó hiểu biết của người dân, của các thành phần kinh tế về kinh tế thị trường, về tài chính ngân hàng còn hạn chế, đặc biệt về thị trường vốn và thị trường tài chính tiền tệ. Chính vì vậy, các tổ chức tín dụng huy động tiền gửi của dân và các tổ chức kinh tế với kỳ hạn từ 12 tháng trở lên là rất khó khăn. Việc chưa cho phép các công ty tài chính huy động tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng làm hạn chế và tạo rào cản trong việc huy động nguồn vốn hoạt động của các công ty tài chính. Để phù hợp với thực tế, phù hợp với đặc điểm của thị trường tài chính tiền tệ Việt Nam cần cho phép công ty tài chính được huy động tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng. Để giải quyết vấn đề này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần sớm xem xét, đánh giá toàn diện về hoạt động huy động của các công ty tài chính ở Việt Nam để trình Chính phủ, Quốc hội điều chỉnh phù hợp.

3.3.2. Đa dạng hoá hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí

3.3.2.1. Duy trì và phát triển hoạt động truyền thống Công ty tài chính Dầu khí

- Phát triển hoạt động huy động vốn

Hơn 10 năm qua, các tổ chức tín dụng đóng vai trò chủ yếu trong hoạt động huy động vốn cho nền kinh tế, tổng nguồn vốn huy động hàng năm tăng trưởng khoảng 25% - 30%. Trong hoạt động huy động vốn hiện nay, PVFC phải cạnh tranh trực tiếp với hệ thống các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm các công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, các quỹ đầu tư, các doanh nghiệp hoạt động bảo hiểm, các doanh nghiệp có chức năng huy động và cả các tổ chức kinh tế khác trong nền kinh tế. Do đó, để đảm bảo nguồn vốn và đảm bảo tính thanh khoản của PVFC thì cần thiết cần đẩy mạnh hoạt động huy động vốn.

PVFC cần xây dựng, áp dụng chiến lược huy động vốn đảm bảo tạo dựng được nguồn vốn vững chắc, ổn định đáp ứng nhu cầu kinh doanh, đặc biệt là nguồn vốn trung và dài hạn. Các nguồn huy động vốn đa dạng, chú trọng huy động vốn từ PVN và các đơn vị thành viên của PVN, từ hệ thống ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam, từ các tổ chức tài chính trong và ngoài nước. PVFC cần thực hiện chủ trương tối đa hoá hạn mức tín dụng tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính Việt Nam, tăng cường nguồn vốn bổ sung từ các tổ chức tài chính quốc tế. Đa dạng hoá các hình thức huy động bao gồm huy động từ phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, quản lý dòng tiền, nhận uỷ thác đầu tư, nhận uỷ thác quản lý vốn, huy động từ nguồn vốn uỷ thác của Chính phủ, Bộ Tài chính, huy động từ PVN và các đơn vị thành viên của PVN, huy động từ các tổ chức kinh tế và từ dân cư. Mở rộng đối tượng và hình thức huy động mọi nguồn vốn trong xã hội, trong đó đặc biệt lưu ý các nguồn vốn từ các định chế tài chính và tổ chức kinh tế như các công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư... Sử dụng thị trường chứng khoán và huy động vốn qua phát hành trái phiếu công ty là kênh chủ yếu để huy động vốn trung và dài hạn.

+ Huy động vốn từ PVN và các đơn vị thành viên của PVN

Để nâng cao hiệu quả sử dụng, đảm bảo quản lý tập trung thống nhất các nguồn vốn đầu tư của PVN, đồng thời đa dạng hoá các hình thức huy động vốn của PVFC, PVN cần xác định và sử dụng PVFC thực sự là công cụ quản trị tài chính của PVN. PVN nên uỷ quyền và giao cho PVFC thực hiện nhiệm vụ quản lý các nguồn vốn của PVN đảm bảo nguyên tắc an toàn và sinh lời.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của PVN và các đơn vị thành viên của PVN luôn phát sinh các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi. Để nâng cao hiệu quả của đồng vốn, không để tình trạng dư thừa nguồn vốn tạm thời

của PVN và các đơn vị thành viên của PVN, không để tình trạng dư thừa và/hoặc thiếu hụt nguồn vốn cục bộ tại một vài đơn vị thành viên của PVN đồng thời đảm bảo yêu cầu cân đối tài chính trong tập đoàn, PVFC cần tổ chức thực hiện việc quản lý các khoản tiền nhàn rỗi của PVN và các đơn vị thành viên của PVN. Việc quản lý, vận hành các nguồn vốn của PVN theo nguyên tắc sinh lời, kích hoạt, sử dụng một cách hiệu quả cũng như tạo ra sức mạnh tài chính tập trung toàn tập đoàn trên cơ sở thống nhất quản lý và sử dụng vốn.

Quản lý nguồn vốn của PVN và các đơn vị thành viên của PVN là giải pháp quan trọng quyết định tới hoạt động huy động vốn của PVFC, đồng thời đây là một kênh huy động vốn ổn định lâu dài cho PVFC.

+ Huy động vốn từ các tổ chức tín dụng

Công ty tài chính là một thành viên của hệ thống các tổ chức tín dụng, hoạt động huy động vốn của PVFC cần được gắn chặt với việc huy động vốn từ hệ thống các tổ chức tín dụng. Chiến lược quan hệ với các ngân hàng thương mại đảm bảo nguyên tắc: quan hệ chặt chẽ với các ngân hàng thương mại quốc doanh, quan tâm chú trọng tới các ngân hàng thương mại cổ phần và tổ chức tín dụng khác.

Đẩy mạnh quan hệ, xây dựng mối quan hệ hiệu quả với các ngân hàng thương mại để gia tăng và ổn định hạn mức tín dụng với lãi suất hợp lý là mục tiêu của PVFC. Các ngân hàng thương mại có hệ thống mạng lưới rộng khắp, không bị giới hạn về hình thức, thời gian, đối tượng huy động nên có nguồn vốn huy động phong phú. Trong quá trình hoạt động của các tổ chức tín dụng, nhiều tổ chức tín dụng không sử dụng hết nguồn vốn huy động, có một lượng vốn dư thừa nhất định, PVFC có thể tận dụng nguồn vốn dư thừa của ngân hàng thương mại để tạo nguồn vốn hoạt động của mình. Ngoài nguồn vốn từ hạn mức tín dụng của các ngân hàng thương mại quốc doanh,

PVFC cần đa dạng hoá việc huy động vốn từ các tổ chức tín dụng thông qua tìm kiếm các nguồn tài trợ từ ngân hàng thương mại cổ phần, công ty tài chính khác, các ngân hàng liên doanh, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

+ Huy động vốn từ các định chế tài chính, tổ chức kinh tế, dân cư

Nguồn vốn huy động tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi tích lũy của các doanh nghiệp trong cùng ngành, các tổ chức kinh tế xã hội và dân cư là một giải pháp huy động vốn của PVFC. Để việc huy động này đạt hiệu quả, trong thời gian tới các công ty tài chính cần phát triển mạnh theo hướng nhận tiền gửi linh hoạt, nhận uỷ thác quản lý vốn và nhận uỷ thác đầu tư cho các đơn vị cùng ngành, các tổ chức kinh tế xã hội và dân cư. PVFC cần phối hợp với các quỹ đầu tư, các định chế tài chính có chức năng huy động để cùng nhau khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn vốn huy động.

+ Huy động vốn từ phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu

Phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu là kênh huy động vốn trung, dài hạn của các công ty tài chính nói chung và của PVFC nói riêng. PVFC cần có giải pháp để huy động vốn qua các hình thức này phù hợp với nhu cầu vốn và chiến lược sử dụng vốn của PVFC trong từng thời kỳ. Để thực hiện hiệu quả kênh huy động này, PVFC cần xây dựng kế hoạch huy động dựa trên các nội dung:

- Căn cứ vào khả năng huy động vốn từ các tổ chức kinh tế, các tầng lớp dân cư và nhu cầu vốn đầu tư trong từng giai đoạn để quy định tỷ lệ lãi suất phù hợp nhằm đạt mục tiêu huy động đủ vốn theo kế hoạch huy động, xoay quanh lãi suất liên ngân hàng của các ngân hàng thương mại với các chi phí phát hành hợp lý, đảm bảo nguyên tắc lãi suất phát hành trái phiếu, chứng

chỉ tiền gửi và kỳ phiếu phù hợp với lãi suất trái phiếu cùng kỳ hạn của các tổ chức tín dụng khác.

- Phát hành nhiều loại trái phiếu có kỳ hạn khác nhau từ 1 đến 5 năm với nhiều mệnh giá khác nhau phù hợp với nhu cầu và khả năng của người mua, phù hợp với chu kỳ phát triển kinh tế - xã hội và chính sách tài chính tiền tệ của Nhà nước.

- Sử dụng nhiều phương thức thanh toán như trả lãi một lần cùng tiền gốc, trả lãi định kỳ và trả gốc cuối kỳ, trả lãi ngay khi phát hành và trả lãi gốc cuối kỳ.

- Đối tượng khách hàng mua trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi tập trung vào các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài.

- Sử dụng hệ thống các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác trong, ngoài nước để bán trái phiếu.

- Sử dụng các chính sách ưu đãi khác khi khách hàng mua trái phiếu như tổ chức việc mua lại, làm trung gian mua bán, tạo điều kiện cho người có trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi được vay thế chấp, cầm cố hoặc được hưởng ưu đãi khi sử dụng các dịch vụ khác của PVFC.

- Đảm bảo giá trị tiền gửi thông qua phát hành trái phiếu huy động bằng ngoại tệ hoặc trái phiếu huy động bằng VNĐ có đảm bảo bằng ngoại tệ, vàng hoặc các tài sản có giá trị ổn định.

+ Huy động vốn từ nước ngoài

Trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới, các tổ chức tín dụng nói chung và PVFC nói riêng có nhiều cơ hội để tiếp cận với các nguồn vốn lớn với chi phí hợp lý của các tổ chức tín dụng, các tổ chức kinh tế trên thế giới. Việc tiếp cận các tổ chức tín dụng, tài chính nước ngoài sẽ mang lại cho PVFC một kênh huy động vốn mới với số lượng lớn và lãi suất hợp lý.

Tìm kiếm và khơi thông nguồn vốn quốc tế qua các hình thức vay thương mại, đồng tài trợ, nguồn đầu tư trực tiếp FDI vào ngành dầu khí trong đó PVFC là đơn vị nhận uỷ thác trung chuyển. Để thực hiện được giải pháp này, PVFC cần sử dụng hiệu quả vị thế của PVN bởi vì PVN là tập đoàn kinh tế chủ lực của Việt Nam, nắm giữ ngành chủ chốt của nền kinh tế nên có nhiều thuận lợi, nhiều dự án trọng điểm để thu hút sự đầu tư cũng như thu hút nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế nước ngoài.

Bên cạnh đó, việc huy động nguồn vốn từ nước ngoài khi PVFC chính thức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng, cũng như bán bớt phần vốn góp của PVN tại PVFC cho các nhà đầu tư nước ngoài sẽ là quyết định đúng đắn cho việc đa dạng hoá nguồn vốn cũng như đa dạng hoá đối tượng sở hữu của PVFC.

- Phát triển hoạt động tín dụng

Hoạt động cho vay là hoạt động truyền thống của các công ty tài chính, hoạt động này mang lại doanh thu và lợi nhuận chủ yếu của PVFC từ khi thành lập đến nay. PVFC cần triển khai theo mục tiêu đáp ứng tối đa nhu cầu vốn tín dụng của các dự án trong ngành dầu khí, đặc biệt đẩy mạnh cho vay trung và dài hạn, quan tâm phát triển tín dụng uỷ thác. Hoạt động cho vay được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn. PVFC cần tập trung thực hiện các nội dung:

+ Đối tượng cho vay:

PVFC tập trung vào đối tượng cho vay chính là các đơn vị thành viên, các công ty liên doanh, công ty cổ phần và các đơn vị thành viên có góp vốn của PVN.

Trong giai đoạn đến năm 2010, 2015 nhu cầu vốn đầu tư trung, dài hạn đầu tư vào các dự án của các đơn vị thành viên của PVN, các công ty liên

doanh, công ty cổ phần và các đơn vị thành viên có góp vốn của PVN là rất lớn. Để chiếm lĩnh thị trường tiềm năng và khẳng định vai trò, vị thế của mình PVFC cần tiếp tục mở rộng, củng cố quan hệ truyền thống với các đơn vị trong ngành, xác định đây là đối tượng khách hàng chính, quan trọng. Ngoài đối tượng khách hàng trên, PVFC cần mở rộng cho vay các đối tượng khách hàng ngoài ngành có hoạt động liên quan trực tiếp tới hoạt động của PVN và các khách hàng có dự án hiệu quả, có năng lực tài chính và có năng lực quản trị doanh nghiệp. Việc cho vay ngoài ngành đảm bảo yêu cầu thực hiện từng bước, thận trọng trên cơ sở lựa chọn ngành nghề và xây dựng danh mục khách hàng có năng lực tài chính, có năng lực quản trị doanh nghiệp, có uy tín.

+ Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng:

PVFC ra đời muộn hơn các ngân hàng thương mại nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động, đặc biệt là hoạt động tín dụng. Để công tác tín dụng hiệu quả và kiểm soát được rủi ro tín dụng đòi hỏi PVFC cần nhanh chóng nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng. Hoạt động tín dụng cần được thực hiện thống nhất và đảm bảo tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về công tác tín dụng. Trước hết PVFC cần ban hành đầy đủ các quy chế, quy trình và hướng dẫn hoạt động tín dụng. Các văn bản về hoạt động tín dụng được ban hành đảm bảo tuân thủ các quy định của ngân hàng, quản trị rủi ro của PVFC nhưng phải thuận lợi cho các khách hàng.

PVFC cần tập trung thực hiện và nâng cao chất lượng các hoạt động bao gồm từ khâu thẩm định tín dụng, ra quyết định cấp tín dụng, quản lý khoản vay sau giải ngân đến thu hồi nợ gốc và lãi cũng như xử lý các khoản rủi ro tín dụng nếu có. Hoạt động tín dụng có thể mang lại rủi ro đối với PVFC, do đó để hạn chế rủi ro lớn trong hoạt động tín dụng, PVFC cần thực hiện nghiêm túc các bước công việc trong công tác tín dụng, việc phân quyền cấp tín dụng phải được quy định cụ thể, phù hợp với các đối tượng được phân

quyền cấp tín dụng, cụ thể cho các cấp từ cán bộ tín dụng, thủ trưởng đơn vị cấp tín dụng tới Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị PVFC. Bên cạnh đó, PVFC cũng cần quan tâm đầy đủ đến công tác quản lý khoản vay sau giải ngân, quản lý khách hàng cũng như tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tính toán và trình lập dự phòng tín dụng để đảm bảo khoản vay được an toàn.

+ Triển khai các hoạt động tín dụng khác:

- Triển khai hoạt động bao thanh toán (Factoring)

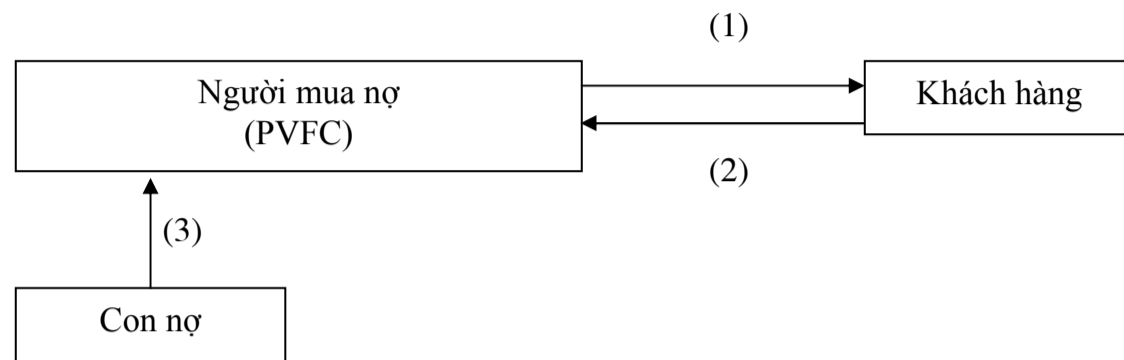
Các đơn vị thành viên của PVN đều có quan hệ chặt chẽ với nhau, thị trường đầu ra của đơn vị này là đầu vào của đơn vị khác và ngược lại. Trong những năm qua, mặc dù có nguồn thu dồi dào và chủ động nhưng giữa các đơn vị vẫn có nhiều trường hợp thanh toán chậm dẫn đến việc lưu chuyển vốn trong nội bộ PVN chậm, gây khó khăn cho các đơn vị trong việc duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh do thiếu vốn lưu động trong ngắn hạn, phải đi vay các tổ chức tín dụng làm tăng thêm chi phí dẫn đến giảm hiệu quả hoạt động của toàn tập đoàn. Hoạt động bao thanh toán với mục đích giúp các đơn vị thành viên của PVN có nguồn vốn lưu động ổn định, chủ động trong công tác tài chính, giảm chi phí lãi vay và góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động của PVN.

Hoạt động bao thanh toán có nhiều ưu điểm:

- Các đơn vị thành viên của PVN có thể mở rộng tiêu thụ hàng hoá thông qua việc bán chịu nhưng vẫn thu được tiền vốn ngay, đồng thời nâng cao được hiệu quả kinh doanh nhờ chỉ tập trung vào các khâu tìm kiếm thị trường, sản xuất, bán hàng và chi phí điều hành, hạch toán và thu hồi công nợ.

- Đối với PVFC thu được phí dịch vụ, được khấu trừ rủi ro vào khoản thanh toán của khách hàng, đồng thời phân tán rủi ro cho nhiều con nợ khác nhau.

Hoạt động bao thanh toán ngoài ngành: về quy trình được triển khai giống như trong ngành, trước mắt tập trung vào các đối tượng khách hàng cùng ngành kinh tế kỹ thuật với PVN, các khách hàng đang vay vốn tại PVFC và các khách hàng có dự án do PVFC đầu tư cổ phiếu.



Sơ đồ 3.1. Quy trình hoạt động bao thanh toán

- (1) Các đơn vị thực hiện bán các khoản phải thu có hoá đơn cho PVFC.
- (2) PVFC thanh toán một khoản tiền bằng khoản nợ tiền hàng trừ đi lãi và hoa hồng mà PVFC được hưởng, đồng thời PVFC giữ lại một phần tiền để đề phòng hàng bị trả lại.
- (3) Khi đến hạn, các đơn vị là “**con nợ**” thanh toán nợ cho PVFC và PVFC trả lại cho các đơn vị là “**khách hàng**”.

- Phát triển hoạt động chiết khấu thương phiếu

Trong những năm qua, hoạt động chiết khấu thương phiếu chưa được áp dụng rộng rãi ở Việt Nam do nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý điều tiết của Nhà nước và còn thiếu nhiều văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động thương mại nói chung và hoạt động chiết khấu thương phiếu nói riêng. Trong thời gian tới, hoạt động chiết khấu thương phiếu có nhiều điều kiện để phát triển do các văn bản pháp lý đã tương đối đầy đủ như Luật thương mại ban hành ngày 23/05/1997, Pháp

lệnh thương phiếu ban hành ngày 04/01/2000, Nghị định số 32/2001/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Pháp lệnh thương phiếu ban hành ngày 05/07/2001, Quyết định số 1346/2001/QĐ-NHNN ngày 29/10/2001 ban hành quy định thủ tục nhờ thu thương phiếu qua Ngân hàng. Ngày nay thương phiếu càng trở thành công cụ quan trọng trong hoạt động tín dụng thương mại giữa các doanh nghiệp và dẫn đến sự cần thiết tất yếu phải có hoạt động chiết khấu thương phiếu. Để triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động này, PVFC cần chuẩn bị những điều kiện vật chất làm cơ sở phát triển hoạt động chiết khấu thương phiếu, trước mắt tập trung vào các khách hàng chủ yếu là các đơn vị thành viên, các công ty liên doanh, công ty cổ phần mà PVN có góp vốn, sau đó từng bước mở rộng ra các khách hàng là các doanh nghiệp trong cùng ngành kinh tế kỹ thuật, các tổ chức kinh tế khác.

- Đẩy mạnh hoạt động bảo lãnh cho các đơn vị của PVN: Cùng với việc cho vay đối với PVN và các đơn vị thành viên của PVN, PVFC cần đẩy mạnh hoạt động bảo lãnh cho các doanh nghiệp trong và ngoài ngành, các nhà thầu chính, nhà thầu phụ của các đơn vị thành viên và các dự án của PVN.

- Phát triển hoạt động đầu tư tài chính

Ngoài hoạt động tín dụng, hoạt động đầu tư tài chính là hoạt động mang lại lợi nhuận chủ yếu của PVFC. Để hoạt động đầu tư tài chính nhanh chóng trở thành hoạt động chủ lực, PVFC cần có hệ thống giải pháp đồng bộ, phù hợp.

- + Đầu tư mua cổ phần tại các đơn vị thành viên của PVN khi các đơn vị tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng hoặc các công ty cổ phần thành lập mới.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước, hiện nay PVN đang triển khai quyết liệt công tác cổ phần hoá. PVN đã thành

lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá, giao mục tiêu, tiến độ thực hiện chương trình cổ phần hoá một cách cụ thể. Chiến lược phát triển đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025, PVN đã xây dựng lộ trình cổ phần hoá để đổi mới toàn diện hoạt động, đảm bảo đa sở hữu, đa ngành nghề, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực quản trị điều hành.

PVN cũng chủ trương tham gia thành lập mới các công ty cổ phần hoạt động trong các lĩnh vực thuộc chức năng nhiệm vụ được giao. Việc tham gia đầu tư tài chính vào các công ty nhà nước cổ phần hoá cũng như tham gia cổ phần vào các công ty mới thành lập là cơ hội tốt để PVFC thực hiện hiệu quả chức năng đầu tư tài chính. PVN cần tạo điều kiện thuận lợi cho PVFC được mua cổ phần tại các đơn vị thành viên mới thành lập và từng bước chuyển giao, uỷ quyền cho PVFC thực hiện vai trò là người đại diện trực tiếp cho phần vốn góp của PVN tại các công ty cổ phần PVN có tham gia góp vốn.

+ Đầu tư chứng khoán

Huy động vốn trên thị trường chứng khoán của PVN không chỉ đóng một vị trí quan trọng đối với tiến trình phát triển thị trường chứng khoán của Việt Nam mà còn là một đòi hỏi tất yếu nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi chiến lược đầu tư phát triển tăng tốc của PVN. Thị trường chứng khoán được xem là một kênh quan trọng nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp của xã hội gồm cả nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước thông qua việc phát hành, lưu thông cổ phiếu, trái phiếu của các tổng công ty (tập đoàn kinh tế), các đơn vị thành viên của tổng công ty (tập đoàn) trên thị trường.

Xác định đầu tư chứng khoán là một hình thức kinh doanh phổ biến của các doanh nghiệp trong nền kinh tế phát triển. Đối với PVFC, việc đầu tư chứng khoán giúp PVFC đa dạng hoá hoạt động kinh doanh, tăng lợi nhuận và giảm dần lượng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín

dụng khác. Để hoạt động đầu tư chứng khoán đạt hiệu quả cao, PVFC cần xây dựng quy chế đầu tư chứng khoán với các nội dung chủ yếu sau:

- Mục tiêu: đa dạng hoá các khoản đầu tư, tăng khả năng thanh toán cho các tài sản, gia tăng lợi nhuận.
- Cơ sở để phân tích, đánh giá chứng khoán dựa trên dự báo về chu kỳ phát triển kinh tế, chính sách tài chính tiền tệ của Chính phủ, những quy định của Chính phủ về hoạt động đầu tư chứng khoán, các quan điểm về đầu tư tài chính, các điều kiện về vốn và nhân sự.
- Phân loại và xác định chất lượng chứng khoán theo các tiêu thức về chủ thể phát hành, kỳ hạn, quyền sở hữu, loại tiền tệ...
- Xây dựng danh mục đầu tư chứng khoán theo hướng ưu tiên đầu tư vào các chứng khoán có độ an toàn cao, dễ chuyển đổi tiền mặt như công trái, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc. Đầu tư vào trái phiếu do các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả phát hành - đây là chứng từ có giá đem lại thu nhập ổn định, rủi ro thấp và có tính thanh khoản cao trên thị trường. Đầu tư vào các trái phiếu, cổ phiếu do các doanh nghiệp khác phát hành, đầu tư góp vốn thành lập các liên doanh, công ty cổ phần mới.
- Chính sách đầu tư chứng khoán gồm quy mô của danh mục đầu tư chứng khoán, xác định mức đầu tư trung bình và yêu cầu về chất lượng, chính sách về kỳ hạn, kinh doanh chứng khoán.

Hoạt động đầu tư tài chính thực hiện đảm bảo tối đa hạn mức đầu tư được phép, nâng cao khối lượng vốn uỷ thác đầu tư, tập trung vào các dự án trong ngành, tham gia một số dự án ngoài ngành đạt hiệu quả kinh tế cao và đảm bảo an toàn vốn đầu tư. Đẩy mạnh hoạt động mua bán doanh nghiệp và chuyển nhượng cơ hội đầu tư, nhận uỷ thác, quản trị vốn đầu tư theo yêu cầu của khách hàng. Đầu tư dự án song song với cung cấp các dịch vụ tài chính.

Cung cấp thêm các sản phẩm và dịch vụ phục vụ khách hàng như: quản lý tiền mặt, quản lý rủi ro bằng các sản phẩm phái sinh, chiết khấu các chứng từ có giá...

- Phát triển hoạt động dịch vụ tài chính tiền tệ

+ Cung cấp dịch vụ tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán

Trên cơ sở lộ trình cổ phần hoá của Đảng và Nhà nước cũng như của PVN, việc chuyển đổi các doanh nghiệp Nhà nước thành các công ty cổ phần là một thị trường đầy tiềm năng để PVFC tiếp tục phát triển dịch vụ tư vấn cổ phần hoá từ khâu xây dựng phương án cổ phần hoá, định giá tài sản, xây dựng cơ cấu vốn hoạt động và vốn cổ phần, các phương thức xử lý nợ tồn đọng, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần. Ngoài ra, PVFC cần mở rộng phát triển dịch vụ đại lý phát hành cổ phiếu, giúp các đơn vị cổ phần hoá giảm chi phí phát hành, hỗ trợ kinh nghiệm bán cổ phiếu theo đúng quy định.

Bên cạnh đó, PVFC cần nghiên cứu và triển khai hoạt động nhận làm đại lý phát hành trái phiếu trong và ngoài nước cho các đơn vị thành viên của PVN.

+ Dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán

Để dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán hoạt động hiệu quả, PVFC cần nghiên cứu và tiếp tục phát triển các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các nội dung sau:

- Môi giới đầu tư chứng khoán: thực hiện việc thu thập và cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết để chỉ dẫn, tư vấn các khách hàng mua bán chứng khoán, đồng thời đại diện cho các khách hàng để đàm phán, thực hiện giao dịch chứng khoán, thay mặt khách hàng giải quyết mọi vấn đề liên quan theo uỷ nhiệm của khách hàng. Lợi ích của dịch vụ môi giới chứng khoán là khách hàng sẽ tiết kiệm được chi phí, thời gian tìm hiểu thông tin cần thiết về

chứng khoán cần đầu tư, có cơ sở tin cậy để đưa ra quyết định lựa chọn danh mục chứng khoán đầu tư, các lệnh mua bán chứng khoán của khách hàng nhanh chóng được thực hiện ngay sau khi khách hàng yêu cầu.

- Phát triển dịch vụ thị trường chứng khoán không tập trung (viết tắt là OTC): Để tạo ra một kênh giao dịch chứng khoán mới, tăng tính thanh khoản thực tế của chứng khoán và góp phần bảo vệ quyền lợi của người sở hữu chứng khoán, PVFC cần tổ chức nghiên cứu và triển khai cung cấp dịch vụ trên thị trường OTC, tổ chức môi giới giúp những người có nhu cầu mua bán cổ phiếu gặp gỡ nhau và trực tiếp thực hiện các hình thức giao dịch kinh doanh các cổ phiếu này như mua, bán, chiết khấu, cho vay cầm cố, mua bán kỳ hạn...

- Ủy thác đầu tư chứng khoán: Đây là hoạt động nhằm đa dạng hoá các loại hình dịch vụ trong hoạt động kinh doanh chứng khoán và mang lại lợi nhuận. Các tổ chức và cá nhân được phép hoạt động đầu tư chứng khoán tại Việt Nam gọi chung là khách hàng ủy thác cho PVFC đầu tư chứng khoán trên cơ sở hợp đồng ủy thác đầu tư chứng khoán. PVFC thay mặt khách hàng để đầu tư mua, bán các loại chứng khoán trên cơ sở vốn ủy thác của khách hàng.

- Cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính khác

Tại các công ty tài chính hiện đại trên thế giới, hoạt động dịch vụ tài chính là hoạt động mang lại giá trị gia tăng chiếm tỷ trọng lợi nhuận lớn. Để nâng cao hiệu quả hoạt động và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, PVFC cần tiếp tục phát triển và cung cấp các dịch vụ tài chính tiền tệ bao gồm:

Tư vấn tài chính dự án bao gồm từ việc xây dựng phương án cấu trúc tài chính cho dự án, khảo sát nguồn vốn, lập phương án tài chính; tư vấn thẩm định kinh tế dự án bao gồm thẩm định tính khả thi của phương án tài chính,

thẩm tra độ tin cậy của các yếu tố đầu vào, thẩm định tổng dự toán, dự toán công trình, thẩm định độ an toàn và hiệu quả đầu tư, tư vấn quản lý vốn và tài sản thông qua các hình thức như tư vấn tiền gửi, tư vấn mua bán, chuyển đổi ngoại tệ, quản lý dòng luân chuyển tiền tệ. Các loại hình uỷ thác đầu tư, tư vấn đầu tư, uỷ thác quản lý đầu tư, uỷ thác đầu tư hoàn toàn, uỷ thác đầu tư cùng chia sẻ rủi ro.

Tư vấn xử lý nợ: xử lý các khoản nợ với các hình thức phù hợp và đề xuất các giải pháp tái cơ cấu nợ hợp lý nhằm nâng cao khả năng thu hồi vốn và cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng lực tài chính để nâng cao hiệu quả hoạt động của khách hàng.

Tư vấn mua bán, cho thuê doanh nghiệp: Tư vấn định giá giá trị doanh nghiệp bằng phương pháp kỹ thuật định giá tiên tiến, tất cả các yếu tố nhân lực, trình độ quản lý, công nghệ, lợi thế thương mại, lợi nhuận tương lai... đều được phản ánh trong giá trị doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nhận thức, đánh giá đúng giá trị đích thực và vị thế của mình trên thị trường vốn, thị trường tiền tệ. Tư vấn xử lý và tái cơ cấu nợ trước cổ phần hoá, đề xuất các giải pháp tái cơ cấu nợ hợp lý giúp doanh nghiệp lành mạnh hoá bảng cân đối tài chính trước khi phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp. Tư vấn cho doanh nghiệp tìm kiếm đối tác, mua bán, thuê doanh nghiệp. Tư vấn, hướng dẫn xây dựng hệ thống hoạch định tài chính và kiểm soát gồm các khâu lập ngân sách, tính chi phí, định giá, đánh giá, đầu tư xây dựng cơ bản, dự báo nguồn thu nhập.

Tư vấn và hướng dẫn việc tổ chức vận hành bộ máy kế toán của các doanh nghiệp, hoàn thiện chế độ hạch toán kế toán, chế độ báo cáo tài chính, phương pháp tập hợp chi phí, xây dựng giá thành sản phẩm, dịch vụ phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Dịch vụ bảo quản và ký gửi các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, các hợp đồng bảo hiểm, các chứng thư tài sản hoặc các đồ quý giá như tiền, vàng bạc, đá quý. Việc bảo quản có thể theo phương thức “mở” là mọi tài sản được ghi chi tiết vào biên lai hoặc theo phương thức “đóng kín”, việc ký gửi tài sản được thực hiện thông qua việc khách hàng thuê một khoang trong két sắt đặc biệt của PVFC để gửi tài sản, mỗi bên giữ một chìa khoá.

Thẩm định: Cung cấp dịch vụ thẩm định cho các đơn vị trong và ngoài ngành dầu khí.

Hoạt động ngoại hối: Triển khai song song với các sản phẩm dịch vụ sử dụng VND, trong đó ưu tiên thực hiện các nghiệp vụ như thu xếp chuyển đổi ngoại tệ không kỳ hạn, có kỳ hạn. Chú trọng đầu tư kỹ thuật, xây dựng đội ngũ chuyên gia để hoạt động có hiệu quả các hoạt động ngoại hối.

3.3.2.2. Phát triển các sản phẩm dịch vụ mới

Hiện nay, trên thế giới các tổ chức tín dụng triển khai hơn 6.000 sản phẩm dịch vụ, trong đó tại Việt Nam mới chỉ thực hiện trên 300 sản phẩm dịch vụ. Các sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng trên thế giới hiện nay có thể mang lại giá trị gia tăng rất lớn so với các sản phẩm dịch vụ truyền thống của các ngân hàng thương mại và công ty tài chính, để gia tăng lợi nhuận và mở rộng phạm vi, quy mô hoạt động các công ty tài chính cần chủ động có kế hoạch triển khai từng bước các sản phẩm dịch vụ tài chính phù hợp với điều kiện đặc thù của thị trường Việt Nam. PVFC cần tập trung nghiên cứu để triển khai áp dụng các sản phẩm dịch vụ tài chính mới đang phát triển mạnh trên thế giới. Các sản phẩm dịch vụ tài chính mới bao gồm:

- Tư vấn và phát triển các dự án giảm phát khí thải (CDM): Clean Development Mechanism (CDM) là “Cơ chế phát triển sạch”, dự án CDM là dự án theo “Cơ chế phát triển sạch” được định nghĩa tại Điều 12 của Nghị

định thư Kyoto. Hiện nay trên thế giới đã có 571 quyết định do Ban chấp hành CDM ban hành với số lượng hơn 135 triệu CERs, trong đó Việt Nam có 3,3%, Trung Quốc 29%, Ấn độ 29%, Hàn quốc 17%. Có 17 dự án đang yêu cầu chờ ban hành với số lượng khoảng 4 triệu CERs và có 16 yêu cầu chờ kiểm tra với số lượng khoảng 2 triệu CERs. Trên thế giới hiện đang có hơn 3.000 dự án CDM đã được nhận dạng với một số lượng CERs ước tính có được đến cuối năm 2012 là hơn 2,7 tỷ CERs, trong đó 1.020 dự án đã được đăng ký với số lượng CERs dự tính hàng năm gần 210 triệu CERs và tổng tới năm 2012 là hơn 1250 triệu CERs, 80 dự án đang yêu cầu được đăng ký với số lượng CERs dự tính hàng năm gần 14 triệu CERs và tổng tới năm 2012 là hơn 60 triệu CERs tập trung chủ yếu tại Trung quốc và Hàn quốc. Các báo cáo của các chuyên gia trên thế giới nhận định thị trường carbon chắc chắn sẽ phát triển mạnh sau năm 2012 và tới năm 2015 có thể đạt giá trị lớn hơn thị trường dầu mỏ và tới năm 2020 thì sẽ trở thành thị trường hàng hóa lớn nhất thế giới. Việt Nam được đánh giá là có tiềm năng trong việc phát triển các dự án giảm phát khí thải. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam chưa quan tâm và đầu tư thích đáng cho hoạt động phát triển các dự án giảm phát khí thải, do đó đây là cơ hội rất tốt để các công ty tài chính thực hiện hiệu quả hoạt động tư vấn và phát triển các dự án giảm phát khí thải.

- Tư vấn tài chính quốc tế: Khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, các doanh nghiệp Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc nghiên cứu, phát triển thị trường nước ngoài. Mặc dù là lĩnh vực mới đối với các doanh nghiệp Việt Nam, nhưng cũng là cơ hội giúp các công ty tài chính tiên phong triển khai các sản phẩm dịch vụ này. Để triển khai tốt, PVFC cần có kế hoạch và lộ trình triển khai các dịch vụ tư vấn tài chính quốc tế. Trước hết, PVFC có thể tổ chức các hoạt động như tư vấn niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp trên sàn giao dịch chứng khoán nước ngoài, tư vấn tìm,

đánh giá và lựa chọn cổ đông chiến lược nước ngoài, tư vấn tài chính dự án với các yếu tố tham gia nước ngoài.

- Trong thời gian tới, PVFC cần triển khai các sản phẩm dịch vụ tài chính như mua bán trái phiếu trong và ngoài nước (Bond Trading), tư vấn đầu tư kinh doanh bất động sản (Real & Estate), mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), xếp hạng tín dụng doanh nghiệp...

3.3.3. Nâng cao vai trò của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ

Để hoạt động của PVFC được an toàn, giảm thiểu các rủi ro đòi hỏi PVFC cần triển khai áp dụng hiệu quả hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo mọi hoạt động phải được kiểm tra, soát xét cả trước, trong và sau khi thực hiện, nhằm đảm bảo mọi hoạt động đúng pháp luật, thực hiện tốt các quy định, quy chế, quy trình mà PVFC đang áp dụng nhằm giảm thiểu mọi rủi ro. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, PVFC cần:

- Tạo ra môi trường kiểm soát hiệu quả bao gồm khuyến khích các chuẩn mực cao về đạo đức, ngăn ngừa nhằm hạn chế các động cơ hoặc ham muốn thực hiện các hành vi không được phép, giúp CBCNV nhận thức rõ tầm quan trọng của kiểm soát nội bộ, hiểu rõ vai trò, vị trí của mỗi CBCNV trong cơ chế kiểm soát nội bộ.

- Xây dựng quy trình nhận biết, đánh giá, giám sát để hạn chế các rủi ro, thiết lập cơ cấu tổ chức với sự phân công trách nhiệm, thẩm quyền, nghĩa vụ rõ ràng cùng với việc tổ chức thực hiện đúng các quy định về phân công, quy định về quyền và nghĩa vụ của từng bộ phận, từng CBCNV của PVFC.

- Các quy trình nghiệp vụ, cơ chế hoạt động trong các lĩnh vực quan trọng như huy động, cho vay, đầu tư tài chính, kinh doanh ngoại tệ... thường xuyên được rà soát để phát hiện những điểm yếu, những rủi ro tiềm tàng, rủi

ro chưa được nhận biết, chưa có biện pháp phòng ngừa thoả đáng hoặc những rủi ro mới phát sinh khi môi trường và điều kiện kinh doanh thay đổi trên cơ sở đó bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh các biện pháp nghiệp vụ, xây dựng quy trình nghiệp vụ mới hoàn thiện hơn.

- Đề cao biện pháp kiểm tra, nhìn nhận hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ như là một bộ phận chứ không đơn thuần chỉ là sự bổ sung cho hoạt động thường xuyên của PVFC. Việc kiểm tra được tiến hành từ cấp cao nhất, kiểm tra công việc ở các lĩnh vực kinh doanh, kế toán, kiểm tra tuân thủ hạn mức rủi ro, kiểm tra các tỷ lệ an toàn của tổ chức tín dụng, kiểm tra việc phê duyệt, kiểm tra việc thực hiện uỷ quyền, thực hiện việc rà soát và đối chiếu.

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các nội quy, quy chế và quy định qua đó nâng cao năng lực làm việc, ý thức tự giác chấp hành các quy định của CBCNV. Xây dựng quy chế giám sát để đảm bảo cho sự vận hành của PVFC đạt hiệu quả.

- Báo cáo kịp thời kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ và đề xuất các giải pháp, kiến nghị cần thiết với ban lãnh đạo PVFC trên cơ sở đã phân tích và đưa ra được các biện pháp, tiến độ khắc phục kết quả kiểm tra của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ.

- Thiết lập nhằm áp dụng có hiệu quả hệ thống thông tin kiểm soát nội bộ đảm bảo cập nhật thông tin, báo cáo để phục vụ cho công tác quản trị điều hành và quá trình xử lý, ra quyết định kịp thời chính xác của ban lãnh đạo.

3.3.4. Đầu tư đổi mới hệ thống công nghệ thông tin

Ưu tiên phát triển công nghệ thông tin phục vụ các hoạt động thu xếp vốn, cấp tín dụng, đầu tư tài chính và các sản phẩm dịch vụ tài chính. Sử dụng các sản phẩm điện tử, mạng thông tin nội bộ trong toàn hệ thống nhằm quản lý kinh doanh an toàn, nhanh chóng, chính xác. Sử dụng thành tựu công nghệ

thông tin để thu thập thông tin và quảng bá hình ảnh của đơn vị. Để từng bước hiện đại hoá công nghệ thông tin và thực hiện thương mại điện tử ở Việt Nam, PVFC cần xác định rõ mục tiêu hiện đại hoá công nghệ thông tin làm nòng cốt là động lực thực hiện cải cách quy trình kinh doanh, quản trị doanh nghiệp hiệu quả, đồng thời tạo cơ sở cho các sản phẩm dịch vụ mới được triển khai hiệu quả. Do đó việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động là con đường duy nhất để tránh tụt hậu và nâng cao sức cạnh tranh, nâng cao vị thế của PVFC trên thị trường tài chính tiền tệ trong, ngoài nước. Trong thời gian trước mắt, PVFC cần tổ chức triển khai E-Banking, MobiBanking trong tất cả các hoạt động.

PVFC cần đặt ra mục tiêu phấn đấu và lộ trình thực hiện công nghệ thông tin bao gồm các nội dung:

- Xây dựng hệ thống thông tin nội mạng trực tuyến với các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các nghiệp vụ hiện PVFC đang cung cấp và các sản phẩm dịch vụ trong tương lai.
- Nhanh chóng tự động hoá hệ thống kế toán khách hàng với các giải pháp tiên tiến hiện đại.
- Tổ chức giao dịch với khách hàng qua mạng máy tính.
- Tích cực xúc tiến thương mại điện tử, phát triển các sản phẩm dịch vụ sử dụng công nghệ thông tin như thẻ điện tử, thông báo trao đổi với khách hàng, các giao dịch điện tử...

Trong thời gian trước mắt PVFC cần tập trung thực hiện:

- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ tin học có trình độ chuyên môn giỏi cả về tin học lẫn kiến thức tài chính ngân hàng. Việc này sẽ giúp PVFC chủ động, sáng tạo trong việc khai thác sử dụng hết chức năng của các

phần mềm đồng thời có thể thiết kế, lập trình các chương trình phần mềm riêng phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp cũng như phát triển các sản phẩm dịch vụ mới.

- Đầu tư xây dựng phần mềm nghiệp vụ hiện đại core-banking, các phần mềm bảo mật đường truyền...

- Nâng cấp và sử dụng thống nhất hệ thống phần cứng máy tính trong toàn hệ thống nhằm sử dụng tối đa hiệu quả công nghệ thông tin.

- Tổ chức hệ thống thông tin thống nhất, cập nhật, chính xác, an toàn. Thiết lập các kênh thông tin giữa các cấp quản lý theo chiều dọc với chiều ngang, thực hiện phân tích thường xuyên hoặc định kỳ hoạt động kinh doanh của PVFC tạo ra nguồn thông tin đã qua xử lý nhanh chóng, kịp thời, chính xác để phục vụ công tác quản lý điều hành.

3.3.5. Áp dụng các tiêu chuẩn quản lý quốc tế

Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (viết tắt là ISO) được thành lập từ năm 1947, ISO là một hội đoàn toàn cầu của hơn 150 các cơ quan tiêu chuẩn quốc gia. Hiện nay ISO đã soạn thảo và ban hành gần 16.000 tiêu chuẩn cho sản phẩm, dịch vụ, hệ thống quản lý, thuật ngữ, phương pháp... Bộ tiêu chuẩn ISO 9000 do ISO ban hành nhằm cung cấp các hướng dẫn quản lý chất lượng và xác định các yếu tố cần thiết của một hệ thống chất lượng để đạt được sự đảm bảo về chất lượng của sản phẩm hay dịch vụ mà một tổ chức cung cấp.

Hiện nay PVFC đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 1900:2000. Mục tiêu áp dụng tiêu chuẩn ISO 1900:2000 tại PVFC nhằm khẳng định khả năng cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính tiền tệ, các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng thương mại thống nhất trong toàn hệ thống để đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, PVFC cần xác định việc áp dụng tiêu chuẩn ISO để nâng cao sự thoả mãn các yêu cầu về sản phẩm dịch

vụ của khách hàng, xây dựng các quá trình cải tiến thường xuyên và phòng ngừa lỗi trong quá trình hoạt động. Để triển khai công tác ISO đạt mục tiêu trên, PVFC cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng với các nội dung chi tiết, các yêu cầu chung và yêu cầu của hệ thống tài liệu để làm nền tảng của hệ thống quản lý chất lượng.

- Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm quản lý hệ thống quản lý chất lượng của PVFC. Lãnh đạo PVFC phải nhận biết các yêu cầu của khách hàng khi xây dựng chiến lược phát triển PVFC và cam kết đáp ứng các yêu cầu đúng pháp luật và chức trách giải quyết công việc. Lãnh đạo PVFC phải xác định chính sách chất lượng và để đạt chính sách này phải xác định các mục tiêu chất lượng đồng thời việc hoạch định các biện pháp cần tiến hành để đạt được mục tiêu đó. Ban lãnh đạo PVFC cần đảm bảo có sự trao đổi thông tin nội bộ rõ ràng về hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng và xem xét, đánh giá định kỳ hệ thống để đảm bảo hệ thống luôn thích hợp và có hiệu lực.

- Chuẩn bị đầy đủ cơ sở hàng tầng, môi trường làm việc cần thiết nhằm tạo khả năng đảm bảo các yêu cầu của khách hàng đều được đáp ứng. Bên cạnh đó, cần quán triệt để CBCNV hiểu được sự cần thiết của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO tại PVFC.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức cơ bản về công tác quản lý chất lượng, làm nòng cốt trong việc hoàn thiện các quy trình công việc, tham gia đánh giá nội bộ tại PVFC.

Bên cạnh đó, là một tổ chức tín dụng phi ngân hàng, PVFC cần nhanh chóng thực hiện và vận dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế về công cụ tài chính. Các công cụ tài chính giữ vị trí quan trọng trong các tổ chức tín dụng. Tính phức tạp của các công cụ tài chính ngày càng gia tăng do vậy việc vận

dụng một cách phù hợp các chuẩn mực quốc tế (IAS39, IAS32 và IFRS7) là cần thiết và cấp bách nhằm đảm bảo các thông tin hữu ích cho các quá trình ra quyết định kinh doanh của PVFC.

Ngoài ra với vai trò là một tổ chức tín dụng, PVFC cần có lộ trình để áp dụng hiệu quả các tiêu chuẩn quản lý hiện đại đang áp dụng trên thế giới về công tác quản trị rủi ro, xếp hạng tín dụng khách hàng nội bộ, các tỷ lệ an toàn trong các lĩnh vực hoạt động.

3.3.6. Tăng cường năng lực cạnh tranh

Ngày nay khoa học kỹ thuật được phát triển với tốc độ vô cùng nhanh, tình hình kinh tế - xã hội cũng liên tục được đổi mới, con người không thể đơn thuần tổ chức sản xuất kinh doanh trước rồi sau đó mới đi tìm thị trường để tiêu thụ sản phẩm dịch vụ, mà phải có được những thông tin thị trường rồi sau đó mới tổ chức sản xuất kinh doanh. Tại các nước phát triển trên thế giới, công tác nghiên cứu thị trường được xác định có vai trò cực kỳ quan trọng, tại Việt Nam các doanh nghiệp đã hiểu được rằng công tác nghiên cứu thị trường không chỉ đơn thuần là quảng cáo, khuyến mại, bán hàng trực tiếp, tặng quà kèm theo sản phẩm hoặc dịch vụ phục vụ... mà còn rất nhiều các hoạt động khác.

Khi Việt nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, các tổ chức tín dụng Việt nam nói chung và PVFC nói riêng phải đối mặt với cuộc cạnh tranh vô cùng khốc liệt của các ngân hàng thương mại và tập đoàn tài chính trên thế giới, đó là cuộc cạnh tranh mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực tài chính ngân hàng về thị phần sản phẩm ngân hàng truyền thống, sản phẩm dịch vụ mới nổi trội, chất lượng nguồn nhân lực và công nghệ quản trị ngân hàng hiện đại. Để đạt được các mục tiêu và định hướng phát triển trong chiến lược kinh doanh của mình, hoạt động nghiên cứu thị trường cần tổ chức thực hiện chuyên nghiệp để trở thành công cụ đắc lực nhằm giới thiệu cho khách hàng hiểu biết về hoạt

động của PVFC, thu hút khách hàng sử dụng các dịch vụ tài chính tiền tệ. Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, PVFC cần tạo ra sự khác biệt ưu việt so với các ngân hàng thương mại và các công ty tài chính khác ở Việt nam.

Do đó mục tiêu của hoạt động nghiên cứu thị trường được đặt ra gồm:

- Lấy khách hàng là mục tiêu, là đối tượng trọng tâm trong hoạt động của công ty. PVFC cần tham gia tích cực vào hoạt động đầu tư, kinh doanh của PVN và các đơn vị thành viên. Phần đầu trở thành cầu nối trực tiếp duy nhất giữa các tổ chức tín dụng với PVN và các đơn vị thành viên của PVN, mở rộng thị trường cung cấp các dịch vụ tài chính tiền tệ.

- Tạo lập, duy trì mối quan hệ thường xuyên, thân thiện để khai thác cơ hội phát triển kinh doanh. Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ tài chính tiền tệ, không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

Trong thời gian trước mắt PVFC cần triển khai thực hiện:

- Tạo nên lợi thế cạnh tranh bằng sự khác biệt trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Hiện nay, các sản phẩm truyền thống của ngành ngân hàng là tương đối giống nhau, PVFC xây dựng hình ảnh công ty tài chính chuyên nghiệp gắn liền với các sản phẩm đặc thù với tính độc đáo, chuyên biệt, sự tiện lợi, độ an toàn, giá trị gia tăng của sản phẩm, dịch vụ, thời gian xử lý công việc, tác phong và thái độ của CBNV với khách hàng là những yếu tố làm nâng cao tính cạnh tranh và sự khác biệt của PVFC so với các ngân hàng và công ty tài chính khác.

- Tổ chức giới thiệu với khách hàng trong, ngoài ngành về chức năng, nhiệm vụ, các loại hình dịch vụ, các chính sách ưu đãi, lợi thế cạnh tranh để thu hút khách hàng hiệu, sử dụng các sản phẩm dịch vụ của PVFC, đặc biệt là giới thiệu, tuyên truyền, quảng bá để khách hàng có thể nhận biết, hiểu, phân

biệt được sự khác biệt cũng như các ưu việt của PVFC so với các tổ chức tín dụng khác.

- Xây dựng hệ thống chính sách khách hàng với nhiều hình thức, áp dụng riêng cho từng đối tượng khách hàng:

+ Với các tổ chức tài chính ngân hàng: Quan hệ chặt chẽ, chân thành với các ngân hàng thương mại quốc doanh, các định chế tài chính khác trong và ngoài nước. Tăng cường hợp tác, tranh thủ sự ủng hộ của các định chế tài chính hiện đại trên thế giới.

+ Với PVN: PVFC là một định chế tài chính, là tổ chức tín dụng phi ngân hàng, là công cụ của PVN để thực thi các chính sách tài chính.

+ Với các doanh nghiệp là đơn vị thành viên của PVN: Cùng cố nhằm thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác với mục tiêu hỗ trợ tối đa cho hoạt động kinh doanh, cung cấp mọi sản phẩm dịch vụ tài chính phục vụ các đơn vị.

+ Với các doanh nghiệp, khách hàng khác ngoài ngành: Mở rộng trên cơ sở có sự lựa chọn đánh giá, ưu tiên các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển có năng lực tài chính và năng lực quản trị doanh nghiệp, các doanh nghiệp có hoạt động phục vụ lợi ích của PVN.

- Lựa chọn các hình thức hoạt động thị trường phù hợp với tình hình thực tế của từng giai đoạn và nhu cầu tăng trưởng của từng loại hình kinh doanh cụ thể.

3.3.7. Phát triển nguồn nhân lực và xây dựng văn hoá doanh nghiệp

3.3.7.1. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng đội ngũ CBCNV có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, năng động trong xử lý các tình huống và luôn sáng tạo

vượt qua thử thách, biết kinh doanh giỏi, quản lý tốt đáp ứng nhu cầu vận hành và quản trị công ty tài chính hiện đại. Đào tạo các chuyên gia tài chính cấp ngành, cấp quốc gia và cấp quốc tế.

PVFC cần hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực dài hạn và nhất quán với các nội dung chủ yếu sau:

- *Chính sách tuyển dụng:* CBCNV được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phát triển của PVFC và PVN. CBCNV phải đảm bảo hội đủ yêu cầu về trình độ chuyên môn và năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển. Ưu tiên tuyển dụng chuyên gia có trình độ cao trong các lĩnh vực tài chính ngân hàng, quản lý kinh tế, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin.

- *Chính sách đào tạo:* Tổ chức các chương trình huấn luyện và đào tạo CBCNV có mục tiêu phù hợp với chiến lược phát triển từng thời kỳ và chiến lược phát triển dài hạn của PVFC, trong đó ưu tiên và nhanh chóng đào tạo cán bộ quản lý cao cấp, cán bộ quản lý, các chuyên gia đầu ngành, chuyên gia cấp quốc tế thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng. Nội dung đào tạo được tập trung vào các kỹ năng quản trị doanh nghiệp hiện đại, các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng xử lý tình huống. Đào tạo nhân viên theo từng cấp độ phù hợp với lộ trình phát triển của nhân viên.

- *Chính sách đãi ngộ:* Đảm bảo công bằng, công khai. Chính sách lương, thưởng gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV sáng tạo trong công việc. Khuyến khích các thành viên làm việc tốt, chất lượng cao, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo tinh thần thi đua của mọi người, thực hiện chế độ trả lương, trả thưởng theo kết quả công việc, không bình quân chủ nghĩa. Đa dạng hoá hình thức đãi ngộ và mở rộng đối tượng đãi ngộ đến các đối tượng có liên quan đến chuyên gia giỏi, có nhiều đóng góp cho PVFC.

3.3.7.2. Về xây dựng văn hoá doanh nghiệp

Hiện nay, có rất nhiều khái niệm về văn hoá doanh nghiệp (hoặc gọi cách khác là văn hoá công ty). Nhìn chung, có thể xem văn hoá công ty là hệ thống các chuẩn mực về tinh thần và vật chất, quy định mối quan hệ, thái độ, hành vi ứng xử của tất cả các thành viên trong công ty, hướng tới những giá trị tốt đẹp được xã hội đồng tình, tạo ra nét riêng độc đáo, tạo phong cách kinh doanh đặc thù, đồng thời là sức mạnh lâu bền của công ty thể hiện qua hình ảnh thương hiệu, sản phẩm dịch vụ trên thị trường. Văn hoá doanh nghiệp là tâm hồn, tư tưởng, tính cách của doanh nghiệp, là giá trị vô cùng quý báu hỗ trợ tích cực cho Ban lãnh đạo quản lý con người và công việc của doanh nghiệp được chuyên nghiệp hơn. Những chuẩn mực đó được quy định trên cơ sở đặc điểm riêng về loại hình, ngành hàng của từng công ty và các thể chế văn hoá xã hội nơi công ty hoạt động, nên nó không giống nhau đối với mỗi loại hình công ty khác nhau. Văn hoá công ty tạo nên hình tượng hay biểu tượng của công ty đồng thời nó cũng tạo nên những nét nhân cách, phong thái riêng rất dễ nhận ra của các thành viên công ty ở trong xã hội. Cho nên không có chuẩn mực chung về văn hoá công ty cho mọi doanh nghiệp. Phải có sự nghiên cứu công phu và quá trình đúc rút kinh nghiệm mới tạo ra được các tập tục, tập quán hay truyền thống quý báu trong nếp sống của tập thể và mỗi thành viên

Việc xây dựng văn hoá PVFC cần được nghiên cứu, thực hiện, đúc rút kinh nghiệm trong một quá trình lâu dài đòi hỏi sự cống hiến tận tâm của mọi thành viên PVFC. Để văn hoá PVFC phù hợp và trợ giúp hoạt động kinh doanh hiệu quả đòi hỏi mọi thành viên PVFC cùng quyết tâm xây dựng, thực hiện đến cùng. Văn hoá PVFC cần được xây dựng gồm các nội dung cơ bản sau:

- Chiến lược và định hướng chiến lược phát triển PVFC được thấm sâu vào thực tiễn để tạo ra các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao. Tư tưởng chiến lược này bao hàm quan điểm về xây dựng và giữ chữ tín với khách hàng, quan điểm về đoàn kết nội bộ, công việc của mỗi người đều quan hệ nhân quả với nhau, quan điểm sáng tạo đổi mới, quan điểm lấy kết quả làm thước đo cho công việc, tư tưởng công bằng trong phân phối thành quả lao động, minh bạch về tài chính, phát huy dân chủ...

- Hệ thống các ký hiệu, biểu trưng của PVFC như bộ nhận dạng thương hiệu, hình ảnh, biểu tượng chung, phòng giao dịch, cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, các ngày truyền thống, các nét đặc trưng chung từ đồng phục, biển tên từng người đến phong bì thư, giấy viết thư, sổ tay, bút viết...

- Hệ thống tập quán về thái độ và hành vi ứng xử hàng ngày của mỗi thành viên là một bộ phận tạo nên văn hoá công ty. Các nguyên tắc đó gồm quy định về bảo mật, nội quy lao động, quy định trang phục, đồng phục, phù hiệu, tư thế, tác phong khi làm việc, các nguyên tắc về giao dịch tiếp khách, nguyên tắc, hình thức tuyên dương khen thưởng, nguyên tắc ghi chép chứng từ báo cáo... tất cả các quy định này phải rõ ràng, có kèm theo chế tài thưởng phạt, trở thành quy tắc văn hoá, thành nếp sống của mỗi thành viên.

- Những quy định không thành văn do các thành viên PVFC tự nguyện xây dựng nên trên cơ sở quan hệ tình người và cũng vì lợi ích chung của đơn vị. Một số quy định tiêu biểu như tinh thần trung thực, cởi mở, góp ý thẳng thắn, tập quán mừng sinh nhật, chúc mừng năm mới, chúc mừng các sự kiện thành công, mừng ngày cưới, thưởng cho con em CBCNV có thành tích tốt trong học tập, hay chia buồn khi ốm đau, có tang, giúp đỡ gia đình khó khăn...

Để văn hoá doanh nghiệp tại PVFC được phát huy tối đa hiệu quả đòi hỏi Ban lãnh đạo PVFC cần tiên phong thực hiện và hướng dẫn, truyền dạy

những kiến thức thực tế, phương pháp tư duy, tác phong làm việc và nghệ thuật ứng xử cho cấp dưới.

3.3.8. Phòng ngừa rủi ro

Để phòng ngừa các loại rủi ro trong hoạt động, PVFC đã thành lập bộ phận quản lý rủi ro để xây dựng các chính sách, biện pháp phòng chống rủi ro phù hợp với thực tế hoạt động. Tuy nhiên, PVFC cần lưu ý một số giải pháp cơ bản phòng chống các loại rủi ro cơ bản là:

- Rủi ro lãi suất

Để loại trừ và giảm thiểu tối đa loại hình rủi ro này, PVFC cần thực hiện phân tích đánh giá các chỉ tiêu kinh tế - xã hội nhằm đưa ra nhận định về lãi suất tương lai từ đó cơ cấu lại tài sản nợ và tài sản có của PVFC một cách hợp lý. Tổ chức phân loại các tài sản nợ và tài sản có của PVFC theo từng giai đoạn 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng và 1 năm từ đó dựa vào phân tích biến động lãi suất trong tương lai (1, 3, 6 tháng hay 1 năm). Sử dụng biểu đồ lịch kỳ hạn tái định giá để đưa ra những con số cụ thể về lỗ hay lãi nhằm cơ cấu lại tài sản nợ và tài sản có cho hợp lý. Thực hiện cho vay khách hàng theo lãi suất thả nổi để điều chỉnh tương ứng với tình hình biến động lãi suất theo tình hình thị trường, nghiên cứu xây dựng hệ thống phần mềm cảnh báo khi có biến động về lãi suất.

- Rủi ro về tín dụng

PVFC cần xây dựng tỉ trọng, phân bổ hạn mức cấp tín dụng theo lĩnh vực ngành nghề, ban hành qui chế, qui trình tín dụng, thực hiện xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đánh giá và quyết định cho vay với từng đối tượng khách hàng, thẩm định và định giá các loại hình tài sản thế chấp cũng như phân tích dự án khả thi và khả năng tài chính của từng khách hàng để đưa ra mức cho vay hợp lý,

thực hiện qui chế giám sát, kiểm soát, tái thẩm định từ giai đoạn ban đầu nộp hồ sơ cho đến hết đời dự án của một hồ sơ cho vay cấp vốn, các qui định về hoạt động thẩm định, phê duyệt dựa trên nguyên tắc độc lập và theo hạn mức thẩm quyền.

- Rủi ro về hoạt động đầu tư tài chính

Quản lý giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư tài chính từ khâu nghiên cứu, phê duyệt đầu tư cho đến việc quản lý sau đầu tư. Các sản phẩm đầu tư tài chính được chọn lựa theo hình thức gắn kết với một số ngành nghề kinh tế theo những tiêu chí nhất định. Nếu có biến động liên quan đến một trong số những ngành này thì giá trị cổ phiếu của ngành khác sẽ có tác động hỗ trợ trong danh mục đầu tư. Việc đầu tư tài chính vào nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau giúp cho PVFC hạn chế được rủi ro trong hoạt động đầu tư.

- Rủi ro về hoạt động ngoại hối

Để giảm thiểu được rủi ro hoạt động ngoại hối, PVFC cần phân tích để có dự đoán về nhu cầu sử dụng ngoại tệ trong tương lai của khách hàng nhằm có chính sách nắm giữ ngoại tệ một cách hợp lý. Hơn nữa, PVFC cũng cần áp dụng biện pháp phân tích diễn biến xu hướng của tỷ giá trong tương lai để đưa ra các quyết sách phù hợp.

- Rủi ro về thanh khoản

PVFC cần xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng nguồn vốn hợp lý. Căn cứ trên tình hình thực tế hoạt động để đưa ra mức dự trữ thanh khoản phù hợp đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn huy động với nguồn vốn sử dụng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả hoạt động của từng loại hình nghiệp vụ.

- Rủi ro về hoạt động

Để hạn chế rủi ro này PVFC cần đẩy mạnh thực hiện công tác giám sát, quản lý và triển khai áp dụng trong toàn hệ thống.

3.4. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện có hiệu quả các giải pháp thúc đẩy hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đòi hỏi phải có sự ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi của Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

3.4.1. Đối với Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Sớm hoàn chỉnh hệ thống pháp lý về tập đoàn kinh tế, tập đoàn tài chính ngân hàng nhằm tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi và chủ động thực hiện lộ trình mở cửa và hội nhập kinh tế thế giới cho các đơn vị kinh doanh bảo đảm:

+ Nâng cao quyền tự chủ kinh doanh, quyền quyết định trong sử dụng vốn được giao và huy động vốn của doanh nghiệp.

+ Thực hiện nguyên tắc Nhà nước chỉ quản lý doanh nghiệp Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu vốn đầu tư vào doanh nghiệp.

+ Hoàn thiện việc phân cấp thực hiện quyền sở hữu Nhà nước giữa các cơ quan đại diện sở hữu. Cần xác định rõ phạm vi, thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, ngành, UBND tỉnh và Hội đồng quản trị, bảo đảm sự thống nhất trong phân cấp, phân quyền của chủ sở hữu.

+ Tiếp tục làm rõ, hoàn thiện mô hình tổ chức công ty, tổng công ty, tập đoàn kinh tế, tập đoàn tài chính ngân hàng đặc biệt là làm rõ mô hình tổ chức và hoạt động của các công ty tài chính trong hệ thống các tổ chức tín dụng, mối quan hệ giữa công ty mẹ - công ty con, quan hệ giữa hội đồng quản trị với tổng giám đốc.

+ Tiếp tục đẩy nhanh quá trình đa sở hữu trong doanh nghiệp.

- Hiện nay có nhiều văn bản quy định mô hình tổ chức và hoạt động của công ty tài chính, bên cạnh đó nhiều nội dung quy định về hoạt động của công ty tài chính được ban hành tại các văn bản quy định về mô hình tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại, công ty tài chính là tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có nhiều đặc điểm khác biệt so với các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác do đó Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần sớm quy hoạch lại và ban hành hệ thống các văn bản liên quan đến công ty tài chính ở Việt Nam.

- Theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, nghị định 79/2002/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ quy định các công ty tài chính không được nhận tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng, tuy nhiên trong thực tế Việt Nam mới chuyển sang nền kinh tế thị trường, thị trường vốn, thị trường tiền tệ mới ở mức sơ khai và còn nhiều bất cập, do đó các tổ chức tín dụng rất khó huy động được tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Để hoạt động, các công ty tài chính bắt buộc phải huy động tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng với nhiều hình thức nhằm không bị vi phạm Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định 79/2002/NĐ-CP. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần xem xét, đánh giá công tác huy động vốn tại các công ty tài chính để kiến nghị Chính phủ xem xét trình Quốc hội sửa đổi bổ sung nội dung mô hình tổ chức và hoạt động của các công ty tài chính cho phù hợp với thực tế khách quan và điều kiện của thị trường Việt Nam.

- Khẳng định công ty tài chính thuộc các tổng công ty (tập đoàn kinh tế) Nhà nước không chỉ là một tổ chức tín dụng phi ngân hàng hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng mà còn là một định chế tài chính trong tổng công ty (tập đoàn kinh tế) Nhà nước hoạt động theo Luật doanh nghiệp, thực hiện một số nhiệm vụ, chức năng về quản lý, điều hành tài chính, tín dụng của tổng công ty (tập đoàn kinh tế) Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần cho phép các công ty tài chính thuộc các tổng công ty (tập đoàn kinh tế) Nhà nước được thực hiện các hoạt động sau:

+ Cho phép các công ty tài chính thuộc các tổng công ty (tập đoàn kinh tế) Nhà nước đứng ra làm tổ chức tín dụng đầu mối đối với các dự án đầu tư phát triển do tổng công ty (tập đoàn kinh tế) Nhà nước hoặc các đơn vị thành viên của tổng công ty (tập đoàn kinh tế) Nhà nước là chủ đầu tư.

+ Các công ty tài chính thực hiện giao dịch liên ngân hàng về ngoại tệ, giao dịch điện tử liên ngân hàng, chiết khấu giấy tờ có giá.

3.4.2. Đối với PVN

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các ban chuyên môn đặc biệt là ban tài chính kế toán và PVFC. PVN xác định rõ chức năng nhiệm vụ của PVFC là định chế tài chính, là tổ chức tín dụng phi ngân hàng hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, thực hiện vai trò cầu nối giữa PVN với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, là công cụ quản trị tài chính thực hiện nhiệm vụ quản lý các nguồn tài chính của PVN đảm bảo an toàn và sinh lời.

- Hỗ trợ PVFC tăng khả năng tự chủ về mặt tài chính, phát triển đầy đủ các hoạt động kinh doanh. PVN cần tạo điều kiện thuận lợi để PVFC hoạt động, tất cả vì mục tiêu phát triển chung của PVN. PVN sớm giao cho PVFC quản lý các quỹ của tập đoàn, quản lý các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của PVN và các đơn vị thành viên của PVN.

- Ủy thác cho PVFC thay mặt PVN thực hiện nhiệm vụ huy động vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để triển khai thực hiện các dự án của PVN và các đơn vị thành viên của PVN.

- Giao cho PVFC làm đầu mối tổ chức xây dựng triển khai các phương án huy động vốn từ mọi nguồn vốn xã hội, mọi nguồn vốn quốc tế để đầu tư cho các dự án của PVN và các đơn vị thành viên của PVN.

- Giao cho PVFC tham gia vào quá trình chuẩn bị đầu tư của PVN cũng như chuẩn bị vốn đầu tư vào các liên doanh, công ty cổ phần và các loại hình doanh nghiệp khác mà PVN tham gia góp vốn.

- Giao cho PVFC xây dựng các phương án huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu trong, ngoài nước của PVN và các đơn vị thành viên, thực hiện nghiệp vụ đại lý phát hành trái phiếu cho PVN và các đơn vị thành viên.

- Tạo điều kiện thuận lợi để PVFC tham gia quá trình đổi mới doanh nghiệp của PVN, tổ chức cung cấp các sản phẩm dịch vụ như tư vấn cổ phần hoá, các hoạt động tư vấn liên quan đến cấu trúc tài chính, cấu trúc mô hình tổ chức, tư vấn phát hành trái phiếu cũng như các loại hình dịch vụ tư vấn tài chính khác cho PVN và các đơn vị thành viên của PVN.

Kết luận chương 3

Nội dung chương 3, luận án đã khái quát những điểm chính về tình hình kinh tế quốc tế và trong nước, từ đó đã chỉ ra cơ hội và thách thức với hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt khi Việt Nam đã gia nhập WTO. Tự do hóa đầu tư, tự do hóa thương mại tài chính sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến thị trường tài chính nước ta hiện nay. Từ phương hướng phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, luận án đã chỉ rõ phương hướng và mục tiêu phát triển của PVFC đến năm 2025. Trên cơ sở đó, luận án đã đề xuất tám giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động của PVFC để trở thành Tập đoàn Tài chính hàng đầu tại Việt Nam. Luận án đã có một số kiến nghị với Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và với PVN nhằm tăng thêm tính khả thi đối với các giải pháp đề xuất.

KẾT LUẬN

Trong phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, việc hoàn thiện và phát triển hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là một vấn đề lớn, còn mới mẻ cả về lý luận và thực tiễn. Những nội dung được trình bày trong luận án mong muốn góp phần tổng kết những vấn đề lý luận, kinh nghiệm tổ chức quản lý hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí nhằm khẳng định việc xây dựng các định chế tài chính, đặc biệt là các công ty tài chính thuộc các tổng công ty (tập đoàn kinh tế) Nhà nước như một chỉnh thể hoàn chỉnh trong hệ thống các trung gian tài chính thống nhất trong nền kinh tế. Nghiên cứu đề tài: **“Hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: kinh nghiệm và giải pháp”**, luận án đã đúc rút ra các bài học, giải pháp quan trọng có ý nghĩa lớn mang tính mới về khoa học bao gồm:

Về các bài học kinh nghiệm, luận án đã rút ra sáu bài học kinh nghiệm về hoạt động của các công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở một số nước, trong đó có bốn bài học kinh nghiệm quan trọng đó là:

Thứ nhất, hoạt động của công ty tài chính làm đa dạng các hoạt động của tổ chức tín dụng.

Thứ hai, đối với một tập đoàn kinh tế, cần thiết phải có công ty tài chính. Coi trọng vai trò của công ty tài chính thuộc tập đoàn kinh tế sẽ phát huy được vai trò chủ đạo của các tập đoàn kinh tế đối với nền kinh tế.

Thứ ba, các công ty tài chính là các trung gian tài chính - cầu nối giữa tập đoàn với thị trường tài chính, đặc biệt là trong việc huy động vốn thông qua việc phát hành trái phiếu, phát hành cổ phiếu trên thị trường tài chính

Thứ tư, các tập đoàn kinh tế có công ty tài chính hoạt động hiệu quả hơn các tập đoàn kinh tế không có công ty tài chính.

Đồng thời, qua phân tích thực trạng hoạt động của Công ty Tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt nam, luận án đã rút ra được tám bài học kinh nghiệm, trong đó có năm bài học kinh nghiệm quan trọng có ý nghĩa lớn đối với hoạt động của các công ty tài chính thuộc các tập đoàn kinh tế của Việt nam, đó là:

Thứ nhất, cần nhận thức và xác định rõ vai trò quan trọng của công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế. Công ty tài chính có vai trò là một tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tập đoàn kinh tế với chức năng tổ chức tín dụng đầu mối trong hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng, hoạt động đầu tư tài chính và cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính. Như vậy, qua hoạt động của PVFC khẳng định chủ trương thành lập các công ty tài chính trong tổng công ty Nhà nước là chủ trương hoàn toàn đúng đắn, chủ trương này là một bước hiện thực hoá việc xây dựng các tổng công ty Nhà nước phát triển thành các tập đoàn kinh tế mạnh hoạt động trong các lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế.

Thứ hai, trong hoạt động kinh doanh, cần phải kiểm soát được tốc độ tăng trưởng tín dụng và chất lượng tín dụng. Việc tăng trưởng tín dụng đòi hỏi cần có các giải pháp để đảm bảo tốc độ tăng trưởng tín dụng phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Để hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả đòi hỏi PVFC cần có biện pháp kiểm soát và quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng của cán bộ tín dụng, quản trị và cơ cấu được các khoản nợ.

Thứ ba, cần phải chủ động tiếp cận và xây dựng được mối quan hệ bền vững với tất cả các đơn vị thành viên của tập đoàn. Đối tượng khách hàng chính của các công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế chính là tập đoàn và các đơn vị thành viên của tập đoàn. Nhóm khách hàng này không những

mang lại doanh thu, lợi nhuận ổn định cho công ty tài chính mà còn giúp các công ty tài chính thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ là định chế tài chính của tập đoàn kinh tế.

Thứ tư, vận dụng tổng hợp các nhân tố để nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty tài chính. Thực tế cho thấy, hiệu quả hoạt động của PVFC nói riêng cũng như của các công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế phụ thuộc vào chính công tác tổ chức, triển khai hoạt động, phụ thuộc vào quan điểm điều hành của lãnh đạo tập đoàn đối với công ty tài chính, chỉ các tập đoàn kinh tế thực sự mong muốn và xác định đúng đắn vai trò của công ty tài chính thì mới phát huy tối đa hiệu quả chức năng nhiệm vụ của công ty tài chính.

Thứ năm, cần coi trọng việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tỷ lệ an toàn của tổ chức tín dụng. PVFC cũng như các công ty tài chính cần tập trung xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và có chương trình hành động để áp dụng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tỷ lệ an toàn của tổ chức tín dụng để hoạt động được kiểm soát và phát triển.

Luận án đã chỉ ra tám nhóm giải pháp cơ bản để phát triển hoạt động của Công ty Tài chính Dầu khí bao gồm:

Thứ nhất, hoàn thiện môi trường pháp lý đối với các tổ chức tín dụng, trong đó có các công ty tài chính.

Thứ hai, đa dạng hoá hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí.

Thứ ba, nâng cao vai trò của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ.

Thứ tư, đầu tư đổi mới hệ thống công nghệ thông tin.

Thứ năm, áp dụng các tiêu chuẩn quản lý quốc tế.

Thứ sáu, tăng cường năng lực cạnh tranh.

Thứ bảy, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng văn hoá doanh nghiệp.

Thứ tám, phòng ngừa rủi ro.

Luận án hoàn thành mục tiêu đặt ra trong nghiên cứu và có một số đóng góp sau:

Thứ nhất, hệ thống hoá và làm rõ thêm những vấn đề lý luận về công ty tài chính, về hoạt động và vai trò, chức năng của công ty tài chính trong tập đoàn kinh tế. Luận án đã nghiên cứu thực tiễn hoạt động của một số công ty tài chính thuộc các tập đoàn kinh tế ở một số nước trên thế giới để rút ra một số bài học kinh nghiệm có ý nghĩa thực tiễn với hoạt động của các công ty tài chính thuộc các tổng công ty (tập đoàn kinh tế) Nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, luận án đã khái quát những nét chủ yếu về bối cảnh ra đời của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tổng công ty Dầu khí, nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, luận án tập trung làm rõ thực trạng hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí ở các lĩnh vực huy động vốn, sử dụng vốn, hoạt động dịch vụ tài chính và các mối quan hệ kinh tế với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các thành viên của Tập đoàn. Từ những kết quả và hạn chế trong hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí, luận án đã làm rõ nguyên nhân của các hạn chế và rút ra một số bài học kinh nghiệm có ý nghĩa lý luận, thực tiễn với Công ty tài chính Dầu khí; đó cũng là cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp để thúc đẩy hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí trong giai đoạn tiếp nối năng động hơn, hiệu quả hơn trong nền kinh tế thị trường.

Thứ ba, luận án đã khái quát những điểm chính về tình hình kinh tế quốc tế và trong nước, từ đó đã chỉ ra cơ hội và thách thức với hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong lộ trình hội nhập kinh tế thế giới, đặc biệt khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương

mại thế giới và tự do hóa đầu tư, tự do hóa thương mại tài chính sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến thị trường tài chính nước ta hiện nay. Từ phương hướng phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, luận án đã chỉ rõ phương hướng và mục tiêu phát triển của Công ty tài chính Dầu khí. Trên cơ sở đó, luận án đã đề xuất tám giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí để trở thành Tập đoàn Tài chính hàng đầu tại Việt Nam. Những giải pháp này có ý nghĩa không chỉ với Công ty tài chính Dầu khí mà còn có ý nghĩa tham khảo với các công ty tài chính thuộc các tổng công ty nhà nước (tập đoàn kinh tế) khác tại Việt Nam.

Thứ tư, từ nghiên cứu thực tiễn hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí, luận án đã có một số kiến nghị với Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với Công ty tài chính Dầu khí./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

1. Tổng Quốc Trường (2005), “Công ty tài chính Dầu khí 5 năm thành lập (19/6/2000 - 19/6/2005) chặng đường phát triển nhanh và bền vững”, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, Học viện Tài chính, Số 6 (23), tr.74.
2. Tổng Quốc Trường (2005), “Công ty tài chính Dầu khí tầm nhìn tăng trưởng – thành công tài chính”, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, Học viện Tài chính, số 9 (26), tr.70.
3. Tổng Quốc Trường (2008), “Mô hình tổ chức và quản lý tập đoàn kinh tế”, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, Học viện Tài chính, Số 3 (56), tr.58.
4. Tổng Quốc Trường (2008), “Tập đoàn kinh tế ở Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, Học viện Tài chính, Số 6 (59), tr.28.
5. Tổng Quốc Trường (2008), “Một số vấn đề về tập đoàn kinh tế trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, Học viện Tài chính, Số 11 (64), tr.38.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt:

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khoá IX*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X - Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hoàng Đình Chiến (2001), *Giải pháp hoàn thiện và phát triển các công ty tài chính trong các tổng công ty Nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Hà Nội.
4. Công ty tài chính Dầu khí, *Báo cáo tài chính 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007*, Hà Nội.
5. Công ty tài chính Dầu khí (2002), *Công ty tài chính Dầu khí - Niềm tin mới của sự phát triển*, Hà Nội.
6. Công ty tài chính Dầu khí, *Báo cáo tổng kết năm 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007*, Hà Nội.
7. Công ty tài chính Dầu khí, *Chiến lược phát triển Công ty tài chính Dầu khí đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025*, Hà Nội.
8. Nguyễn Trí Dĩnh (1991), *Vai trò nhà nước ở các nước ASEAN*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
9. Trần Công Diệu (2002), *Những giải pháp nhằm hoàn thiện và phát triển công ty tài chính ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Hà Nội.
10. Nguyễn Tiên Dũng (2000), *Vấn đề cổ phần hoá và tham gia thị trường chứng khoán của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam*, Hội nghị khoa học công nghệ “Ngành dầu khí trước thềm thế kỷ 21”, tập 2, Hà Nội

11. Đỗ Đức Định (1999), *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá: Phát huy lợi thế so sánh - Kinh nghiệm của các nền kinh tế đang phát triển ở Châu Á*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Frederic S.Mishikin (1995), *Tiền tệ, ngân hàng & thị trường tài chính* - Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
13. Dương Phú Hiệp (1996), *Con đường phát triển của một số nước Châu Á - Thái Bình Dương*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (2003), *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính Dầu khí* (Ban hành kèm theo quyết định số 4098/QĐ-HĐQT ngày 12/10/2000 và ban hành kèm theo quyết định số 2839/QĐ-HĐQT ngày 19/11/2003), Hà Nội.
15. Học viện tài chính (2004), *Giáo trình Quản lý tài chính Nhà nước* Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội.
16. Phạm Khiêm Ích - Nguyễn Đình Phan (1994), *Công nghiệp hoá và hiện đại hoá ở Việt Nam và các nước trong khu vực*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
17. Ngụy Kiệt - Hạ Diệu (1993), *Bí quyết cất cánh của bốn con rồng nhỏ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Luyến (1998) (chủ biên), *CNH, HĐH: Những bài học thành công của Đông Á*, Viện kinh tế thế giới, Hà Nội.
19. Hồ Kỳ Minh (2002), *Giải pháp phát triển Công ty tài chính Bru điện*, Luận án tiến sỹ kinh tế.
20. Ngô Quang Minh, Bùi Văn Huyền (2008), *Kinh tế Việt Nam sau một năm gia nhập WTO*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Nguyễn Văn Nam, Trần Thọ Đạt (2006), *Tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

22. Nguyễn Đăng Nam (2003), *Vai trò của các công ty tài chính trong việc phát triển thị trường chứng khoán ở Việt Nam*, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Hà Nội.
23. Hoàng Thị Thanh Nhân (2003) (chủ biên), *Điều chỉnh cơ cấu kinh tế ở Hàn Quốc, Ma-lai-xia và Thái Lan*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Ngân hàng Nhà nước Việt nam (26/9/2002), *Tài liệu hội thảo tổng kết luật các tổ chức tín dụng (loại hình công ty tài chính)*, Hà Nội.
25. Ngân hàng thế giới (1999), *Đông Á - Con rồng dẫn đến phục hồi*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Ngân hàng thế giới (2002), *Suy giảm lại sự thần kỳ Đông Á*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (1997), *Ma-lai-xia – kế hoạch triển vọng lần thứ hai 1991-2000*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. Phùng Xuân Nhạ (2000), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài phục vụ công nghiệp hoá ở Ma-lai-xia*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
29. Nguyễn Trần Quế (2000) (chủ biên), *Lựa chọn sản phẩm và thị trường trong ngoại thương thời kỳ công nghiệp hoá của các nền kinh tế Đông Á*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 2 (thông ngày 12/12/1997), *Luật các Tổ chức tín dụng*, Hà Nội.
31. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 2 (thông ngày 12/12/1997), *Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*, Hà Nội.
32. Ngô Anh Sơn (2002), *Giải pháp phát triển các nghiệp vụ của Công ty tài chính Dệt may*, Luận văn thạc sỹ kinh tế.
33. Tổng cục thống kê (1998), *Dự báo thế kỷ 21*, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.

34. Trường đại học Kinh tế quốc dân (2002), *Giáo trình Kinh tế chính trị học*, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
35. Trường đại học Kinh tế quốc dân (2004), *Giáo trình Lịch sử kinh tế*, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
36. Tài liệu giảng dạy chương trình cao học của Viện quản trị kinh doanh, Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
37. Tạp chí Thông tin Tài chính, Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ, Tạp chí Ngân hàng và Tạp chí Tài chính các năm 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, Hà Nội.
38. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (2008), *Báo cáo tài chính 2007*, Hà Nội.
39. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (2008), *Báo cáo tổng kết năm 2007*, Hà Nội.
40. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, *Chiến lược phát triển ngành Dầu khí đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025*, Hà Nội.
41. Lê Thị Thanh (2006), *Công ty đầu tư tài chính Nhà nước ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
42. Thủ tướng Chính phủ (04/10/2002), *Nghị định số 79/2002/NĐ-CP về tổ chức hoạt động của công ty tài chính*, Hà Nội.
43. Lê Bàn Thạch - Trần Thị Tri (2000), *Công nghiệp hoá ở NIEs Đông Á và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
44. Trần Văn Thọ (1997), *Công nghiệp hoá Việt Nam trong thời đại Châu Á - Thái Bình dương*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
45. Trần Văn Thọ (2005), *Biến động kinh tế Đông Á và con đường công nghiệp hoá Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Trần Văn Tùng (2003), *Chất lượng tăng trưởng nhìn từ Đông Á*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.

47. Trịnh Bá Túu (2003), *Công ty tài chính trên thế giới và ở Việt Nam*, Hà Nội.
48. Tổng cục thống kê (2004), *Tư liệu kinh tế các nước ASEAN*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
49. Tổng Quốc Trường (2005), “Công ty tài chính Dầu khí 5 năm thành lập (19/6/2000 - 19/6/2005) chặng đường phát triển nhanh và bền vững”, Tạp chí *Nghiên cứu Tài chính kế toán*, Học viện Tài chính, Số 6 (23), tr.74, Hà Nội.
50. Tổng Quốc Trường (2005), “Công ty tài chính Dầu khí tầm nhìn tăng trưởng – thành công tài chính”, Tạp chí *Nghiên cứu Tài chính kế toán*, Học viện Tài chính, số 9 (26), tr.70, Hà Nội.
51. Tổng Quốc Trường (2008), “Mô hình tổ chức và quản lý Tập đoàn kinh tế”, Tạp chí *Nghiên cứu Tài chính kế toán*, Học viện Tài chính, Số 3 (56), tr.58, Hà Nội.
52. Tổng Quốc Trường (2008), “Tập đoàn kinh tế ở Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Tài chính kế toán*, Học viện Tài chính, Số 6 (59), tr.28, Hà Nội.
53. Tổng Quốc Trường (2008), “Một số vấn đề về Tập đoàn kinh tế trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Tài chính kế toán*, Học viện Tài chính, Số 11 (64), tr.38, Hà Nội.
54. Viện Kinh tế thế giới (1997), *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá: Phát huy lợi thế so sánh kinh nghiệm của các nền kinh tế đang phát triển ở Châu Á*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Viện Kinh tế thế giới (2001), *Kinh tế Ma-lai-xia*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
56. Viện Kinh tế thế giới (2003), *Điều chỉnh cơ cấu kinh tế ở Hàn Quốc, Ma-lai-xia và Thái Lan*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

57. Viện nghiên cứu Đông Nam Á (2002), *Kinh tế các nước Đông Nam Á, thực trạng và triển vọng*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
58. Viện khoa học xã hội Việt Nam, Viện kinh tế và chính trị thế giới (2008), *Kinh tế và chính trị thế giới năm 2007, triển vọng năm 2008*, Nhà xuất bản từ điển bách khoa, Hà Nội.
59. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Chương trình phát triển của liên hiệp quốc (2004), *Thị trường tài chính Việt Nam, thực trạng, vấn đề và giải pháp chính sách*, Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội.
60. Các Website Internet:
- www.chinhphu.vn
 - www.gso.gov.vn
 - www.sbv.gov.vn
 - www.nhandan.org.vn
 - www.pvfc.com.vn
 - www.petrovietnam.com.vn
 - www.vnpt.com.vn
 - www.ibm.com
 - www.samsung.com
 - www.siemens.com
 - www.wb.org

Tài liệu tiếng Anh:

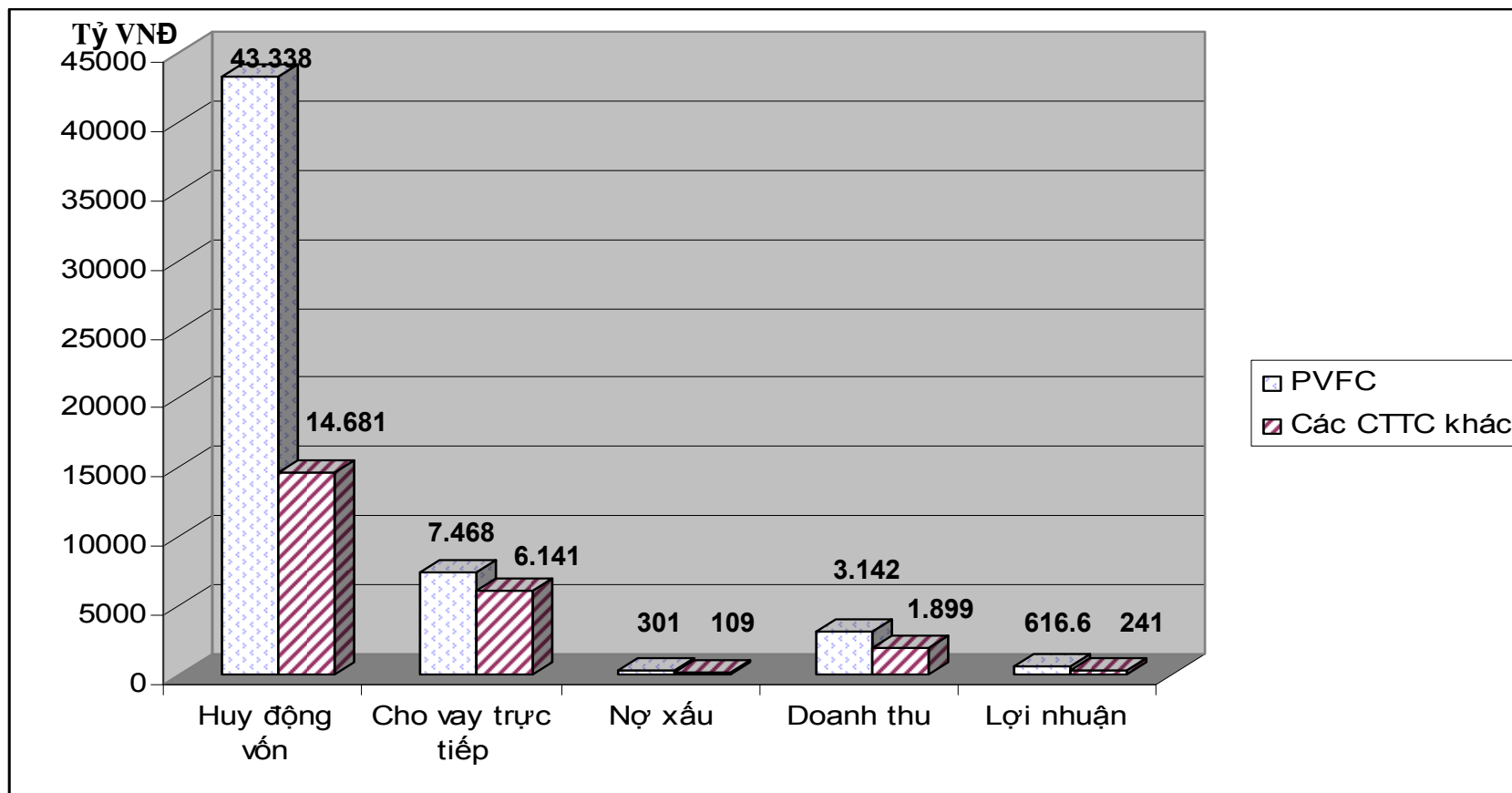
61. Annual report of IBM 2007.
62. Annual report of Sam Sung 2007.
63. Annual report of Siemens 2007.
64. Aswath Damodaran, *Corporate finance*, New York University.

65. Bradley, R.A and S.C. Mayers (1996), *Principles of Corporate Finance (5th ed.)* New York: McGraw-Hill.
66. Carmicheal, Jeffrey and Micheal Pomerleano (2002), *The Development and Regulation of non-Bank Financial Institutions*, The World Bank, Washington D.C.
67. Charles W.L Hill, *International Business - Conpeting in the global marketplace*, IRWIN.
68. Choudhry, Moorad, Didier Joannas, Richard Pereira and Rod Pienaar (2002), *Capital Market Instrument: Analysis and Valuation*, Financial Times – Prentice Hall, London-Amsterdam.
69. Claessens, Stijn; Djankov, Semeon; and Klingebiel Daniela (2000), “Stock Market in transition economies”, *Financial Sector Discussion Paper No 5*, The World Bank, September.
70. Craig Larman (Second Edition), *Applying UML And Patterns*, Prentice Hall PTR.
71. David F. Scott Jr, John D. Martin, J. William Petty, Arthur J. Keown (Eighth edition), *Basic Financial Management*, Prentice Hall, Upper Saddle River, New Jesey 0745B.
72. Everett E. Adam JR., Ronald J. Ebert, *Production And Operations Management – Concepts, Models, And Behavior*, Prentice Hall Englewood Cliffs, NJ 07632.
73. Glenn G. Munn (1983), *Encyclopedia of Banking And Finance*, Bankers Publishing Company, Boston.
74. Haggard, Stephen (1999), “Governance and Growth: Lessons from the Asean Economic Crisis”, *Asia Pacific Economic Literature 13* (November): 30 - 42.
75. .Jack T. Marchewka, *Information Technology Project Management*.

76. Lawrence J. Gitman, *Foundation of management finance*, Harper and Row.
77. Ministry of International Trade and Industry Malaysia, *Malaysia International in the Manufacturing Sector: Policies, Incentives and Facilities*, MIDA, January 1995.
78. Ministry of International Trade and Industry Malaysia, *Malaysia International in the Manufacturing Sector: Policies, Incentives and Facilities*, MIDA, May 1998.
79. Ministry of International Trade and Industry Malaysia, *Ministry of International Trade and Industry Malaysia Report 1997/98*, August 1998.
80. Ministry of International Trade and Industry Malaysia, *Malaysia International in the Manufacturing Sector: Policies, Incentives and Facilities*, MIDA, February 1999.
81. Ministry of International Trade and Industry Malaysia, *Malaysia International in the Manufacturing Sector: Policies, Incentives and Facilities*, MIDA, March 2002.
82. Ministry of International Trade and Industry Malaysia, *Malaysia International in the Manufacturing Sector: Policies, Incentives and Facilities*, MIDA, January 2004.
83. Oxford University Press (1994), *The Reader's Digest Oxford Wordfinder*.
84. Peter Wright, Charles D. Pringle, Mark J. Kroll, John A. Parnell (1994, Second Edition), *Strategic Management Text and Cases*, Allyn and Bacon.
85. Singh, Ajit and Javed, Hamid (1992), "Corporate Financial Structures in Developing Countries", *Technical paper No 1*, International Finance Corporation, Washington D.C.
86. Sundararajan, V. (1990), "Financial sector Reform and Central banking in Centrally Planned Economies", *IMF Working Paper WP/90/120*.

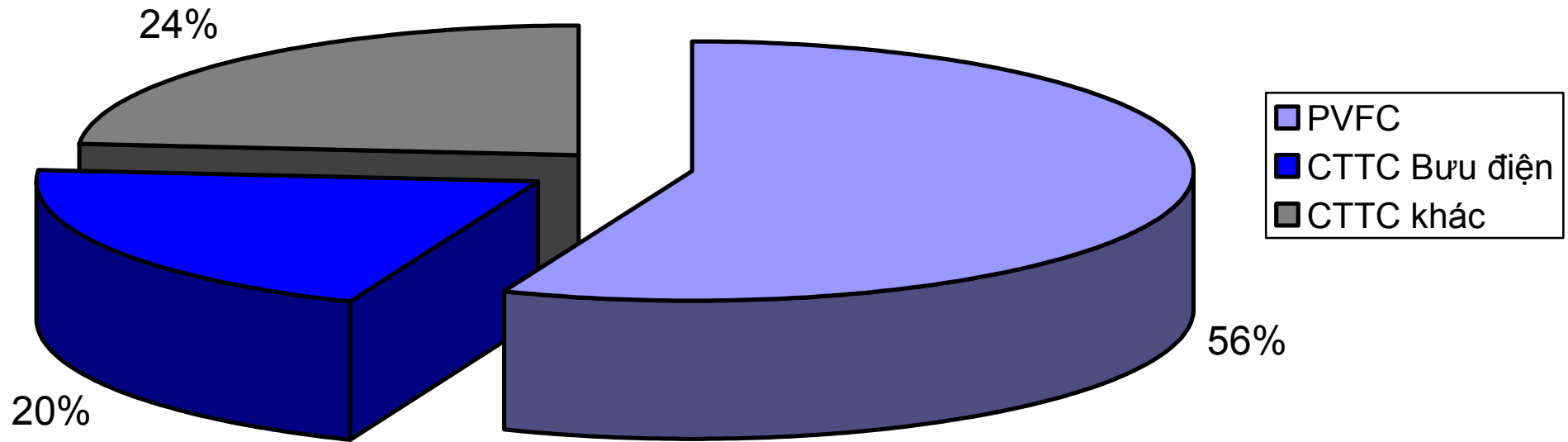
PHỤ LỤC

Phụ lục 01: Tỷ trọng huy động vốn, cho vay trực tiếp, nợ xấu, doanh thu, lợi nhuận của PVFC và các Công ty tài chính tại thời điểm 31/12/2007

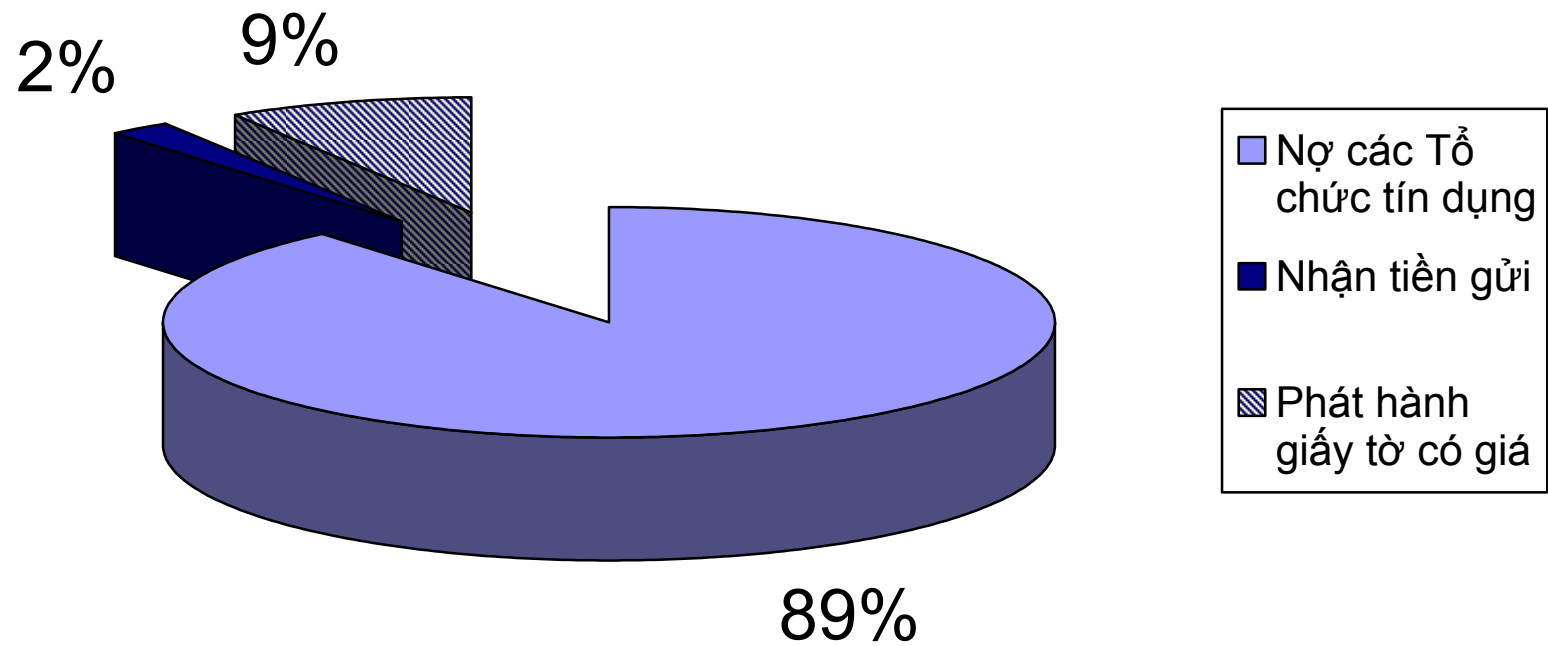


Nguồn: PVFC

Phụ lục 02: Tỷ trọng huy động vốn của các công ty tài chính thời điểm 31/12/2008

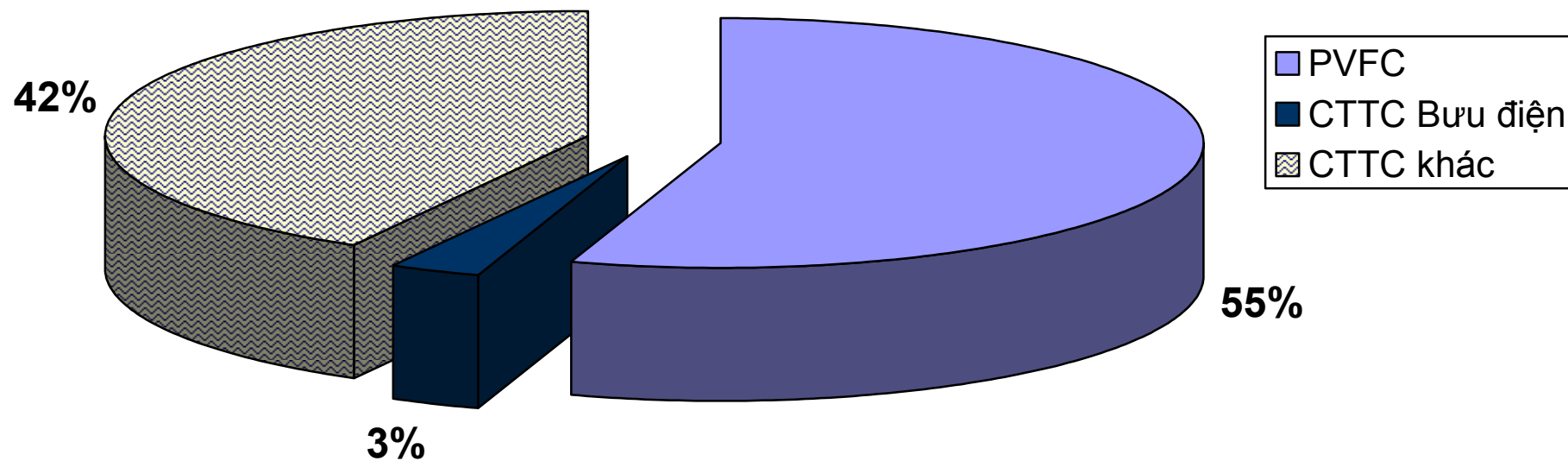


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Phụ lục 03: Cơ cấu huy động vốn của các công ty tài chính thời điểm 31/12/2008

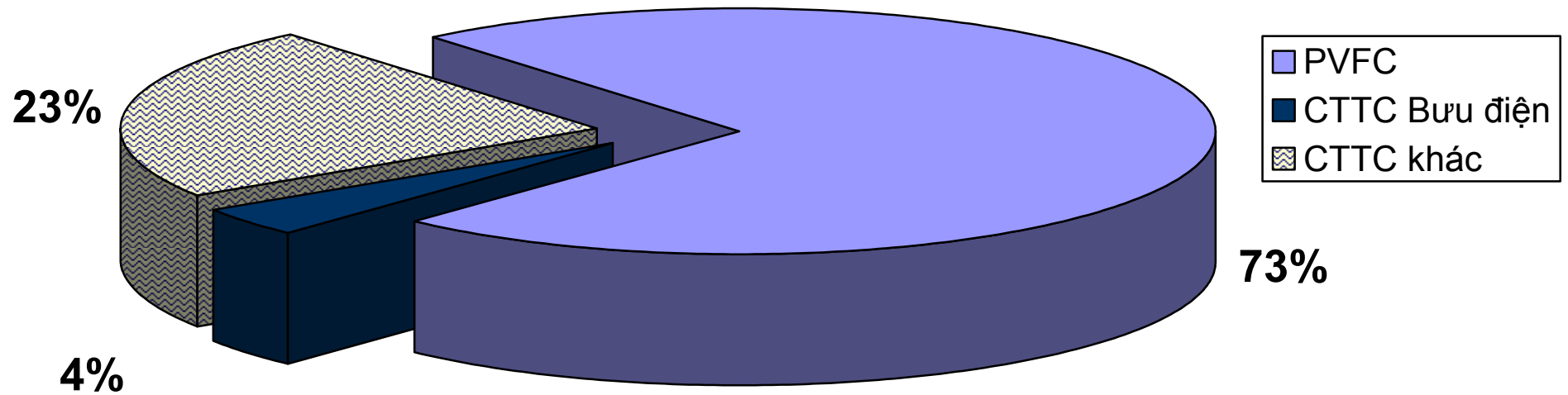
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Phụ lục 04: Tỷ trọng cho vay trực tiếp của các công ty tài chính thời điểm 31/12/2008

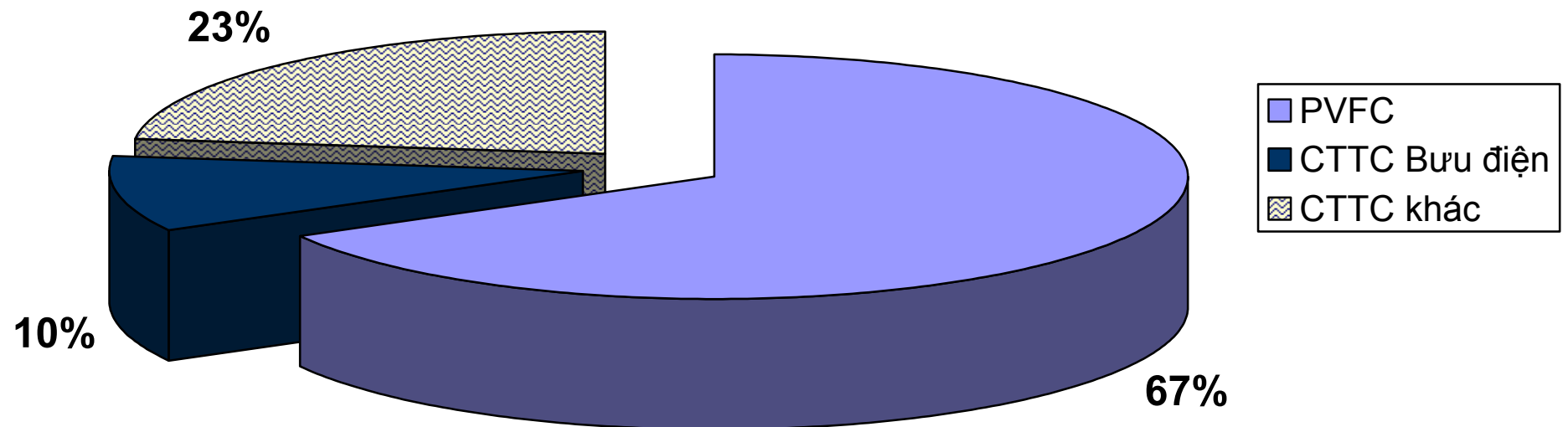


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

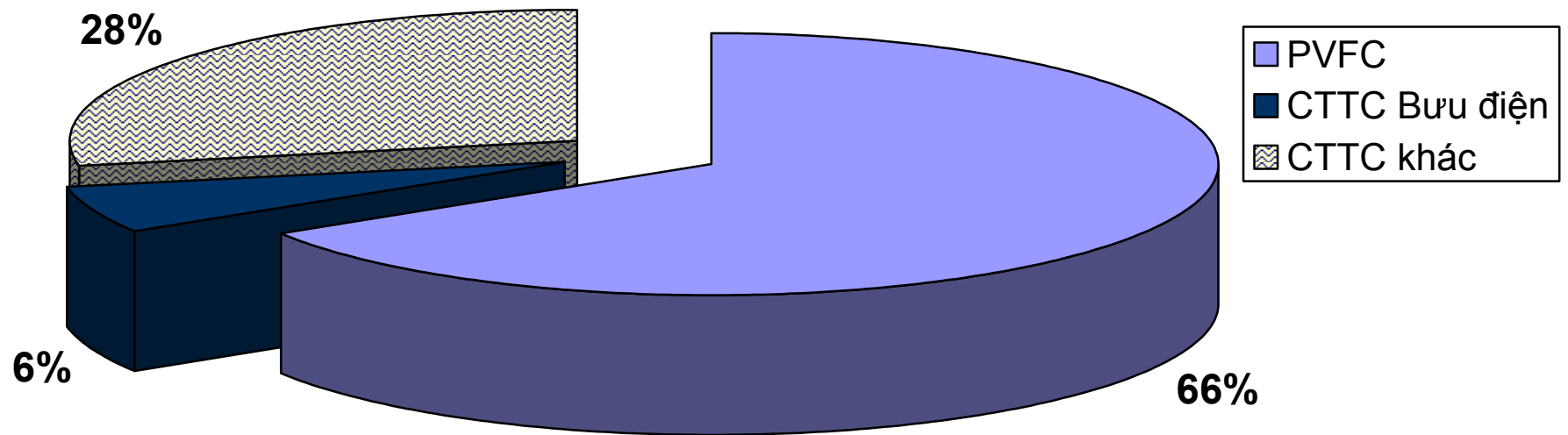
Phụ lục 05: Tỷ trọng nợ xấu của các công ty tài chính thời điểm 31/12/2008



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Phụ lục 06: Tỷ trọng doanh thu của các công ty tài chính năm 2007

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Phụ lục 07: Tỷ trọng lợi nhuận của các công ty tài chính năm 2007

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Phụ lục 08: Danh sách các công ty tài chính tại Việt nam**Thời điểm 31/12/2007**

STT	Tên Công ty	Số và ngày cấp Giấy phép	Số và ngày cấp GP ngoại hối	Vốn điều lệ	Trụ sở chính	Số lượng Chi nhánh
1	Công ty TNHH một thành viên tài chính PPF Việt Nam	112/GP-NHNN ngày 18/04/2008	quy định trong giấy phép	500 tỷ đồng	Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Q1, TPHCM	
2	Công ty TNHH một thành viên tài chính Prudential Việt Nam (Prudential Vietnam Finance Company Limited)	10/GP-NHNN ngày 10/10/2006	quy định trong giấy phép	370 tỷ đồng	Trung tâm thương mại Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Q1, TPHCM	
3	Công ty TNHH một thành viên tài chính Than-Khoáng sản (Mineral and Coal Finance Company)	02/GP-NHNN ngày 30/01/2007		600 tỷ đồng	Toà nhà Việt-Hồng, 58 Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng, Hà Nội	
4	Công ty TNHH một thành viên tài chính Việt-Societe Generale (Socié General Viet Finance Company)	05/GP-NHNN ngày 08/05/2007	quy định trong giấy phép	320 tỷ đồng	Tầng 2, dãy C, toà nhà Broadway Office Park, 150 Nguyễn Lương Bằng, Q.7, Tp HCM	
5	Công ty tài chính Bưu điện (Post and Telecommunication Finance Company)	03/1998/GP-NHNN ngày 10/10/1998	15/GP-NHNN ngày 30/7/2003	500 tỷ đồng	Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà nội	

STT	Tên Công ty	Số và ngày cấp Giấy phép	Số và ngày cấp GP ngoại hối	Vốn điều lệ	Trụ sở chính	Số lượng Chi nhánh
6	Công ty tài chính Cao su (Rubber Finance Company)	02/1998/GP-NHNN ngày 06/10/1998	02/GP-NHNN ngày 6/3/2003	800 tỷ đồng	210 Nam kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP HCM	1
7	Công ty tài chính Dầu khí (Petro Vietnam Finance Joint Stock Corporation)	12/2000/GP-NHNN ngày 25/10/2000	03/GP-NHNN ngày 06/03/2003	5.000 tỷ đồng	72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	9
8	Công ty tài chính Dệt may (Textile Finance Company)	01/1998/GP-NHNN ngày 03/08/1998	05/GP-NHNN ngày 2/4/2003	184 tỷ đồng	32 Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1
9	Công ty tài chính Handico (Handico Finance Company)	09/GP-NHNN ngày 09/08/2005		50 tỷ đồng	Tầng 3, Toà nhà Thăng Long 105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	
10	Công ty tài chính Tàu thủy (Vietnam Shipbuilding Finance Company)	04/2000/GP-NHNN ngày 16/03/2000	11/GP-NHNN ngày 7/5/2003	1023 tỷ đồng	120 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1
11	Công ty tài chính cổ phần Sông Đà (SongDa Finance Joint Stock Company)	137/GP-NHNN ngày 23/05/2008		500 tỷ đồng	Tầng 1, Nhà G10, Thanh Xuân, Hà Nội	
12	Công ty tài chính cổ phần Xi măng (Cement Finance Joint Stock Company)	142/GP-NHNN ngày 29/05/2008		300 tỷ đồng	28 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.